

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN

Số: 5108/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Biên, ngày 24 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Giao kinh phí và phê duyệt dự toán mua sắm tài sản,
hàng hóa, dịch vụ: Mua sắm trang thiết bị, đồ dùng
dạy học các trường Mầm non, Tiểu học, THCS năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16/07/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 19/2009/TT-BGDĐT ngày 11/08/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/03/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn Nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 05/2019/TT-BGD ngày 05/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1;

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu,

lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả;

Căn cứ Quyết định số 5799/QĐ-UBND ngày 25/9/2013, của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền trong đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị xã hội-ngành nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-ngành nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của Ủy ban nhân dân quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 của quận Long Biên;

Căn cứ Văn bản số 8813/TTMSTSC-NVMS ngày 26/12/2019 của Trung tâm mua sắm tài sản công và thông tin, tư vấn tài chính – Sở Tài chính Hà Nội về việc mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung năm 2020;

Căn cứ Văn bản số 862/UBND-TCKH ngày 19/5/2020 của UBND quận Long Biên về việc giao nhiệm vụ triển khai mua sắm, tài sản, trang thiết bị, đồ dùng dạy học các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn quận Long Biên năm 2020.

Căn cứ chứng thư số 701.1/CT-DCSC ngày 31/8/2020 của Công ty Cổ phần Tư vấn - Dịch vụ về tài sản - Bất động sản DATC về việc chứng thư thẩm định giá: Mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học phục vụ cho công các dạy và học các trường Mầm non, Tiểu học, THCS năm 2020;

Theo đề nghị của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tại Tờ trình số 565/TTr-BQLDAĐTĐTXD ngày 17/9/2019 giao kinh phí và phê duyệt dự toán thực hiện nhiệm vụ mua sắm, tài sản, trang thiết bị, đồ dùng dạy học các trường Mầm non, Tiểu học, THCS trên địa bàn quận Long Biên năm 2020;

Theo đề nghị của trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch quận Long Biên tại báo cáo thẩm định số 248/BC-TCKH ngày 22/9/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kinh phí cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Long Biên để thực hiện nhiệm vụ: “Mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học các trường

Mầm non, Tiểu học, THCS năm 2020” số tiền: 22.681.108.000 đồng (Hai mươi hai tỷ, sáu trăm tám mươi một triệu, một trăm linh tám nghìn đồng).

* Nguồn kinh phí ghi tại Quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND quận Long Biên.

Điều 2: Phê duyệt dự toán mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ: Mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học các trường Mầm non, Tiểu học, THCS năm 2020 theo các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên nhiệm vụ: Mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học các trường Mầm non, Tiểu học, THCS năm 2020.

2. Cấp quyết định mua sắm: UBND quận Long Biên

3. Đơn vị thực hiện: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Long Biên.

4. Mục tiêu:

Đáp ứng điều kiện giảng dạy, học tập của giáo viên, học sinh tại các trường học trên địa bàn quận Long Biên năm học 2020.

5. Quy mô và yêu cầu kỹ thuật:

Mua sắm mới trang thiết bị, đồ dùng dạy học các trường Mầm non, Tiểu học, THCS năm 2020 phục vụ công tác dạy và học của các trường học thuộc quận Long Biên.

(Chi tiết kèm theo Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII).

6. Địa điểm lắp đặt: Trang bị cho các trường Mầm non, Tiểu học, THCS công lập trên địa bàn.

(Chi tiết kèm theo Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII)

7. Tổng mức đầu tư: 22.681.108.000 đồng (Hai mươi hai tỷ, sáu trăm tám mươi một triệu, một trăm linh tám nghìn đồng chẵn)

Trong đó:

+ Kinh phí mua sắm:	22.586.511.000 đ
+ Chi phí Thẩm định giá:	28.600.000 đ
+ Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT:	50.000.000 đ
+ Chi phí TĐ HSDT, kết quả LCNT:	15.997.000 đ

(Chi tiết kèm theo Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII).

8. Thời gian thực hiện: Quý III và IV năm 2020

9. Nguồn vốn: Ngân sách quận.

Điều 3. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chịu trách nhiệm:

- Triển khai thực hiện trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tuân thủ đúng các quy định hiện hành của pháp luật về phân chia gói thầu, lựa chọn nhà thầu và hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan.

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, tài liệu gửi kèm theo hồ sơ.

Điều 4. Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, THCS được đầu tư tài sản, trang thiết bị có trách nhiệm:

- Tiếp nhận tài sản trang thiết bị, quản lý sử dụng đúng mục đích, hiệu quả.

- Mở sổ, hạch toán tài sản trang thiết bị theo quy định.

Điều 5. Chánh văn phòng HĐND và UBND quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Giáo dục & Đào tạo, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận, Giám đốc Kho bạc nhà nước Long Biên, Hiệu trưởng các trường được đầu tư và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT HĐND Quận (để b/c);
- Như điều 5;
- Đ/c Đinh Thị Thu Hương -PCT UBND Quận;
- Lưu: VP, TC-KH.(10b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hà

Phụ lục I:

TỔNG HỢP DANH MỤC VÀ DỰ TOÁN THIẾT BỊ CÁC TRƯỜNG MẦM NON PHÒNG THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA NĂM HỌC 2019-2020.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của UBND quận Long Biên)

STT	Tên tài sản, thiết bị	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Long Biên (Thực hiện đạt CQG)			Bắc Cầu (Thực hiện đạt CQG)			Thạch Bàn (Thực hiện đạt CQG)			Hoa Thủy Tiên (Thực hiện đạt CQG)			Gia Quất			Cự Khối			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư						
	TỔNG DỰ TOÁN																						3.356.880.000	
	PHẦN THIẾT BỊ THUỘC DANH MỤC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG																						609.300.000	
	LỚP HỌC VĂN HÓA																							
	PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ + CNTT																							
1	Máy vi tính cho giáo viên Core i5 (CH5)	Bộ	Case ATX + Power supply 450w Intel® Core™ i5-9400 (9MB Cache, 2.90 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400Mhz HDD 01TB SATA3, 7200rpm Intel® H310 Express Chipset Intel® HD Graphics support 7.1 channel High Definition Audio Gigabit LAN controller 19.5" HD USB standard USB Optical	3												1					5	9	15.000.000	135.000.000
A	CÁC PHÒNG HỌC CHỨC NĂNG																							
	Phòng tin học (Kismart)																							
1	Máy chiếu đa năng kỹ thuật số (CH5) Projector	Chiếc	Công nghệ DLP Cường độ sáng 4.000 ANSI Lumens Độ phân giải XGA (1024x768) dpi Hỗ trợ độ phân giải VGA (640x480) to WUXGA (1920x1200) Độ tương phản 20.000:1 Công suất bóng đèn 240W Tuổi thọ bóng đèn 4000 giờ (thông thường)/10000 giờ (chế độ Eco)/8000 giờ (chế độ Smarteco)/15000 giờ (chế độ Lampsave) Ổng kính F=2.56-2.68, f=22-24.1 mm Tỉ lệ khung hình chuẩn 4:3 (5 tỷ lệ có thể lựa chọn) Khung hình chiếu 30-300 inch Số màu hiển thị 1.07 tỷ màu Cổng kết nối Cposite Video (RCA) x 1, S-Video, HDMI-1, HDMI-2/MHL x 1; Audio in (mini jack) x 1; Audio out (mini jack) x 1, USB TypeA (1.5A power) x 1 Nguồn điện 100-240VAC,50 Hz	1						1						1					1	4	18.600.000	74.400.000

STT	Tên tài sản, thiết bị	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Long Biên (Thực hiện đạt CQG)			Bắc Cầu (Thực hiện đạt CQG)			Thạch Bàn (Thực hiện đạt CQG)			Hoa Thủy Tiên (Thực hiện đạt CQG)			Gia Quất			Cự Khối			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư			
2	Màn chiếu treo tường điều khiển điện (CH5)	Cái	- Màn chiếu điện 84x84 - Loại màn: Màn chiếu điện Treo tường cs Motor điện điều khiển từ xa - Kích thước màn dài x rộng 2m13x 2m 13. - Chất liệu màn: Matte white bắt sáng tốt. Điều kiện đứng màn hình tùy ý.	1						1					1				1			4	4.650.000	18.600.000
3	Máy in Laser khổ A4	chiếc	- In 2 mặt tự động, in mạng - Tốc độ in: 34 trang/phút - Bộ nhớ: 64MB - Bộ vi xử lý: 600 MHz - Độ phân giải: 2400x600 dpi - Khay giấy vào: 250 tờ, khay giấy ra: 150 tờ, khay đa năng: 1 tờ - Kết nối: USB 2.0, LAN						1										1			2	4.400.000	8.800.000
4	Máy vi tính cho học sinh Core i3 (CH3a)	Bộ	Case ATX + Power supply 450w Intel® Core™ i3-9100 Processor (6MB Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400Mhz HDD 01TB SATA3, 7200rpm Intel® H310 Express Chipset Intel® HD Graphics support 7.1 channel High Definition Audio Gigabit LAN controller 19.5" HD USB standard USB Optical			5							5		5				5			20	14.000.000	280.000.000
Phòng học thường (14 lớp)																								
1	Máy vi tính cho giáo viên Core i5 (CH5)	Bộ	Case ATX + Power supply 450w Intel® Core™ i5-9400 (9MB Cache, 2.90 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400Mhz HDD 01TB SATA3, 7200rpm Intel® H310 Express Chipset Intel® HD Graphics support 7.1 channel High Definition Audio Gigabit LAN controller 19.5" HD USB standard USB Optical																			1	15.000.000	15.000.000

STT	Tên tài sản, thiết bị	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Long Biên (Thực hiện đạt CQG)			Bắc Cầu (Thực hiện đạt CQG)			Thạch Bàn (Thực hiện đạt CQG)			Hoa Thủy Tiên (Thực hiện đạt CQG)			Gia Quất			Cự Khối			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư						
2	Máy chiếu đa năng kỹ thuật số (CH5) Projector	Chiếc	Công nghệ DLP Cường độ sáng 4.000 ANSI Lumens Độ phân giải XGA (1024x768) dpi Hỗ trợ độ phân giải VGA (640x480) to WUXGA (1920x1200) Độ tương phản 20.000:1 Công suất bóng đèn 240W Tuổi thọ bóng đèn 4000 giờ (thông thường)/10000 giờ (chế độ Eco)/8000 giờ (chế độ Smarteco)/15000 giờ (chế độ Lampsave) Ổng kính F=2.56-2.68, f=22-24.1 mm Tỉ lệ khung hình chuẩn 4:3 (5 tỷ lệ có thể lựa chọn) Khung hình chiếu 30-300 inch Số màu hiển thị 1.07 tỷ màu Cổng kết nối Coposite Video (RCA) x 1, S- Video, HDMI-1, HDMI-2/MHL x 1; Audio in (mini jack) x 1; Audio out (mini jack) x 1, USB TypeA (1.5A power) x 1 Nguồn điện 100-240VAC,50 Hz																	1	1	18.600.000	18.600.000	
3	Màn chiếu treo tường điều khiển điện (CHS)	Chiếc	- Màn chiếu điện 84x84 - Loại màn: Màn chiếu điện Treo tường cs Motor điện điều khiển từ xa - Kích thước màn dài x rộng 2m13x 2m 13. - Chất liệu màn: Matte white bắt sáng tốt. Điều kiện đứng màn hình tùy ý.																		1	1	4.650.000	4.650.000
B CÁC PHÒNG HÀNH CHÍNH																								
Phòng Hội trường																								
1	Máy tính xách tay	Bộ	Intel® Core™ i5-10210U Processor (6M Smart Cache, 1.6GHz) 1TB 5400 rpm Cổng giao tiếp: USB, HDMI, Card reader Intel UHD Graphics 620 15,6" inch HD (1366x768) Adapter: 45w, Battery 4 cell												1						1	2	15.500.000	31.000.000

STT	Tên tài sản, thiết bị	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Long Biên (Thực hiện đạt CQG)			Bắc Cầu (Thực hiện đạt CQG)			Thạch Bàn (Thực hiện đạt CQG)			Hoa Thủy Tiên (Thực hiện đạt CQG)			Gia Quất			Cự Khối			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
				Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư							
2	Máy chiếu đa năng kỹ thuật số (CH5) Projector	Chiếc	Công nghệ DLP Cường độ sáng 4.000 ANSI Lumens Độ phân giải XGA (1024x768) dpi Hỗ trợ độ phân giải VGA (640x480) to WUXGA (1920x1200) Độ tương phản 20.000:1 Công suất bóng đèn 240W Tuổi thọ bóng đèn 4000 giờ (thông thường)/10000 giờ (chế độ Eco)/8000 giờ (chế độ Smarteco)/15000 giờ (chế độ Lampsave) Ống kính F=2.56-2.68, f=22-24.1 mm Tỉ lệ khung hình chuẩn 4:3 (5 tỷ lệ có thể lựa chọn) Khung hình chiếu 30-300 inch Số màu hiển thị 1.07 tỷ màu Cổng kết nối Cposite Video (RCA) x 1, S- Video, HDMI-1, HDMI-2/MHL x 1; Audio in (mini jack) x 1; Audio out (mini jack) x 1, USB TypeA (1.5A power) x 1 Nguồn điện 100-240VAC,50 Hz																		1	1	18.600.000	18.600.000	
3	Màn chiếu treo tường điều khiển điện (CH5)	Chiếc	- Màn chiếu điện 84x84 - Loại màn: Màn chiếu điện Treo tường cs Motor điện điều khiển từ xa - Kích thước màn dài x rộng 2m13x 2m 13. - Chất liệu màn: Matte white bắt sáng tốt. Điều kiện đứng màn hình tùy ý.																			1	1	4.650.000	4.650.000
PHẦN THIẾT BỊ KHÔNG THUỘC DANH MỤC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG																								2.747.580.000	
PHẦN ĐỒ DÙNG																									
1	Tủ đựng đồ dùng cá nhân 24 ô + giá dây đeo	Cái	Kích thước: 2400x400x950 Chất liệu: Bề mặt gỗ thông loại 1 (AA) không mất đi qua sử lý chống ẩm mốc, mối mọt, không cong vênh. Sản phẩm sử dụng khung tủ bằng gỗ thông loại 15ly, hậu tủ 8 ly. Tủ được chia làm 24 ô có cánh tay khoét, lắp bản lề hơi giảm chấn đảm bảo tính thẩm mỹ, an toàn khi sử dụng, phần dưới có 2 tầng để đồ của trẻ. Tính năng: Cất balo, đồ dùng cho trẻ. Có thể xếp 1balo/1 ô hoặc 2 balo/1 ô tùy thuộc số lượng trẻ 1 lớp. XX: Việt Nam												10							10	10.683.000	106.830.000	

STT	Tên tài sản, thiết bị	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Long Biên (Thực hiện đạt CQG)			Bắc Cầu (Thực hiện đạt CQG)			Thạch Bàn (Thực hiện đạt CQG)			Hoa Thủy Tiên (Thực hiện đạt CQG)			Gia Quất			Cự Khối			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư						
2	Tủ đựng chăn, chiếu	Cái	KT: 2000 x 400 x 1200 mm Vật liệu: Bảng gỗ thông loại 1 (AA) không mất đã qua xử lý chống ẩm mốc, mối mọt, không cong vênh. Sản phẩm sử dụng khung tủ bằng gỗ thông loại 15ly, hậu tủ 8 ly. Tủ được chia làm 03 khoang, 4 cánh mở, trong đó 2 khoang hai bên, mỗi khoang được chia thành 3 tầng 1 cánh mở để đựng gối, khoang giữa 2 cánh mở thiết kế rộng để đựng chăn, chiếu. Sử dụng bản lề hơi giảm chấn để đảm bảo an toàn và tính thẩm mỹ cho sản phẩm. XX: Việt Nam													14			10	24	6.569.000	157.656.000		
3	Giường cho trẻ	Cái	Giường cho trẻ mầm non (mỗi chiếc nằm được 1 cháu) Giường lưới gồm khung sắt sơn tĩnh điện, phía dưới giường có 02 thanh ngang bằng inox đỡ bụng. Kt: 120x60x10cm) 4 góc bằng nhựa đúc chắc chắn màu xanh lam. Đảm bảo tính an toàn cho trẻ. Sản phẩm đăng ký nhãn hiệu và được chứng nhận phù hợp TCVN 6238-1:2011; TCVN 6238-2:2008; TCVN 6238-3:2011; TCVN 6238-4a:2011 và được sản xuất bởi nhà máy nhà máy đạt tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng, môi trường.			100	80			300						70		50		600	520.000	312.000.000		
4	Ghế cho giáo viên	Cái	Kích thước: Mặt ngồi: 360 x 330 mm Mặt tựa : 320 x 230 mm Chiều cao từ mặt đất đến mặt ngồi: 370 mm Chiều cao từ mặt đất đến hết mặt tựa: 640 mm Vật liệu: Toàn bộ được làm bằng nhựa composite cao cấp siêu bền, siêu nhẹ. Với thiết kế đặc biệt: 04 chân chữ V cố liền với mặt ngồi tạo thế vững chắc có thể dễ chống lên nhau dễ dàng không bị nghiêng và không tốn diện tích.				10											10		20	200.000	4.000.000		

STT	Tên tài sản, thiết bị	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Long Biên (Thực hiện đạt CQG)			Bắc Cầu (Thực hiện đạt CQG)			Thạch Bàn (Thực hiện đạt CQG)			Hoa Thủy Tiên (Thực hiện đạt CQG)			Gia Quất			Cự Khối			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư						
5	Bàn cho trẻ (bàn 5 chỗ)	Cái	Kích thước: 1200 x 600 x 480-600 mm. Vật liệu: Mặt bàn bằng nhựa cao cấp hình chữ nhật. Chân thép ống bọc nhựa có thể nâng hạ độ cao tùy từng lứa tuổi nhờ đế chuyên dụng. Chân bàn có thể tháo lắp dễ dàng, tiện cho việc vận chuyển và cất giữ (không gập chân, gập bàn). Tính năng: Sản phẩm được thiết kế dùng cho 4-6 trẻ ngồi để học tập như tập viết, tập tô, tập vẽ các bài học và chơi trò chơi trong học tập nhằm phát triển kỹ năng viết, tô màu, vẽ mỹ thuật và toàn diện khả năng tư duy cho trẻ. Ngoài tính năng phục vụ cho cho việc học tập, sản phẩm còn có thể dùng làm bàn ăn cho trẻ ở các bữa chính và phụ. Sản phẩm được thiết kế an toàn và thẩm mỹ khi sử dụng. Sản phẩm đăng ký nhãn hiệu và được chứng nhận phù hợp TCVN 6238-1:2011; TCVN 6238-2:2008; TCVN 6238-3:2011; TCVN 6238-4a:2011 và được sản xuất bởi nhà máy nhà máy đạt tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng, môi trường. Xuất xứ: Việt Nam	100			80			100			50					50			380	2.158.000	820.040.000	
6	Ghế cho trẻ	Cái	Kích thước: 52 x 41 x 26 cm Vật liệu: Mặt ghế bằng nhựa composite cao cấp siêu bền, chân sắt bọc nhựa. Với thiết kế đặc biệt: 04 chân chữ V tạo thế vững chắc có thể dễ dàng chồng lên nhau dễ dàng không bị nghiêng và không tổn diện tích. Sản phẩm đăng ký nhãn hiệu và được chứng nhận phù hợp TCVN 6238-1:2011; TCVN 6238-2:2008; TCVN 6238-3:2011; TCVN 6238-4a:2011 và được sản xuất bởi nhà máy nhà máy đạt tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng, môi trường.	50			80			100			100			80		100			510	326.000	166.260.000	
7	Giá góc tạo hình	Cái	Kích thước: (1500 x 300 x 1100) mm. Vật liệu: Bằng gỗ thông cao cấp loại 1 (AA) dày 15mm, đã qua xử lý chống ẩm mốc, mối mọt, không cong vênh, sơn phủ bóng cao cấp đảm bảo tính thẩm mỹ bền đẹp của sản phẩm. Giá chia 2 khối: Khối kệ 2 tầng có hậu kín trên tầng thông có mái lượn cong cách điệu; Khối 3 tầng 4 ngăn kéo. Chân có bánh xe di chuyển. Sản phẩm đăng ký nhãn hiệu và được chứng nhận phù hợp TCVN 6238-1:2011; TCVN 6238-2:2008; TCVN 6238-3:2011; TCVN 6238-4a:2011 và được sản xuất bởi nhà máy nhà máy đạt tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất:			9						5			4				10		28	2.310.000	64.680.000	

STT	Tên tài sản, thiết bị	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Long Biên (Thực hiện đạt CQG)			Bắc Cầu (Thực hiện đạt CQG)			Thạch Bàn (Thực hiện đạt CQG)			Hoa Thủy Tiên (Thực hiện đạt CQG)			Gia Quất			Cự Khối			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư						
8	Giá góc nội trợ	Cái	Gồm 01 tủ bếp + 01 máy giặt + 01 tủ lạnh+01 bàn bếp + 01 chậu rửa bát Kích thước tổng: 2000x310x800 mm Khối tủ lạnh: 400 x 310 x 900 Bồn khối còn lại: 400 x 310 x 550 mm Vật liệu: Bảng gỗ thông cao cấp loại 1 (AA) dày 15mm, đã qua xử lý chống ẩm mốc, mối mọt, không cong vênh, sơn phủ bóng cao cấp đảm bảo tính thẩm mỹ bền đẹp của sản phẩm. Sản phẩm là mô hình mô phỏng các thiết bị quen thuộc trong gia đình dễ bề làm quen, phân biệt các thiết bị sử dụng hàng ngày, bên trong đều là ô tủ, có hoặc không đợt để cắt đồ đúng, đồ chơi. Sản phẩm mang tính thẩm mỹ và giáo dục cao trong các tiết học của trẻ. Chân có núm cao su giảm chấn. Sản phẩm đăng ký nhãn hiệu và được chứng nhận phù hợp TCVN 6238-1:2011; TCVN 6238-2:2008; TCVN 6238-3:2011; TCVN 6238-4a:2011 và được sản xuất bởi nhà máy nhà máy đạt tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng, môi trường. Xuất xứ: Việt Nam			6							5								10	21	9.089.000	190.869.000
9	Giá góc học tập	Cái	Kích thước: (1.300 x 300 x 1.200)mm. Vật liệu: Bảng gỗ thông cao cấp loại 1 (AA) dày 15mm, đã qua xử lý chống ẩm mốc, mối mọt, không cong vênh, sơn phủ bóng cao cấp đảm bảo tính thẩm mỹ bền đẹp của sản phẩm. Sản phẩm mô phỏng 01 gian hàng 2 khối ghép lại: Khối 1 gồm 1 khoang 2 tầng + 1 khoang 3 tầng trên tạo hình mái nhà; khối 2 trên có ô cửa để trẻ đứng bán hàng, dưới là kệ để đồ 2 tầng. Chân có bánh xe di chuyển. Sản phẩm đăng ký nhãn hiệu và được chứng nhận phù hợp TCVN 6238-1:2011; TCVN 6238-2:2008; TCVN 6238-3:2011; TCVN 6238-4a:2011 và được sản xuất bởi nhà máy nhà máy đạt tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng, môi trường.			6							5								10	21	5.691.000	119.511.000
PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ + CNTT																								

STT	Tên tài sản, thiết bị	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Long Biên (Thực hiện đạt CQG)			Bắc Cầu (Thực hiện đạt CQG)			Thạch Bàn (Thực hiện đạt CQG)			Hoa Thủy Tiên (Thực hiện đạt CQG)			Gia Quất			Cự Khối			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư						
1	Tivi Smart Tivi 4K Samsung 55 inch 55TU7000 + giá treo + Phụ kiện lắp đặt Tivi	Cái	Smart Tivi Samsung 4K 55 inch UA55TU7000 Mới 2020 Loại Tivi:Smart Tivi HDR Kích cỡ màn hình:55 inch Độ phân giải:Ultra HD 4K Kết nối Bluetooth:Có (kết nối loa, bàn phím, chuột, tay game, tai nghe) Kết nối Internet:Cổng LAN, Wifi Cổng HDMI:2 cổng Cổng AV:Có cổng Composite và cổng Component USB:1 cổng Tích hợp đầu thu kỹ thuật số:DVB-T2 Tính năng thông minh (Cập nhật 5/2020) Hệ điều hành, giao diện:Tizen OS Các ứng dụng sẵn có:Tizen App Store, YouTube, Netflix, VieOn, Apple TV, Apple Music, Trình duyệt web, Amazon Prime Video Các ứng dụng phổ biến có thể tải thêm:ZingTV, VTV Go, Galaxy Play (Fim+), PoP Kids, FPT Play, Spotify, Netflix, Clip TV Remote thông minh:Không dùng được Điều khiển tivi bằng điện thoại:Không, Bảng ứng dụng SmartThings Kết nối không dây với điện thoại, máy tính bảng:Kết nối Tizen View, Chiếu màn			7												1			5	13	18.730.000	243.490.000
A	CÁC PHÒNG HỌC CHỨC NĂNG																							
	Phòng học môn Âm Nhạc																							

STT	Tên tài sản, thiết bị	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Long Biên (Thực hiện đạt CQG)			Bắc Cầu (Thực hiện đạt CQG)			Thạch Bàn (Thực hiện đạt CQG)			Hoa Thủy Tiên (Thực hiện đạt CQG)			Gia Quất			Cự Khối			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư			
1	Đàn organ Yamaha PSR 463+ giá kê cho trẻ	Cái	758 tiếng (voice) chất lượng cao bao gồm Sweet! And Cool, kết hợp Polyphony • Chức năng lấy mẫu tiếng nhanh "Quick Sampling" – 5 mẫu (1 loại dạng key Follow + 4 loại dạng one Shot/loop). Tối đa 9,6 giây/ mẫu • Chức năng Groove Creator – 35 Groove, 5 phần (4 main chính + 1 Musical Climax) • 235 nhạc đệm Style đi kèm • Chức năng Record lưu trữ âm thanh Audio thông qua USB – Có thể lưu đến 80 phút/file (wav) • Loa âm trầm 12cm với công suất 6W + 6W • Có thể gán Real-time Control Knob, hiệu ứng DSP và bánh xe cân chỉnh Pitch Bend • Tích hợp cổng USB TO DEVICE • Có thể kết nối và chơi cùng với bài hát yêu thích của bạn thông qua cổng AUX IN • Chức năng Arpeggio Bảo hành: 12 tháng			3																3	9.620.000	28.860.000
2	Đàn organ cho giáo viên Yamaha PSR670	Cái	Đàn organ điện tử dùng cho giáo viên Yamaha PSR S670: - Bàn phím: 61 phím - Maximum Polyphony: 128 voices (GM2/GS/XG Lite), - Sounds: 851 tiếng ; 53 bộ trống - Multitimbral parts: 2 keyboard parts (UPP, LWR) + 16 song parts - Rhythms/SMF section: Reverb:			2																3	21.780.000	108.900.000
Phòng tin học (Kismart)																								

STT	Tên tài sản, thiết bị	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Long Biên (Thực hiện đạt CQG)			Bắc Cầu (Thực hiện đạt CQG)			Thạch Bàn (Thực hiện đạt CQG)			Hoa Thủy Tiên (Thực hiện đạt CQG)			Gia Quất			Cự Khối			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư						
1	Bàn vi tính + ghế cho học sinh ngồi (loại 2 chỗ)	Bộ	Bộ bàn ghế vi tính cho trẻ (Bao gồm 01 bàn + 01 ghế đôi) KT Bàn : 900 x 500 x 800 mm KT ghế: 800 x 400x 600 mm Vật liệu: Gỗ thông cao cấp loại 1 AA. Bàn và ghế đều được thiết kế tạo kiểu dáng bắt mắt dùng riêng cho mầm non, chân bàn cách điệu với 2 ô thoáng chữ nhật, yếm bàn là dạng thanh giằng, trên mặt bàn có gờ gỗ, bàn có dây đủ chỗ để desktop, CPU, khay để bàn phím. Ghế được thiết kế đồng bộ với bàn vi tính, đủ cho 1 giáo viên kèm 01 trẻ ngồi, có tựa và chỗ để tay, chân ghế cũng được tạo kiểu cách điệu có ô thoáng, giằng ghế phía sau. Đảm bảo chắc chắn, an toàn, thẩm mỹ. Sản phẩm thiết kế phù hợp với giáo dục mầm non, kích thích trẻ học và chơi theo hướng dẫn của giáo viên.	10																	10	20	4.410.000	88.200.000
B	CÁC PHÒNG HÀNH CHÍNH																							
	Phòng Hội trường																							
1	Bàn hội trường mẫu CT5522H1 Hãng sản xuất: Hòa phát	Cái	KT:8400x2000x760mm Bàn gỗ CN sơn PU màu cánh gián bàn quay rộng giữa 800mm, 4 góc lượn cong, yếm sắt đất.			1													1		2	33.973.000	67.946.000	
2	Ghế giáo viên Hòa Phát THT02B (GHT02)	Cái	Ghế giáo viên - Ghế có 4 chân tĩnh, khung gỗ tự nhiên toàn bộ - Tựa liên khung - Đệm tựa bọc vải, bọc da hoặc da công nghiệp Kích thước: W420 x D550 x H1050 mm Chất liệu: - ghế hội trường khung gỗ tự nhiên tân bì - Đệm tựa bọc da công nghiệp			30													10		40	893.100	35.724.000	
	Bếp ăn bán trú																							
1	Bếp ga công nghiệp (bếp đôi)	Cái	Bếp ga công nghiệp - KT: 1400 x 750 x 450/680 mm - VLCT: Inox SUS 304 dày 1, 2 ly - Có rãnh thu hồi nước phía trước, tấm chắn Inox phía sau - Công suất: 18800 Kcal/h x 02 bếp. - Các kích thước đều là tiêu chuẩn và Modul hóa				2												2		4	14.490.000	57.960.000	
2	Máy xay thịt công nghiệp	Cái	- Kích thước: 435 x 225 x 460mm - Công suất: 220-250 kg/giờ - Điện năng: 1500 W - Trọng lượng: 38Kg - Điện áp: 220V- 240V/50Hz/1P						1												1	2	32.500.000	65.000.000

STT	Tên tài sản, thiết bị	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Long Biên (Thực hiện đạt CQG)			Bắc Cầu (Thực hiện đạt CQG)			Thạch Bàn (Thực hiện đạt CQG)			Hoa Thủy Tiên (Thực hiện đạt CQG)			Gia Quất			Cự Khối			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư						
3	Tủ lạnh bảo ôn 600Lit	Cái	Tủ chạn Inox 4 tầng có khay hứng nước KT: 2400 x 550 x 1700mm - Tủ làm bằng inox NK 304 khung hộp 30x30mm và các mặt tủ bọc inox - Các thanh nan chạy dọc nghiêng bát tạo độ khô thoáng không đọng nước - Bên ngoài có khóa và được bao bọc kín tránh côn trùng xâm nhập.			1													1	2		23.927.000	47.854.000	
4	Tủ hấp khăn	Cái	Tủ sấy khăn Inox diệt khuẩn công nghiệp 02 cánh mở - KT: 600*550*1930 -Điện áp: 220V - Công suất tiêu thụ: 1218 W. -Dung tích: 600 lít. - Vỏ được làm bằng INOX -Cánh kính 2 lớp cách nhiệt. -Tủ có 3 thanh nhiệt hồng ngoại x 400W. -Tủ có bóng ozon khử độc. -Tủ có bóng tia cực tím diệt khuẩn -Tủ có 5 giá inox để khăn -Điều khiển: Cơ -Cài đặt nhiệt độ sấy lên đến 100°C -Có role tự động ngắt khi đạt nhiệt độ. -Có cảnh báo -Chế độ tiết kiệm điện.F18			1													1	2		30.900.000	61.800.000	
8	Khu vui chơi liên hoàn 3 khối	Bộ	KT: 6400 x 3500 x 3300 mm Vật liệu: Làm từ 2 vật liệu bền vững khi sử dụng ngoài trời là thép và nhựa composite cao cấp. Sân nhà, chiếu nghỉ làm bằng thép dập gợn, dẹt lỗ tròn dày 2mm chống trượt đảm bảo an toàn cho di chuyển. Cột trụ (12 cột) thép ống F76 dày 1.5mm, lan can có tay vịn thép tròn F26 dày 1.5mm, thanh nan F21 dày 1.5mm. Trụ thang đĩa xoay thép ống F26. Mái lâu dài cách điệu, mái chóp lâu dài kiểu mới, cầu trượt, thang leo vách mũi, ống chui, các đĩa xoay, các chi tiết gắn nhựa composite đúc liền cao cấp siêu bền xử lý bề mặt nhẵn cả 2 bề mặt. Các chân đế cột trụ đều có chân ủng nhựa. Liên kết: Gồm 04 khối: Hai khối có mái hình lâu dài và hai khối không mái. Khối mái chóp lâu dài kiểu mới có 01 cầu trượt xoắn, 02 vách ngăn, Khối mái lâu dài cách điệu có 01 cầu trượt sóng đơn. Khối không mái gắn liền kết với khối mái chóp lâu dài kiểu mới nhờ 2 cột trụ chung, trên cột trụ gắn hình cây chổi, chiếc bút chì và 1 thang lên đĩa xoay, 1 cầu trượt ống; Khối không mái thứ hai gắn với khối mái lâu dài cách điệu bởi 2 cột trụ chung trên cột trụ có gắn tên lửa của bé có thang lên bậc. 4 khối được chứa đều 2 bên qua ống chui liên kết, các khối liên kết với nhau nhờ các đai ốp thép bắt bulong chìm.																	0		123.000.000	-	

STT	Tên tài sản, thiết bị	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Long Biên (Thực hiện đạt CQG)			Bắc Cầu (Thực hiện đạt CQG)			Thạch Bàn (Thực hiện đạt CQG)			Hoa Thủy Tiên (Thực hiện đạt CQG)			Gia Quất			Cự Khối			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư			
9	Một số con vật sống trong rừng	Con	VL: Toàn bộ được làm bằng composite 02 lớp siêu bền với màu sắc nguyên bản từ trong khuôn mẫu kéo dài tính thẩm mỹ khi sử dụng ngoài trời. 1 bộ gồm 5 con như: KT hổ: Cao 70cm. KT hươu sao: Cao 120 cm KT sư tử: Cao 70 cm KT bò sữa: Cao 100 cm KT trâu: 100 cm																			0	8.500.000	-

Phụ lục II:

TỔNG HỢP DANH MỤC VÀ DỰ TOÁN THIẾT BỊ CÁC TRƯỜNG MẦM NON PHÒNG THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA NĂM HỌC 2019-2020.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của UBND quận Long Biên)

STT	Tên tài sản, thiết bị	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Giang Biên (2 cơ sở) (Thực hiện đạt CQG)			Phúc Lợi (Thực hiện đạt CQG)			Tuổi Hoa (Thực hiện đạt CQG)			Bồ Đề (Thực hiện đạt CQG)			Ngọc Thụy			Hoa Mai			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
				Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư							
	TỔNG DỰ TOÁN																						3.037.028.000		
	PHẦN THIẾT BỊ THUỘC DANH MỤC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG																						318.550.000		
	LỚP HỌC VĂN HÓA																								
	PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ + CNTT																								
1	Máy vi tính cho giáo viên Core i5 (CH5)	Bộ	Case ATX + Power supply 450w Intel® CoreTM i5-9400 (9MB Cache, 2.90 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400Mhz HDD 01TB SATA3, 7200rpm Intel® H310 Express Chipset Intel® HD Graphics support 7.1 channel High Definition Audio Gigabit LAN controller 19.5" HD USB standard USB Optical	5															10			15	15.000.000	225.000.000	
A	CÁC PHÒNG HỌC CHỨC NĂNG																								
	Phòng tin học (Kismart)																								
1	Máy chiếu đa năng kỹ thuật số (CH5) Projector	Chiếc	Công nghệ DLP Cường độ sáng 4.000 ANSI Lumens Độ phân giải XGA (1024x768) dpi Hỗ trợ độ phân giải VGA (640x480) to WUXGA (1920x1200) Độ tương phản 20.000:1 Công suất bóng đèn 240W Tuổi thọ bóng đèn 4000 giờ (thông thường)/10000 giờ (chế độ Eco)/8000 giờ (chế độ Smarteco)/15000 giờ (chế độ Lampsave) Ống kính F=2.56-2.68, f=22-24.1 mm Tỉ lệ khung hình chuẩn 4:3 (5 tỷ lệ có thể lựa chọn) Khung hình chiếu 30-300 inch Số màu hiển thị 1.07 tỷ màu Cổng kết nối Coposite Video (RCA) x 1, S-Video, HDMI-1, HDMI-2/MHL x 1; Audio in (mini jack) x 1; Audio out (mini jack) x 1, USB TypeA (1.5A power) x 1 Nguồn điện 100-240VAC,50 Hz						1													1	2	18.600.000	37.200.000

STT	Tên tài sản, thiết bị	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Giang Biên (2 cơ sở) (Thực hiện đạt CQG)			Phúc Lợi (Thực hiện đạt CQG)			Tuổi Hoa (Thực hiện đạt CQG)			Bồ Đề (Thực hiện đạt CQG)			Ngọc Thụy			Hoa Mai			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư			
2	Màn chiếu treo tường điều khiển điện (CHS)	Cái	- Màn chiếu điện 84x84 - Loại màn: Màn chiếu điện Treo tường cs Motor điện điều khiển từ xa - Kích thước màn dài x rộng 2m13x 2m 13. - Chất liệu màn: Matte white bắt sáng tốt. Điều kiện đúng màn hình tùy ý.						1												1	2	4.650.000	9.300.000
3	Máy vi tính cho giáo viên Core i5 (CHS)	Bộ	Case ATX + Power supply 450W Intel® Core™ i5-9400 (9MB Cache, 2.90 GHz)																1			1	15.000.000	15.000.000
4	Máy in Laser khổ A4	chiếc	- In 2 mặt tự động, in mạng - Tốc độ in: 34 trang/phút - Bộ nhớ: 64MB - Bộ vi xử lý: 600 MHz - Độ phân giải: 2400x600 dpi - Khay giấy vào: 250 tờ, khay giấy ra: 150 tờ, khay đa năng: 1 tờ - Kết nối: USB 2.0, LAN						1										1			2	4.400.000	8.800.000
B CÁC PHÒNG HÀNH CHÍNH																								
Phòng Hội trường																								
1	Máy chiếu đa năng kỹ thuật số (CHS) Projector	Chiếc	Công nghệ DLP Cường độ sáng 4.000 ANSI Lumens Độ phân giải XGA (1024x768) dpi Hỗ trợ độ phân giải VGA (640x480) to WUXGA (1920x1200) Độ tương phản 20.000:1 Công suất bóng đèn 240W Tuổi thọ bóng đèn 4000 giờ (thông thường)/10000 giờ (chế độ Eco)/8000 giờ (chế độ Smarteco)/15000 giờ (chế độ Lampsave) Ống kính F=2.56-2.68, f=22-24.1 mm Tỉ lệ khung hình chuẩn 4:3 (5 tỷ lệ có thể lựa chọn) Khung hình chiếu 30-300 inch Số màu hiển thị 1.07 tỷ màu Cổng kết nối Composite Video (RCA) x 1, S-Video, HDMI-1, HDMI-2/MHL x 1; Audio in (mini jack) x 1; Audio out (mini jack) x 1, USB TypeA (1.5A power) x 1 Nguồn điện 100-240VAC, 50 Hz																1			1	18.600.000	18.600.000

STT	Tên tài sản, thiết bị	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Giang Biên (2 cơ sở) (Thực hiện đạt CQG)			Phúc Lợi (Thực hiện đạt CQG)			Tuổi Hoa (Thực hiện đạt CQG)			Bồ Đề (Thực hiện đạt CQG)			Ngọc Thụ			Hoa Mai			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư						
2	Màn chiếu treo tường điều khiển điện (CHS)	Chiếc	- Màn chiếu điện 84x84 - Loại màn: Màn chiếu điện Treo tường cs Motor điện điều khiển từ xa - Kích thước màn dài x rộng 2m13x 2m 13. - Chất liệu màn: Matte white bắt sáng tốt. Điều kiện đúng màn hình tùy ý.															1			1	4.650.000	4.650.000	
PHÂN THIẾT BỊ KHÔNG THUỘC DANH MỤC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG																							2.718.478.000	
PHÂN ĐO ĐÚNG																								
1	Tủ đựng đồ dùng cá nhân 24 ô + giá dây dép	Cái	Kích thước: 2400x400x950 Chất liệu: Bềng gỗ thông loại 1 (AA) không mất đã qua xử lý chống ẩm mốc, mối mọt, không cong vênh. Sản phẩm sử dụng khung tủ bềng gỗ thông loại 15ly, hậu tủ 8 ly. Tủ được chia làm 24 ô có cánh tay khoét, lắp bản lề hơi giảm chấn đảm bảo tính thẩm mỹ, an toàn khi sử dụng, phần dưới có 2 tầng để dép của trẻ. Tính năng: Cắt balo, đồ dùng cho trẻ. Có thể xếp 1balo/1 ô hoặc 2 balo/1 ô tùy thuộc số lượng trẻ 1 lớp.		7					16	4					18			10			55	10.683.000	587.565.000
2	Tủ đựng chăn, chiếu	Cái	KT: 2000 x 400 x 1200 mm Vật liệu: Bềng gỗ thông loại 1 (AA) không mất đã qua xử lý chống ẩm mốc, mối mọt, không cong vênh. Sản phẩm sử dụng khung tủ bềng gỗ thông loại 15ly, hậu tủ 8 ly. Tủ được chia làm 03 khoang, 4 cánh mở, trong đó 2 khoang hai bên, mỗi khoang được chia thành 3 tầng 1 cánh mở để đựng gối, khoang giữa 2 cánh mở thiết kế đợt rộng để đựng chăn, chiếu. Sử dụng bản lề hơi giảm chấn để đảm bảo an toàn và tính thẩm mỹ cho sản phẩm.							16	4					6			10			36	6.569.000	236.484.000
3	Giường cho trẻ	Cái	Giường cho trẻ mầm non (mỗi chiếc nằm được 1 cháu) Giường lưới gồm khung sắt sơn tĩnh điện, phía dưới giường có 02 thanh ngang bằng inox đỡ bụng. Kt: 120x60x10cm) 4 góc bằng nhựa đúc chắc chắn màu xanh lam. Đảm bảo tính an toàn cho trẻ. Sản phẩm đăng ký nhãn hiệu và được chứng nhận phù hợp TCVN 6238-1:2011; TCVN 6238-2:2008; TCVN 6238-3:2011; TCVN 6238-4a:2011 và được sản xuất bởi nhà máy nhà máy đạt tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng, môi trường.			100				50								300			450	520.000	234.000.000	

STT	Tên tài sản, thiết bị	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Giang Biên (2 cơ sở) (Thực hiện đạt CQG)			Phúc Lợi (Thực hiện đạt CQG)			Tuổi Hoa (Thực hiện đạt CQG)			Bồ Đề (Thực hiện đạt CQG)			Ngọc Thụy			Hoa Mai			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư			
4	Ghế cho giáo viên	Cái	Kích thước: Mặt ngồi: 360 x 330 mm Mặt tựa : 320 x 230 mm Chiều cao từ mặt đất đến mặt ngồi: 370 mm Chiều cao từ mặt đất đến hết mặt tựa: 640 mm Vật liệu: Toàn bộ được làm bằng nhựa composite cao cấp siêu bền, siêu nhẹ. Với thiết kế đặc biệt: 04 chân chữ V đổ liền với mặt ngồi tạo thể vững chắc có thể dễ chống lên nhau để dàng không bị nghiêng và không tổn diện tích.																10			10	200.000	2.000.000
5	Bàn cho trẻ (bàn 5 chỗ)	Cái	Kích thước: 1200 x 600 x 480-600 mm. Vật liệu: Mặt bàn bằng nhựa cao cấp hình chữ nhật. Chân thép ống bọc nhựa có thể nâng hạ độ cao tùy từng lứa tuổi nhờ đế chuyên dụng. Chân bàn có thể tháo lắp dễ dàng, tiện cho việc vận chuyển và cất giữ (không gập chân, gập bàn). Tính năng: Sản phẩm được thiết kế dùng cho 4-6 trẻ ngồi để học tập như tập viết, tập tô, tập vẽ các bài học và chơi trò chơi trong học tập nhằm phát triển kỹ năng viết, tô màu, vẽ mỹ thuật và toán diện khả năng tư duy cho trẻ. Ngoài tính năng phục vụ cho cho việc học tập, sản phẩm còn có thể dùng làm bàn ăn cho trẻ ở các bữa chính và phụ. Sản phẩm được thiết kế an toàn và thẩm mỹ	100						50									50			200	2.158.000	431.600.000
6	Ghế cho trẻ	Cái	Kích thước: 52 x 41 x 26 cm Vật liệu: Mặt ghế bằng nhựa composite cao cấp siêu bền, chân sắt bọc nhựa. Với thiết kế đặc biệt: 04 chân chữ V tạo thể vững chắc có thể dễ chống lên nhau để dàng không bị nghiêng và không tổn diện tích. Sản phẩm đăng ký nhãn hiệu và được chứng nhận phù hợp TCVN 6238-1:2011; TCVN 6238-2:2008; TCVN 6238-3:2011; TCVN 6238-4a:2011 và được sản xuất bởi nhà máy nhà máy đạt tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng, môi trường.	100						50	50								50			250	326.000	81.500.000

[illegible]

[illegible]

STT	Tên tài sản, thiết bị	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Giang Biên (2 cơ sở) (Thực hiện đạt CQG)			Phúc Lợi (Thực hiện đạt CQG)			Tuổi Hoa (Thực hiện đạt CQG)			Bồ Đề (Thực hiện đạt CQG)			Ngọc Thụy			Hoa Mai			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư			
	Phòng Hội trường																							
1	Bàn hội trường mẫu CT5522H1 Hãng sản xuất: Hòa phát	Cái	KT: 8400x2000x760mm Bàn gỗ CN sơn PU màu cánh gián bàn quay rộng giữa 800mm, 4 góc lượn cong, yếm sắt đất.																1			1	33.973.000	33.973.000
2	Ghế giáo viên Hòa Phát THT02B (GHT02)	Cái	Ghế giáo viên - Ghế có 4 chân tĩnh, khung gỗ tự nhiên toàn bộ - Tựa liền khung - Đệm tựa bọc vải, bọc da hoặc da công nghiệp Kích thước: W420 x D550 x H1050 mm Chất liệu: - ghế hội trường khung gỗ tự nhiên tân bi - Đệm tựa bọc da công nghiệp																50			50	893.100	44.655.000
	Bếp ăn bán trú																							
1	Tủ nấu cơm bằng ga (loại 50kg)	Cái	Tủ nấu cơm bằng ga (loại 50 kg) - KT: 1000x750x1450 mm. Tủ nấu cơm bằng gas (loại 50 kg) KT: 1040x750x1650mm - Inox 304 - Tủ gồm 03 lớp (02 lớp inox và 01 lớp bảo ôn cách nhiệt - Hệ thống cấp nước tự động xả nước - Hệ thống chống cạn, chống cháy - Công suất: 5kg gạo/khay - Có 20 khay cơm - Thời gian nấu: 70-80p - lượng gas tiêu thụ: 2.5kg gas/h	2						1												3	21.780.000	65.340.000
2	Máy xay thịt công nghiệp MM 22	Cái	Máy xay thịt công nghiệp MM 22 Mã hiệu: MM22 hoặc tương đương Điện áp: 220V/50hz Công suất xay thịt: 220kg/h Kích thước máy: 1100 w	2																		2	32.500.000	65.000.000

STT	Tên tài sản, thiết bị	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Giang Biên (2 cơ sở) (Thực hiện đạt CQG)			Phước Lợi (Thực hiện đạt CQG)			Tuổi Hoa (Thực hiện đạt CQG)			Bồ Đề (Thực hiện đạt CQG)			Ngọc Thụy			Hoa Mai			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư			
3	Tủ lạnh bảo ôn 600Lit	Cái	Tủ chạn Inox 4 tầng có khay hứng nước KT: 2400 x 550 x 1700mm - Tủ làm bằng inox NK 304 khung hộp 30x30mm và các mặt tủ bọc inox - Các thanh nan chạy dọc nghiêng bát tạo độ khô thoáng không đọng nước - Bên ngoài có khóa và được bao bọc kín tránh côn trùng xâm nhập.	2																		2	23.927.000	47.854.000
4	Tủ hấp khăn	Cái	Tủ sấy khăn Inox diệt khuẩn công nghiệp 02 cánh mở - KT: 600*550*1930 -Điện áp: 220V - Công suất tiêu thụ: 1218 W. -Dung tích: 600 lít. - Vỏ được làm bằng INOX -Cánh kính 2 lớp cách nhiệt. -Tủ có 3 thanh nhiệt hồng ngoại x 400W. -Tủ có bóng ozon khử độc. -Tủ có bóng tia cực tím diệt khuẩn -Tủ có 5 giá inox để khăn -Điều khiển: Cơ -Cài đặt nhiệt độ sấy lên đến 100°C -Có role tự động ngắt khi đạt nhiệt độ. -Có cảnh báo -Chế độ tiết kiệm điện.F18	2																		2	30.900.000	61.800.000
5	Tủ sấy bát đĩa dùng điện	Cái	Tủ sấy bát đĩa: - Dung tích: 1000 lít (02 cánh mở) - Kích thước: 1080 x 650 x 1650 mm - Chất liệu: Inox SUS 304 dày 1,2 mm, cửa kính TEMPER. Gồm có 10 khay đặt theo yêu cầu. Cánh cửa mở: gồm 02 cánh. Hệ thống sấy: Đèn sấy, chế độ chỉnh nhiệt tự động (automatic). Đèn diệt khuẩn UV Tia cực tím Philips. - Các kích thước đều là tiêu chuẩn và Modul hóa - Mới 100% - Bảo hành 12 tháng	1																		1	29.053.000	29.053.000

Phụ lục III:

TỔNG HỢP DANH MỤC VÀ DỰ TOÁN THIẾT BỊ CÁC TRƯỜNG MẦM NON PHÒNG THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC ĐIỆN TỬ NĂM HỌC 2019-2020.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của UBND quận Long Biên)

STT	Tên hàng	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Hoa Sửa (Theo mô hình trường điện tử)			Đồ thị Sài Đồng (Theo mô hình trường điện tử)			Phúc Đồng (Theo mô hình trường điện tử)			Gia Thượng (Theo mô hình trường điện tử)			Bắc Biên (Theo mô hình trường điện tử)			Gia Thụy			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư			
	TỔNG DỰ TOÁN																							1.378.150.000
	PHẦN THIẾT BỊ THUỘC DANH MỤC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG																							1.378.150.000
A	CÁC PHÒNG THEO CHUẨN CNTT																							
	Phòng tin học (Kismart) chung với phòng ngoại																							
1	Máy vi tính cho giáo viên Core i5 (CH5)	Bộ	Case ATX + Power supply 450w Intel® Core™ i5-9400 (9MB Cache, 2.90 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400Mhz HDD 01TB SATA3, 7200rpm Intel® H310 Express Chipset Intel® HD Graphics support 7.1 channel High Definition Audio Gigabit LAN controller 19.5" HD USB standard USB Optical				1															1	15.000.000	15.000.000
2	Máy vi tính cho học sinh Core i3 (CH3a)	Bộ	Case ATX + Power supply 450w Intel® Core™ i3-9100 Processor (6MB Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400Mhz HDD 01TB SATA3, 7200rpm Intel® H310 Express Chipset Intel® HD Graphics support 7.1 channel High Definition Audio Gigabit LAN controller 19.5" HD USB standard USB Optical	5			10			10			5			5			1			36	14.000.000	504.000.000

[illegible]

STT	Tên hàng	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Hoa Sứ (Theo mô hình trường điện tử)			Đồ thị Sài Đồng (Theo mô hình trường điện tử)			Phúc Đồng (Theo mô hình trường điện tử)			Gia Thượng (Theo mô hình trường điện tử)			Bắc Biên (Theo mô hình trường điện tử)			Gia Thụy			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư			
1	Máy vi tính cho giáo viên Core i5 (CH5)	Bộ	Case ATX + Power supply 450w Intel® Core™ i5-9400 (9MB Cache, 2.90 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400Mhz HDD 01TB SATA3, 7200rpm Intel® H310 Express Chipset Intel® HD Graphics support 7.1 channel High Definition Audio Gigabit LAN controller 19.5" HD USB standard USB Optical				1															1	15.000.000	15.000.000
2	Máy chiếu đa năng kỹ thuật số (CH5) Projector	Chiếc	Công nghệ DLP Cường độ sáng 4.000 ANSI Lumens Độ phân giải XGA (1024x768) dpi Hỗ trợ độ phân giải VGA (640x480) to WUXGA (1920x1200) Độ tương phản 20.000:1 Công suất bóng đèn 240W Tuổi thọ bóng đèn 4000 giờ (thông thường)/10000 giờ (chế độ Eco)/8000 giờ (chế độ Smarteco)/15000 giờ (chế độ Lampsave) Ổng kính F=2.56-2.68, f=22-24.1 mm Tỉ lệ khung hình chuẩn 4:3 (5 tỷ lệ có thể lựa chọn) Khung hình chiếu 30-300 inch Số màu hiển thị 1.07 tỷ màu Cổng kết nối Composite Video (RCA) x 1, S-Video, HDMI-1, HDMI-2/MHL x 1; Audio in (mini jack) x 1; Audio out (mini jack) x 1, USB TypeA (1.5A power) x 1 Nguồn điện 100-240VAC, 50 Hz													1						1	18.600.000	18.600.000
3	Màn chiếu treo tường điều khiển điện (CH5)	Chiếc	Công nghệ DLP Cường độ sáng 4.000 ANSI Lumens Độ phân giải XGA (1024x768) dpi Hỗ trợ độ phân giải VGA (640x480) to WUXGA (1920x1200) Độ tương phản 20.000:1 Công suất bóng đèn 240W Tuổi thọ bóng đèn 4000 giờ (thông thường)/10000 giờ (chế độ Eco)/8000 giờ (chế độ Smarteco)/15000 giờ (chế độ Lampsave) Ổng kính F=2.56-2.68, f=22-24.1 mm Tỉ lệ khung hình chuẩn 4:3 (5 tỷ lệ có thể lựa chọn) Khung hình chiếu 30-300 inch													1						1	4.650.000	4.650.000

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	Tên hàng	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Hoa Sữa (Theo mô hình trường điện tử)			Đô thị Sài Đồng (Theo mô hình trường điện tử)			Phúc Đồng (Theo mô hình trường điện tử)			Gia Thượng (Theo mô hình trường điện tử)			Bắc Biên (Theo mô hình trường điện tử)			Gia Thụy			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư			
1	Máy tính giáo viên	Bộ	Case ATX + Power supply 450w Intel® Core™ i5-9400 (9MB Cache, 2.90 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400Mhz HDD 01TB SATA3, 7200rpm Intel® H310 Express Chipset Intel® HD Graphics support 7.1 channel High Definition Audio Gigabit LAN controller 19.5" HD USB standard USB Optical																			0	15.000.000	-
2	Máy in Laser khổ A4 HP 401D	Cái	Máy in laser đơn sắc khổ A4 tích hợp đảo mặt, in mạng -Máy in laser khổ giấy A4 (CH2) In laser khổ A4, in 2 mặt tự động 34 Trang/phút 64MB 600 MHz (2400 x 600)DPI USB 2.0, LAN Khay giấy vào: 250 tờ, Khay giấy ra: 150 tờ/ Khay đa năng: 01 tờ																			0	4.400.000	-
Phòng y tế																								
1	Máy tính giáo viên	Bộ	Case ATX + Power supply 450w Intel® Core™ i5-9400 (9MB Cache, 2.90 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400Mhz HDD 01TB SATA3, 7200rpm Intel® H310 Express Chipset Intel® HD Graphics support 7.1 channel High Definition Audio Gigabit LAN controller 19.5" HD USB standard USB Optical																			0	15.000.000	-

[illegible]

STT	Tên hàng	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Hoa Sữa (Theo mô hình trường điện tử)			Đô thị Sài Đồng (Theo mô hình trường điện tử)			Phúc Đồng (Theo mô hình trường điện tử)			Gia Thượng (Theo mô hình trường điện tử)			Bắc Biên (Theo mô hình trường điện tử)			Gia Thụy			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư			
1	Tủ đựng đồ dùng cá nhân 24 ô + giá dây dép	Cái	Kích thước: 2400x400x950 Chất liệu: Bề mặt gỗ thông loại 1 (AA) không mất đã qua xử lý chống ẩm mốc, mỗi mặt, không cong vênh. Sản phẩm sử dụng khung tủ bằng gỗ thông loại 15ly, hậu tủ 8 ly. Tủ được chia làm 24 ô có cánh tay khoét, lắp bản lề hơi giảm chấn đảm bảo tính thẩm mỹ, an toàn khi sử dụng, phần dưới có 2 tầng để dép của trẻ. Tính năng: Cất balo, đồ dùng cho trẻ. Có thể xếp 1balo/1 ô hoặc 2 balo/1 ô tùy thuộc số lượng trẻ 1 lớp.							10												10	10.683.000	106.830.000
2	Tủ đựng chăn, chiếu	Cái	KT: 2000 x 400 x 1200 mm Vật liệu: Bề mặt gỗ thông loại 1 (AA) không mất đã qua xử lý chống ẩm mốc, mỗi mặt, không cong vênh. Sản phẩm sử dụng khung tủ bằng gỗ thông loại 15ly, hậu tủ 8 ly. Tủ được chia làm 03 khoang, 4 cánh mở, trong đó 2 khoang hai bên, mỗi khoang được chia thành 3 tầng 1 cánh mở để đựng gối, khoang giữa 2 cánh mở thiết kế đợt rộng để đựng chăn, chiếu. Sử dụng bản lề hơi giảm chấn để đảm bảo an toàn và tính thẩm mỹ cho sản phẩm.							10												10	6.569.000	65.690.000
3	Giường cho trẻ	Cái	Giường cho trẻ mầm non (mỗi chiếc nằm được 1 cháu) Giường lưới gồm khung sắt sơn tĩnh điện, phía dưới giường có 02 thanh ngang bằng inox đỡ bụng. Kt: 120x60x10cm) 4 góc bằng nhựa đúc chắc chắn màu xanh lam. Đảm bảo tính an toàn cho trẻ. Sản phẩm đăng ký nhãn hiệu và được chứng nhận phù hợp TCVN 6238-1:2011; TCVN 6238-2:2008; TCVN 6238-3:2011; TCVN 6238-4a:2011 và được sản xuất bởi nhà máy nhà máy đạt tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất							547									300			847	520.000	440.440.000

STT	Tên hàng	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Hoa Sữa (Theo mô hình trường điện tử)			Đô thị Sài Đồng (Theo mô hình trường điện tử)			Phúc Đồng (Theo mô hình trường điện tử)			Gia Thượng (Theo mô hình trường điện tử)			Bắc Biên (Theo mô hình trường điện tử)			Gia Thụy			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư			
4	Ghế cho giáo viên	Cái	Kích thước: Mặt ngồi: 360 x 330 mm Mặt tựa : 320 x 230 mm Chiều cao từ mặt đất đến mặt ngồi: 370 mm Chiều cao từ mặt đất đến hết mặt tựa: 640 mm Vật liệu: Toàn bộ được làm bằng nhựa composite cao cấp siêu bền, siêu nhẹ. Với thiết kế đặc biệt: 04 chân chữ V đổ liền với mặt ngồi tạo thể vững chắc có thể dễ chống lên nhau để dàng không bị nghiêng và không tổn diện tích.																			0	200.000	-
5	Bàn cho trẻ (bàn 5 chỗ)	Cái	Kích thước: 1200 x 600 x 480-600 mm. Vật liệu: Mặt bàn bằng nhựa cao cấp hình chữ nhật. Chân thép ống bọc nhựa có thể nâng hạ độ cao tùy từng lứa tuổi nhờ dễ chuyển dụng. Chân bàn có thể tháo lắp dễ dàng, tiện cho việc vận chuyển và cất giữ (không gấp chân, gấp chân). Tính năng: Sản phẩm được thiết kế dùng cho 4-6 trẻ ngồi để học tập như tập viết, tập tô, tập vẽ các bài học và chơi trò chơi trong học tập nhằm phát triển kỹ năng viết, tô màu, vẽ mỹ thuật và toàn diện khả năng tư duy cho trẻ. Ngoài tính							50									50			100	2.158.000	215.800.000
6	Ghế cho trẻ	Cái	Kích thước: 52 x 41 x 26 cm Vật liệu: Mặt ghế bằng nhựa composite cao cấp siêu bền, chân sắt bọc nhựa. Với thiết kế đặc biệt: 04 chân chữ V tạo thể vững chắc có thể dễ chống lên nhau để dàng không bị nghiêng và không tổn diện tích. Sản phẩm đăng ký nhãn hiệu và được chứng nhận phù hợp TCVN 6238-1:2011; TCVN 6238-2:2008; TCVN 6238-3:2011; TCVN 6238-4a:2011 và được sản xuất bởi nhà máy nhà máy đạt tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng, môi trường.																50			50	326.000	16.300.000

[illegible]

STT	Tên hàng	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Hoa Sứ (Theo mô hình trường điện tử)			Đồ thị Sài Đồng (Theo mô hình trường điện tử)			Phúc Đồng (Theo mô hình trường điện tử)			Gia Thượng (Theo mô hình trường điện tử)			Bắc Biên (Theo mô hình trường điện tử)			Gia Thụy			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư			
	Phòng tin học (Kismart) chung với phòng ngoại ngữ																							
1	Bàn giáo viên BV103 Hãng sản xuất: Hòa phát	Cái	Bàn giáo viên BV103 KT Bàn: 1200x600x750 VL: Bàn bằng gỗ công nghiệp có một học một ngăn kéo 01 cánh mở + Bàn phím + Chỗ để CPU. Yếm đặt sắt đất.							1												1	2.288.000	2.288.000
2	Ghế giáo viên Hòa Phát THT02B (GHT02)	Cái	Ghế giáo viên - Ghế có 4 chân tĩnh, khung gỗ tự nhiên toàn bộ - Tựa liên khung - Đệm tựa bọc vải, bọc da hoặc da công nghiệp Kích thước: W420 x D550 x H1050 mm Chất liệu: - ghế hội trường khung gỗ tự nhiên							1												1	893.100	893.100
	CÁC PHÒNG HỌC CHỨC NĂNG																							
	Phòng học môn Âm Nhạc																							
1	Ghế cho trẻ	Cái	Ghế cho trẻ Kích thước: 52 x 41 x 26 cm Vật liệu: Mạ: ghế bằng nhựa composite cao cấp siêu bền, chân sắt bọc nhựa Với thiết kế đặc biệt: 04 chân chữ V tạo thế vững chắc có thể để chồng lên nhau dễ dàng không bị nghiêng và không tổn diện tích. Sản phẩm đăng ký nhãn hiệu và được chứng nhận phù hợp TCVN 6238-1:2011; TCVN 6238-2:2008; TCVN 6238-3:2011; TCVN 6238-4:2011 và																	30		30	326.000	9.780.000

[illegible]

STT	Tên hàng	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Hoa Sữa (Theo mô hình trường điện tử)			Đô thị Sài Đồng (Theo mô hình trường điện tử)			Phúc Đồng (Theo mô hình trường điện tử)			Gia Thượng (Theo mô hình trường điện tử)			Bắc Biên (Theo mô hình trường điện tử)			Gia Thụy			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư			
1	Bảng tương tác thông minh Specktron IRB2- 92TC + Giá đỡ bảng tương tác	bộ	Dòng sản phẩm : IRB2-92TC Công nghệ : tia hồng ngoại , bề mặt phun gốm Bề mặt tương tác : 92.2in Bề mặt tương tác : 2016x1165mm Diện tích trình chiếu : 87.3 in Diện tích trình chiếu : 1880x1165mm Tỷ lệ màn hình : 16:10 Phim tắt : Tiêu chuẩn Chất liệu khung : Nhôm Số điểm chạm : 4 điểm Cảm ứng : tay hoặc bút Độ phân giải : 32767x32767 Tốc độ xử lý : 125điểm/giây Chất liệu bề mặt : gốm Chất liệu bên trong : honeycomb steel Chất liệu mặt sau bảng : thép Tốc độ xử lý: <=6ms Độ chính xác: 1mm Kết nối : USB Loại USB: A-B Dây USB kèm thiết bị : 7.5m Dây USB tùy chọn : 10m Nguồn điện (W) : <0.5W Hỗ trợ hệ điều hành : win vista/win7 / win 8/ win 10 32bit or 64bit																			1	63.960.000	63.960.000

Phụ lục IV:

TỔNG HỢP DANH MỤC VÀ DỰ TOÁN THIẾT BỊ CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÒNG THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA NĂM HỌC 2019-2020.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5108/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của UBND quận Long Biên)

ST T	Tên tài sản, thiết bị	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Long Biên (Thực hiện đạt CQG)			Việt Hưng (Thực hiện đạt CQG)			Sài Đồng (Thực hiện đạt CQG)			Thanh Am (Thực hiện đạt CQG)			Lý Thường Kiệt (Thực hiện đạt CQG)			Thạch Bàn A (Thực hiện đạt CQG)			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư						
	TỔNG DỰ TOÁN																						3.299.648.000	
	PHẦN THIẾT BỊ THUỘC DANH MỤC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG																						2.219.470.000	
	LỚP HỌC																							
1	Bàn học sinh lớp 5 - cỡ số VI (166-180m) Bàn bán trú 2 chỗ ngồi	Cái	Mã bàn MB7.6 theo CV8813 gỗ MDF phủ melamin dày 18mm	100			100			50			66		108			125			549	1.220.000	669.780.000	
2	Ghế học sinh lớp 5 - cỡ số VI (166-180m) 2 chỗ ghế rời - bán trú	Cái	Mã bàn MG7.6 theo CV8813 gỗ MDF phủ melamin dày 18mm	200			200			100			132		216			250			1098	330.000	362.340.000	
3	Máy chiếu đa năng kỹ thuật số (CH5) Projector	Chiếc	Công nghệ DLP. Cường độ sáng 4.000 ANSI Lumens Độ phân giải XGA (1024x768) dpi Hỗ trợ độ phân giải VGA (640x480) to WUXGA (1920x1200) Độ tương phản 20.000:1 Công suất bóng đèn 240W Tuổi thọ bóng đèn 4000 giờ (thông thường)/10000 giờ (chế độ Eco)/8000 giờ (chế độ Smarteco)/15000 giờ (chế độ Lampsave) Ống kính F=2.56-2.68, f=22-24.1 mm Tỉ lệ khung hình chuẩn 4:3 (5 tỷ lệ có thể lựa chọn) Khung hình chiếu 30-300 inch Số màu hiển thị 1.07 tỷ màu Cổng kết nối Coposite Video (RCA) x 1, S-Video, HDMI-1, HDMI-2/MHL x 1; Audio in (mini jack) x 1; Audio out (mini jack) x 1, USB TypeA (1.5A power) x 1 Nguồn điện 100-240VAC,50 Hz						3					6			10			19	18.600.000	353.400.000		
4	Màn chiếu treo tường điều khiển điện (CH5)	Chiếc	- Màn chiếu điện 84x84 - Loại màn: Màn chiếu điện Treo tường cs Motor điện điều						3					6			10			19	4.650.000	88.350.000		
A	CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG																							
	Phòng tin học																							

ST T	Tên tài sản, thiết bị	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Long Biên (Thực hiện đạt CQG)			Việt Hưng (Thực hiện đạt CQG)			Sài Đồng (Thực hiện đạt CQG)			Thanh Am (Thực hiện đạt CQG)			Lý Thường Kiệt (Thực hiện đạt CQG)			Thạch Bàn A (Thực hiện đạt CQG)			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư						
1	Máy vi tính cho giáo viên Core i5 (CH5)	Bộ	Case ATX + Power supply 450w Intel® CoreTM i5-9400 (9MB Cache, 2.90 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400Mhz HDD 01TB SATA3, 7200rpm Intel® H310 Express Chipset Intel® HD Graphics support 7.1 channel High Definition Audio Gigabit LAN controller 19.5" HD USB standard USB Optical	1						1						1			1			4	15.000.000	60.000.000
2	Máy vi tính cho học sinh Core i3 (CH3a)	Bộ	Case ATX + Power supply 450w Intel® CoreTM i3-9100 Processor (6MB Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400Mhz HDD 01TB SATA3, 7200rpm Intel® H310 Express Chipset Intel® HD Graphics support 7.1 channel High Definition Audio Gigabit LAN controller 19.5" HD USB standard USB Optical										10			20			10			40	14.000.000	560.000.000
3	Máy chiếu đa năng kỹ thuật số (CH5) Projector	Chiếc	Công nghệ DLP Cường độ sáng 4.000 ANSI Lumens Độ phân giải XGA (1024x768) dpi Hỗ trợ độ phân giải VGA (640x480) to WUXGA (1920x1200) Độ tương phản 20.000:1 Công suất bóng đèn 240W Tuổi thọ bóng đèn 4000 giờ (thông thường)/10000 giờ (chế độ Eco)/8000 giờ (chế độ Smarteco)/15000 giờ (chế độ Lampsave) Ống kính F=2.56-2.68, f=22-24.1 mm Tỉ lệ khung hình chuẩn 4:3 (5 tỷ lệ có thể lựa chọn) Khung hình chiếu 30-300 inch Số màu hiển thị 1.07 tỷ màu Cổng kết nối Cposite Video (RCA) x 1, S-Video, HDMI-1, HDMI-2/MHL x 1; Audio in (mini jack) x 1; Audio out (mini jack) x 1, USB TypeA (1.5A power) x 1 Nguồn điện 100-240VAC,50 Hz										1						1			2	18.600.000	37.200.000
4	Màn chiếu treo tường điều khiển điện (CH5)	Chiếc	- Màn chiếu điện 84x84 - Loại màn: Màn chiếu điện Treo tường cs Motor điện điều khiển từ xa - Kích thước màn dài x rộng 2m13x 2m 13. - Chất liệu màn: Matte white bất sáng tốt. Điều kiện đứng màn hình tùy ý.										1						1			2	4.650.000	9.300.000

ST T	Tên tài sản, thiết bị	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Long Biên (Thực hiện đạt CQG)			Việt Hưng (Thực hiện đạt CQG)			Sài Đồng (Thực hiện đạt CQG)			Thanh Am (Thực hiện đạt CQG)			Lý Thường Kiệt (Thực hiện đạt CQG)			Thạch Bàn A (Thực hiện đạt CQG)			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư						
5	Máy in Laser khổ A4	Cái	- In 2 mặt tự động, in mạng - Tốc độ in: 34 trang/phút - Bộ nhớ: 64MB - Bộ vi xử lý: 600 MHz - Độ phân giải: 2400x600 dpi - Khay giấy vào: 250 tờ, khay giấy ra: 150 tờ, khay đa năng: 1 tờ - Kết nối: USB 2.0, LAN	1						1						1				1		4	4.400.000	17.600.000
Phòng Đa năng																								
1	Máy vi tính cho giáo viên Core i5 (CH5)	Bộ	Case ATX + Power supply 450w Intel® Core™ i5-9400 (9MB Cache, 2.90																1			1	15.000.000	15.000.000
B CÁC PHÒNG HÀNH CHÍNH																								
I Phòng Đoàn đội																								
6	Máy vi tính cho giáo viên	Bộ																				0	990.000	-
Phòng Hội đồng																								
1	Máy chiếu đa năng kỹ thuật số (CH5) Projector	Chiếc	Công nghệ DLP Cường độ sáng 4.000 ANSI Lumens Độ phân giải XGA (1024x768) dpi Hỗ trợ độ phân giải VGA (640x480) to WUXGA (1920x1200) Độ tương phản 20.000:1 Công suất bóng đèn 240W Tuổi thọ bóng đèn 4000 giờ (thông thường)/10000 giờ (chế độ Eco)/8000 giờ (chế độ Smarteco)/15000 giờ (chế độ Lampsave) Ống kính F=2.56-2.68, F=22-24.1 mm Tỉ lệ khung hình chuẩn 4:3 (5 tỷ lệ có thể lựa chọn) Khung hình chiếu 30-300 inch Số màu hiển thị 1.07 tỷ màu Cổng kết nối Composite Video (RCA) x 1, S-Video, HDMI-1, HDMI-2/MHL x 1; Audio in (mini jack) x 1; Audio out (mini jack) x 1, USB TypeA (1.5A power) x 1 Nguồn điện 100-240VAC, 50 Hz	1						1												2	18.600.000	37.200.000
2	Màn chiếu treo tường điều khiển điện (CH5)	Chiếc	- Màn chiếu điện 84x84 - Loại màn: Màn chiếu điện Treo tường cs Motor điện điều khiển từ xa - Kích thước màn dài x rộng 2m13x 2m 13. - Chất liệu màn: Matte white bắt sáng tốt. Điều kiện đứng màn hình tùy ý.	1						1												2	4.650.000	9.300.000
PHẦN THIẾT BỊ KHÔNG THUỘC DANH MỤC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG																								1.080.177.900
1	Tủ đựng đồ bán trú 03 ngăn TU07S Hãng sản xuất: Hòa phát	cái	VL: Khung làm thép sơn tĩnh điện. Tủ có 2 cánh mở có khóa có lỗ thoáng khí, bên trong có 2 đợt cố định chia làm 3 ngăn để đồ. KT tổng thể: 1320x450x1000mm	36			37			32				7	40			40				192	1.920.600	368.755.200

[illegible]

ST T	Tên tài sản, thiết bị	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Long Biên (Thực hiện đạt CQG)			Việt Hưng (Thực hiện đạt CQG)			Sài Đồng (Thực hiện đạt CQG)			Thanh Am (Thực hiện đạt CQG)			Lý Thường Kiệt (Thực hiện đạt CQG)			Thạch Bàn A (Thực hiện đạt CQG)			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư						
I	Đàn organ Yamaha PSR 463+ giá kê cho trẻ	Cái	758 tiếng (voice) chất lượng cao bao gồm Sweet! And Cool, kết hợp Polyphony • Chức năng lấy mẫu tiếng nhanh “Quick Sampling” – 5 mẫu (1 loại dạng key Follow + 4 loại dạng one Shot/loop). Tối đa 9,6 giây/ mẫu • Chức năng Groove Creator – 35 Groove, 5 phần (4 main chính + 1 Musical Climax) • 235 nhạc đệm Style đi kèm • Chức năng Record lưu trữ âm thanh Audio thông qua USB – Có thể lưu đến 80 phút/file (wav) • Loa âm trầm 12cm với công suất 6W + 6W • Có thể gắn Real-time Control Knob, hiệu ứng DSP và bánh xe căn chỉnh Pitch Bend • Tích hợp cổng USB TO DEVICE • Có thể kết nối và chơi cùng với bài hát yêu thích của bạn thông qua cổng AUX IN • Chức năng Arpeggio Bảo hành: 12 tháng		3							3	6								12	9.620.000	115.440.000	
II Phòng học môn Mỹ Thuật																							-	
Phòng tin học																							-	
I	Bàn vi tính hai mặt cho HS (loại 6 chỗ)	cái	KT: Kích thước: 1800 x 1000 x 700(mm) Khung bằng thép hộp 20x40 sơn tĩnh điện, mặt gỗ melamin màu vân gỗ. Kệ để CPU di động, bàn có 6 bàn phím. Loại không có vách ngăn ở giữa Mặt bàn và kệ đựng CPU bằng gỗ công nghiệp MFC chống xước chống thấm nước dày 18mm				0					2				6					8	4.410.000	35.280.000	
C THIẾT BỊ NGOÀI TRỜI																							-	
I	Ghế thép gấp G01M Hãng sản xuất: Hòa Phát	cái	Ghế gấp Kích thước: W480 x D515 x H890 mm Ghế gấp hai cốt, tựa hình chữ nhật, chân ống Ø22. Đệm tựa PVC. Màu sắc: Xanh HP Chân mạ	50					50			40			50						190	497.640	94.551.600	

Phụ lục V:

TỔNG HỢP DANH MỤC VÀ DỰ TOÁN THIẾT BỊ CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÒNG THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC ĐIỆN TỬ NĂM HỌC 2019-2020.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của UBND quận Long Biên)

ST T	Tên hàng	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Đô thị Việt Hưng (Theo mô hình trường điện tử)			Ái Mộ A (Theo mô hình trường điện tử)			Thạch Bàn B (Theo mô hình trường điện tử)			Ngọc Lâm (Theo mô hình trường điện tử)			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư			
	TỔNG DỰ TOÁN																	594.650.000
	PHẦN THIẾT BỊ THUỘC DANH MỤC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG																	594.650.000
	CÁC PHÒNG THEO																	
	Phòng tin học																	
1	Máy vi tính cho giáo viên Core i5 (CH5)	Chiếc	Case ATX + Power supply 450w Intel® Core™ i5-9400 (9MB Cache, 2.90 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400Mhz HDD 01TB SATA3, 7200rpm Intel® H310 Express Chipset Intel® HD Graphics support 7.1 channel High Definition Audio Gigabit LAN controller 19.5" HD USB standard USB Optical	1												1	15.000.000	15.000.000
2	Máy vi tính cho học sinh Core i3 (CH3a)	Bộ	Case ATX + Power supply 450w Intel® Core™ i3-9100 Processor (6MB Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400Mhz HDD 01TB SATA3, 7200rpm Intel® H310 Express Chipset Intel® HD Graphics support 7.1 channel High Definition Audio Gigabit LAN controller 19.5" HD USB standard USB Optical	10			10			10						30	14.000.000	420.000.000

ST T	Tên hàng	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Đồ thị Việt Hưng (Theo mô hình trường điện từ)			Ái Mộ A (Theo mô hình trường điện từ)			Thạch Bàn B (Theo mô hình trường điện từ)			Ngọc Lâm (Theo mô hình trường điện từ)			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư			
3	Máy chiếu đa năng kỹ thuật số (CH5) Projector	Chiếc	Công nghệ DLP Cường độ sáng 4.000 ANSI Lumens Độ phân giải XGA (1024x768) dpi Hỗ trợ độ phân giải VGA (640x480) to WUXGA (1920x1200) Độ tương phản 20.000:1 Công suất bóng đèn 240W Tuổi thọ bóng đèn 4000 giờ (thông thường)/10000 giờ (chế độ Eco)/8000 giờ (chế độ Smarteco)/15000 giờ (chế độ Lampsave) Ống kính F=2.56-2.68, f=22-24.1 mm Tỉ lệ khung hình chuẩn 4:3 (5 tỷ lệ có thể lựa chọn) Khung hình chiếu 30-300 inch Số màu hiển thị 1.07 tỷ màu Cổng kết nối Ccomposite Video (RCA) x 1, S-Video, HDMI-1, HDMI-2/MHL x 1; Audio in (mini jack) x 1; Audio out (mini jack) x 1, USB TypeA (1.5A power) x 1 Nguồn điện 100-240VAC,50 Hz	1												1	18.600.000	18.600.000
4	Màn chiếu treo tường điều khiển điện (CH5)	Chiếc	- Màn chiếu điện 84x84 - Loại màn: Màn chiếu điện Treo tường cs Motor điện điều khiển từ xa - Kích thước màn dài x rộng 2m13x 2m 13. - Chất liệu màn: Matte white bắt sáng tốt. Điều kiện đứng màn hình tùy ý.	1												1	4.650.000	4.650.000
Phòng ngoại ngữ																		
1	Máy chiếu gắn Projector	Cái	3LCD 3300 ANSI Lumens 15000:1 XGA (1024x768); hỗ trợ độ phân giải WUXGA (1920x1200) 1,4x 10.000 giờ (chế độ ECO) 1,27-2,540 m 50 - 100 inches Chuẩn 4:3 1,07 tỷ màu 16W HDMI, VGA, USB, Audio, RCA. 100 - 240 V AC, 50Hz												2	2	36.000.000	72.000.000
Phòng sinh hoạt chuyên môn (2 phòng)																		
1	Máy vi tính cho giáo viên Core i5 (CH5)	Bộ	Case ATX + Power supply 450w Intel® Core™ i5-9400 (9MB Cache, 2.90 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400Mhz HDD 01TB SATA3, 7200rpm Intel® H310 Express Chipset Intel® HD Graphics support 7.1 channel High Definition Audio Gigabit LAN controller 19.5" HD USB standard USB Optical	4												4	15.000.000	60.000.000

ST T	Tên hàng	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Đô thị Việt Hưng (Theo mô hình trường điện tử)			Ái Mộ A (Theo mô hình trường điện tử)			Thạch Bàn B (Theo mô hình trường điện tử)			Ngọc Lâm (Theo mô hình trường điện tử)			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng thiết bị chưa được đầu tư	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng thiết bị chưa được đầu tư	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng thiết bị chưa được đầu tư	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng thiết bị chưa được đầu tư	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư			
2	Máy in Laser khổ A4	Cái	- In 2 mặt tự động, in mạng - Tốc độ in: 34 trang/phút - Bộ nhớ: 64MB - Bộ vi xử lý: 600 MHz - Độ phân giải: 2400x600 dpi - Khay giấy vào: 250 tờ, khay giấy ra: 150 tờ, khay đa năng: 1 tờ - Kết nối: USB 2.0, LAN	1												1	4.400.000	4.400.000
	PHẦN THIẾT BỊ KHÔNG THUỘC DANH MỤC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG																	325.470.000
	CÁC PHÒNG THEO																	
	Phòng ngoại ngữ																	
1	Bảng tương tác thông minh Specktron IRB2-92TC + Giá đỡ bảng tương tác	bộ	Dòng sản phẩm : IRB2-92TC Công nghệ : tia hồng ngoại , bề mặt phun gốm Bề mặt tương tác : 92.2in Bề mặt tương tác : 2016x1165mm Diện tích trình chiếu : 87.3 in Diện tích trình chiếu : 1880x1165mm Tỉ lệ màn hình : 16:10 Phím tắt : Tiêu chuẩn Chất liệu khung : Nhôm Số điểm chạm : 4 điểm Cảm ứng : tay hoặc bút Độ phân giải : 32767x32767 Tốc độ xử lý : 125điểm/giây Chất liệu bề mặt : gốm Chất liệu bên trong : honeycomb steel Chất liệu mặt sau bảng : thép Tốc độ xử lý : <=6ms Độ chính xác : 1mm Kết nối : USB Loại USB : A-B Dây USB kèm thiết bị : 7.5m Dây USB tùy chọn : 10m Nguồn điện (W) : <0.5W Hỗ trợ hệ điều hành : win vista/win7 / win 8/ win 10 32bit or 64bit MAC & linux : có sẵn Nhiệt độ hoạt động : -15-50 (°C) Độ ẩm hoạt động : -10-90(°C) Nhiệt độ bảo quản(°C) : -40-50°C Độ ẩm bảo quản(%) : 10-95% Kích thước màn LxWxH (mm): 2116*1275*57.8 Kích thước hộp (mm): 2040*1510*90 Cân nặng (không kèm chân bảng) (Kg) 28 Cân nặng (kèm chân bảng) (Kg) 42												2	2	63.960.000	127.920.000

ST T	Tên hàng	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Đô thị Việt Hưng (Theo mô hình trường điện tử)			Ái Mộ A (Theo mô hình trường điện tử)			Thạch Bàn B (Theo mô hình trường điện tử)			Ngọc Lâm (Theo mô hình trường điện tử)			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thể trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư			
	Phòng học thường (31)																	
1	Bảng trượt ngang 2 lớp chống lửa F3000337 Hãng sản xuất: Tân Hà	cái	Bảng trượt ngang 2 lớp chống lửa: -Hệ ray trượt dài 4,0m bằng hợp kim nhôm đúc nguyên khối được thiết kế đặc biệt thanh gọn, chắc chắn, tích hợp giữa hệ trượt và khung bằng tạo thành một kết cấu hoàn chỉnh : ++ Ray trên được thiết kế với bánh xe treo trượt trên ray khiến trọng lực của hệ bằng dồn vào ray trên giúp bảng trượt nhẹ, êm, chịu lực tốt. ++Hệ ray trượt dưới mang tính dẫn hướng được thiết kế chuyên dụng với rãnh trượt nằm ngang giúp cho phần rơi vào không bao giờ bị kẹt lại trên ray, bánh xe đơn chuyên dụng được đúc từ nhựa nguyên khối chịu mài mòn , không bị mòn, gãy hay bể bánh. ++Nút chặn bằng nhựa được vít chặt trên hai đầu ray đảm bảo bảng không thể trượt ra khỏi ray. ++ Con sơn: làm bằng sắt sơn tĩnh điện, dài 15cm Hệ trượt gồm 2 lớp : - Lớp 1: màn hình tương tác (khách tự trang bị) - Lớp 2: gồm 2 bảng được cố định Hàn Quốc xanh chống rung Duratech kích thước 1.0x1.2m gắn cố định chắc chắn trên đầu hai ray trượt - Lớp 3: Gồm 2 bảng cố định Hàn Quốc xanh chống rung Duratech kích thước 1.0x1.2mm trượt trên ray				10			10					10	30	6.585.000	197.550.000

Phụ lục VI:

TỔNG HỢP DANH MỤC VÀ DỰ TOÁN THIẾT BỊ CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHÒNG THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA NĂM HỌC 2019-2020.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 27/9/2020 của UBND quận Long Biên)

STT	Tên tài sản, thiết bị	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Ngô Gia Tự (Thực hiện đạt CQG)			Giang Biên (Thực hiện đạt CQG)			Ái Mộ		Thạch Bàn		Sài Đồng (Chương trình song bằng)	Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng			
	TỔNG DỰ TOÁN																718.283.000
	PHẦN THIẾT BỊ THUỘC DANH MỤC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG																623.524.000
	01 PHÒNG HỌC VĂN HÓA																
	PHẦN ĐỒ DÙNG																
1	Bàn học sinh - cỡ số VI (166-180m) Bàn bán trú 2 chỗ ngồi	Cái	Mã bàn MB4.6 theo CV8813 gỗ MDF phủ melamin dày 18mm	50							50	92			192	910.000	174.720.000
2	Ghế học sinh - cỡ số VI (166-180m) 2 chỗ ghế rời - bán trú	Cái	Mã bàn MG4.6 theo CV8813 gỗ MDF phủ melamin dày 18mm	100							100	184			384	330.000	126.720.000
A	CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG																
	Phòng tin học																
1	Máy vi tính cho học sinh Core i3 (CH3a)	Bộ	Case ATX + Power supply 450w Intel® Core™ i3-9100 Processor (6MB Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400Mhz HDD 01TB SATA3, 7200rpm Intel® H310 Express Chipset Intel® HD Graphics support 7.1 channel High Definition Audio Gigabit LAN controller 19.5" HD USB standard USB Optical	10								10			20	14.000.000	280.000.000

STT	Tên tài sản, thiết bị	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Ngô Gia Tự (Thực hiện đạt CQG)			Giang Biên (Thực hiện đạt CQG)			Ái Mộ		Thạch Bàn		Sai Đồng (Chương trình song bằng)	Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng			
2	Điều hòa 24 000 BTU + Lắp đặt điều hòa 24.000 BTU (bao gồm phụ kiện lắp đặt máy điều hòa treo tường + nhân công lắp đặt hoàn thiện)	Cái	Điều hòa treo tường 24000Btu, 2 chiều) Công suất lạnh/sưởi: 24000/24500 BTU/h Điện nguồn: 220-240V/1P/50Hz Công suất điện tiêu thụ lạnh/sưởi: 2520/2395W Cường độ dòng điện lạnh/sưởi: 11,8/11,2A Dàn lạnh Độ ồn:44dB (A) Dàn nóng Độ ồn:58dB (A) Loại môi chất (Ga lạnh) R410a Bộ điều khiển từ xa: Loại không dây						2						2	21.042.000	42.084.000
PHẦN THIẾT BỊ KHÔNG THUỘC DANH MỤC ĐẦU TƯ TƯ TẬP TRUNG																	94.759.300
01 PHÒNG HỌC VĂN HÓA																	
PHẦN ĐỒ DÙNG																	
1	Bàn giáo viên BV103 Hãng sản xuất: Hòa phát	cái	Bàn giáo viên BV103 KT Bàn: 1200x600x750					1		1					2	2.288.000	4.576.000
2	Ghế giáo viên Hòa Phát THT02B (GHT02)	Cái	Ghế giáo viên - Ghế có 4 chân tĩnh, khung gỗ tự nhiên toàn					1		10					11	893.100	9.824.100
3	Bảng chống lóa F03N1236X200 Hãng sản xuất: Tân Hà	Cái	Bảng chống lóa (loại dài 3,6 m), KT: D3600mmxR1230mm Vật liệu: Mặt bảng dày 0.41mm phủ sơn chống lóa màu xanh, trên bề mặt bảng phủ thêm một lớp gồm sứ E3 siêu bền, không có đóng ké. Mặt sau bảng phủ vật liệu chống rỉ Tấm lót bảng bằng nhựa liền. Tấm lót bảng bằng nhựa liền. Khung bảng bằng nhôm định hình dày 1mm, bốn góc bịt bằng nhựa. Có khay phần bảng nhôm.				5	1							6	2.418.200	14.509.200

STT	Tên tài sản, thiết bị	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Ngô Gia Tự (Thực hiện đạt CQG)			Giang Biên (Thực hiện đạt CQG)			Ái Mộ		Thạch Bàn		Sài Đồng (Chương trình song bằng)	Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng			
4	Bảng trượt ngang 2 lớp chống lóa F3000337 Hãng sản xuất: Tân Hà	Cái	Bảng trượt ngang 2 lớp chống lóa: -Hệ ray trượt dài 4.0m bằng hợp kim nhôm đúc nguyên khối được thiết kế đặc biệt thanh gọn, chắc chắn, tích hợp giữa hệ trượt và khung bảng tạo thành một kết cấu hoàn chỉnh : ++ Ray trên được thiết kế với bánh xe treo trượt trên ray khiến trọng lực của hệ bảng dồn vào ray trên giúp bảng trượt nhẹ, êm, chịu lực tốt. ++Hệ ray trượt dưới mang tính dẫn hướng được thiết kế chuyên dụng với rãnh trượt nằm ngang giúp cho phần rơi vào không bao giờ bị kẹt lại trên ray, bánh xe đơn chuyên dụng được đúc từ nhựa nguyên khối chịu mài mòn , không bị mòn, gãy hay bể bánh. ++Nút chặn bằng nhựa được vít chặt trên hai đầu ray đảm bảo bảng không thể trượt ra khỏi ray. ++ Con sơn: làm bằng sắt sơn tĩnh điện, dài 15cm Hệ trượt gồm 2 lớp : - Lớp 1: màn hình tương tác (khách tự trang bị) - Lớp 2: gồm 2 bảng được cố định Hàn Quốc xanh chống rung Duratech kích thước 1.0x1.2m gắn cố định chắc chắn trên đầu hai ray trượt - Lớp 3: Gồm 2 bảng cố định Hàn Quốc xanh chống rung Duratech kích thước 1.0x1.2mm trượt trên ray											10	10	6.585.000	65.850.000

Phụ lục VII:

TỔNG HỢP DANH MỤC VÀ DỰ TOÁN THIẾT BỊ CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHÒNG THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC ĐIỆN TỬ NĂM HỌC 2019-2020.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 27/9/2020 của UBND quận Long Biên)

STT	Tên hàng	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Đức Giang (Theo mô hình trường điện tử)	Ái Mộ (Theo mô hình trường điện tử)	Sài Đồng (Theo mô hình trường điện tử)			Đô thị Việt Hưng	Cự Khối (Thực hiện đạt CQG)			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư			
	TỔNG DỰ TOÁN														1.491.170.000
	PHẦN THIẾT BỊ THUỘC DANH MỤC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG														845.900.000
A	CÁC PHÒNG THEO CHUẨN CNTT														
	Phòng tin học (2 phòng)														
1	Máy vi tính cho học sinh Core i3 (CH3a)	Bộ	Case ATX + Power supply 450w Intel® Core™ i3-9100 Processor (6MB Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400MHz HDD 01TB SATA3, 7200rpm Intel® H310 Express Chipset Intel® HD Graphics support 7.1 channel High Definition Audio Gigabit LAN controller 19.5" HD USB standard USB Optical			10					10		20	14.000.000	280.000.000
2	Máy chiếu đa năng kỹ thuật số (CH5) Projector	Chiếc	Công nghệ DLP Cường độ sáng 4.000 ANSI Lumens Độ phân giải XGA (1024x768) dpi Hỗ trợ độ phân giải VGA (640x480) to WUXGA (1920x1200) Độ tương phản 20.000:1 Công suất bóng đèn 240W Tuổi thọ bóng đèn 4000 giờ (thông thường)/10000 giờ (chế độ Eco)/8000 giờ (chế độ Smarteco)/15000 giờ (chế độ Lampsave) Ổng kính F=2.56-2.68, f=22-24.1 mm Tỷ lệ khung hình chuẩn 4:3 (5 tỷ lệ có thể lựa chọn) Khung hình chiếu 30-300 inch Số màu hiển thị 1.07 tỷ màu Cổng kết nối Composite Video (RCA) x 1, S-Video, HDMI-1, HDMI-2/MHL x 1; Audio in (mini jack) x 1; Audio out (mini jack) x 1, USB TypeA (1.5A power) x 1 Nguồn điện 100-240VAC, 50 Hz									1	1	18.600.000	18.600.000

STT	Tên hàng	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Đức Giang (Theo mô hình trường điện tử)	Ái Mộ (Theo mô hình trường điện tử)	Sài Đồng (Theo mô hình trường điện tử)			Đô thị Việt Hưng	Cự Khối (Thực hiện đạt CQG)			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư			
3	Màn chiếu treo tường điều khiển điện (CH5)	Chiếc	- Màn chiếu điện 84x84 - Loại màn: Màn chiếu điện Treo tường có Motor điện điều khiển từ xa - Kích thước màn dài x rộng 2m13x 2m 13. - Chất liệu màn: Matte white bất sáng tối. Điều kiện đóng màn hình tùy ý.									1	1	4.650.000	4.650.000
Phòng ngoại ngữ															
1	Máy vi tính cho học sinh Core i3 (CH3a)	Bộ	Case ATX + Power supply 450w Intel® Core™ i3-9100 Processor (6MB Cache, 3.60 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400Mhz HDD 01TB SATA3, 7200rpm Intel® H310 Express Chipset Intel® HD Graphics support 7.1 channel High Definition Audio Gigabit LAN controller 19.5" HD USB standard USB Optical									10	10	14.000.000	140.000.000
2	Máy chiếu gần Projector	Cái	3LCD 3300 ANSI Lumens 15000:1	1					1				2	36.000.000	72.000.000
Phòng đa năng															
1	Máy chiếu gần Projector	Cái	3LCD 3300 ANSI Lumens 15000:1	1	1			2	1				5	36.000.000	180.000.000
Phòng sinh hoạt chuyên môn (2 phòng)															
1	Máy vi tính cho giáo viên Core i5 (CH5)	Bộ	Case ATX + Power supply 450w Intel® Core™ i5-9400 (9MB Cache, 2.90 GHz) 4GB DDR4 Bus 2400Mhz HDD 01TB SATA3, 7200rpm Intel® H310 Express Chipset Intel® HD Graphics support 7.1 channel High Definition Audio Gigabit LAN controller 19.5" HD USB standard USB Optical									2	2	15.000.000	30.000.000

STT	Tên hàng	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Đức Giang (Theo mô hình trường điện tử)	Ái Mộ (Theo mô hình trường điện tử)	Sài Đồng (Theo mô hình trường điện tử)			Đô thị Việt Hưng	Cự Khối (Thực hiện đạt CQG)			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư			
2	Máy in Laser khổ A4	Cái	- In 2 mặt tự động, in mạng - Tốc độ in: 34 trang/phút - Bộ nhớ: 64MB - Bộ vi xử lý: 600 MHz - Độ phân giải: 2400x600 dpi - Khay giấy vào: 250 tờ, khay giấy ra: 150 tờ, khay đa năng: 1 tờ - Kết nối: USB 2.0, LAN									1	1	4.400.000	4.400.000
Phòng Hội đồng kết hợp phòng truyền thống															
1	Máy tính xách tay	Bộ	Intel® Core™ i5-10210U Processor (6M Smart Cache, 1.6GHz) 1TB 5400 rpm Cổng giao tiếp: USB, HDMI, Card reader Intel UHD Graphics 620 15,6" inch HD (1366x768) Adapter: 45w, Battery 4 cell									1	1	15.500.000	15.500.000
2	Máy chiếu đa năng kỹ thuật số (CH5) Projector	Chiếc	Công nghệ DLP Cường độ sáng 4.000 ANSI Lumens Độ phân giải XGA (1024x768) dot									1	1	18.600.000	18.600.000
3	Màn chiếu treo tường điều khiển điện (CH5)	Chiếc	- Màn chiếu điện 84x84 - Loại màn: Màn chiếu điện Treo tường ca Motor điện điều khiển từ xa - Kích thước màn dài x rộng 2m13x 2m 13. - Chất liệu màn: Matte white bắt sáng tốt. Điều kiện dùng màn hình tùy ý.									1	1	4.650.000	4.650.000
Phòng bộ môn Lý															
1	Máy tính xách tay	Bộ	Intel® Core™ i5-10210U Processor (6M Smart Cache, 1.6GHz) 1TB 5400 rpm Cổng giao tiếp: USB, HDMI, Card reader Intel UHD Graphics 620 15,6" inch HD (1366x768) Adapter: 45w, Battery 4 cell									1	1	15.500.000	15.500.000

STT	Tên hàng	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Đức Giang (Theo mô hình trường điện tử)	Ái Mộ (Theo mô hình trường điện tử)	Sài Đồng (Theo mô hình trường điện tử)			Đô thị Việt Hưng	Cự Khối (Thực hiện đạt CQG)			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư			
2	Máy chiếu đa năng kỹ thuật số (CH5) Projector	Chiếc	Công nghệ DLP Cường độ sáng 4.000 ANSI Lumens Độ phân giải XGA (1024x768) dpi Hỗ trợ độ phân giải VGA (640x480) to WUXGA (1920x1200) Độ tương phản 20.000:1 Công suất bóng đèn 240W Tuổi thọ bóng đèn 4000 giờ (thông thường)/10000 giờ (chế độ Eco)/8000 giờ (chế độ Smarteco)/15000 giờ (chế độ Lampsave) Ống kính F=2.56-2.68, F=22-24.1 mm Tỉ lệ khung hình chuẩn 4:3 (5 tỷ lệ có thể lựa chọn) Khung hình chiếu 30-300 inch Số màu hiển thị 1.07 tỷ màu Cổng kết nối Composite Video (RCA) x 1, S-Video, HDMI-1, HDMI-2/MHL x 1; Audio in (mini jack) x 1; Audio out (mini jack) x 1, USB TypeA (1.5A power) x 1 Nguồn điện 100-240VAC, 50 Hz									1	1	18.600.000	18.600.000
3	Màn chiếu treo tường điều khiển điện (CH5)	Cái	- Màn chiếu điện 84x84 - Loại màn: Màn chiếu điện Treo tường ca Motor điện điều khiển từ xa - Kích thước màn dài x rộng 2m13x 2m 13. - Chất liệu màn: Matte white bất sáng tốt. Điều kiện dừng màn hình tùy ý.									1	1	4.650.000	4.650.000
Phòng bộ môn Hóa															
1	Máy tính xách tay	Bộ	Intel® Core™ i5-10210U Processor (6M Smart Cache, 1.6GHz) 1TB 5400 rpm Cổng giao tiếp: USB, HDMI, Card reader Intel UHD Graphics 620 15,6" inch HD (1366x768) Adapter: 45w, Battery 4 cell									1	1	15.500.000	15.500.000
2	Máy chiếu đa năng kỹ thuật số (CH5) Projector	Chiếc	Công nghệ DLP Cường độ sáng 4.000 ANSI Lumens Độ phân giải XGA (1024x768) dpi Hỗ trợ độ phân giải VGA (640x480) to WUXGA (1920x1200) Độ tương phản 20.000:1 Công suất bóng đèn 240W Tuổi thọ bóng đèn 4000 giờ (thông thường)/10000 giờ (chế độ Eco)/8000 giờ (chế độ Smarteco)/15000 giờ (chế độ Lampsave) Ống kính F=2.56-2.68, F=22-24.1 mm Tỉ lệ khung hình chuẩn 4:3 (5 tỷ lệ có thể lựa chọn) Khung hình chiếu 30-300 inch Số màu hiển thị 1.07 tỷ màu Cổng kết nối Composite Video (RCA) x 1, S-Video, HDMI-1, HDMI-2/MHL x 1; Audio in (mini jack) x 1; Audio out (mini jack) x 1, USB TypeA (1.5A power) x 1									1	1	18.600.000	18.600.000

[illegible]

STT	Tên hàng	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Đức Giang (Theo mô hình trường điện tử)	Ái Mộ (Theo mô hình trường điện tử)	Sài Đồng (Theo mô hình trường điện tử)			Đồ thị Việt Hưng	Cự Khối (Thực hiện đạt CQG)			Tổng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Thay thế trang thiết bị cũ hỏng	Số lượng tăng quy mô	Số lượng các trang thiết bị chưa được đầu tư			
1	Bảng tương tác thông minh Specktron IRB2-92TC + Giá đỡ bảng tương tác	bộ	Dòng sản phẩm : IRB2-92TC Công nghệ : tia hồng ngoại, bề mặt phun gốm Bề mặt tương tác : 92.2in Bề mặt tương tác : 2016x1165mm Diện tích trình chiếu : 87.3 in Diện tích trình chiếu : 1880x1165mm Tỷ lệ màn hình : 16:10 Phân giải : Tiêu chuẩn Chất liệu khung : Nhôm Số điểm chạm : 4 điểm Cảm ứng : tay hoặc bút Độ phân giải : 32767x32767 Tốc độ xử lý : 125điểm/giây Chất liệu bề mặt : gốm Chất liệu bên trong : honeycomb steel Chất liệu mặt sau bảng : thép Tốc độ xử lý : <=6ms Độ chính xác : 1mm Kết nối : USB Loại USB : A-B Dây USB kèm thiết bị : 7.5m Dây USB tùy chọn : 10m Nguồn điện (W) : <0.5W Hỗ trợ hệ điều hành : win vista/win7 / win 8/ win 10 32bit or 64bit MAC & linux : có sẵn Nhiệt độ hoạt động : -15-50 (°C) Độ ẩm hoạt động : -10-90(°C) Nhiệt độ bảo quản(°C) : -40-50°C Độ ẩm bảo quản(%) : 10-95% Kích thước màn LxWxH (mm) : 2116*1275*57.8 Kích thước hộp (mm) : 2040*1510*90 Cân nặng (không kèm chân bảng) (Kg) : 28 Cân nặng (kèm chân bảng) (Kg) : 42	1	1			2	1				5	63.960.000	319.800.000
Phòng học thường															
1	Bảng trượt ngang 2 lớp chống lửa F3000337 Hãng sản xuất: Tân Hà	Cái	Bảng trượt ngang 2 lớp chống lửa: ++Hệ ray trượt dài 4.0m bằng hợp kim nhôm đúc nguyên khối được thiết kế đặc biệt thành gọn, chắc chắn, tích hợp giữa hệ trượt và khung bằng tạo thành một kết cấu hoàn chỉnh : ++Ray trên được thiết kế với bánh xe treo trượt trên ray khiến trọng lực của hệ bảng dồn vào ray trên giúp bảng trượt nhẹ, êm, chịu lực tốt. ++Hệ ray trượt dưới mang tính dẫn hướng được thiết kế chuyên dụng với rãnh trượt nằm ngang giúp cho phần rơi vào không bao giờ bị kẹt lại trên ray, bánh xe đơn chuyên dụng được đúc từ nhựa nguyên khối chịu mài mòn, không bị mòn, gãy hay bể bánh. ++Nút chặn bằng nhựa được vít chặt trên hai đầu ray đảm bảo bảng không thể trượt ra khỏi ray. ++Con sơn: làm bằng sắt sơn tĩnh điện, dài 15cm Hệ trượt gồm 2 lớp : - Lớp 1: màn hình tương tác (khách tự trang bị) - Lớp 2: gồm 2 bảng được cố định Hàn Quốc xanh chống rung Duratech kích thước 1.0x1.2m gắn cố định chắc chắn trên đầu hai ray trượt - Lớp 3: Gồm 2 bảng cố định Hàn Quốc xanh chống rung Duratech kích thước 1.0x1.2mm trượt trên ray	10	10				10				30	6.585.000	197.550.000

Phụ lục VIII:

DANH MỤC VÀ DỰ TOÁN ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**Trường THCS Lý Thường Kiệt**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của UBND quận Long Biên)

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	LỚP 6				
	MÔN TOÁN				
1	Bộ thước đo đặc TH (gkế,tcuộn,tthắng..ctiêu)	Bộ	1	2.207.900	2 207 900
2	Bộ 50 kí tự Toán 6	Bộ	1	165.600	165 600
3	Mh T.giác,H.tròn,các loại góc,đôi đỉnh,tiaPG	Bộ	1	433.600	433 600
4	Bộ tranh dạy tin học 6 (3 tờ)	Bộ	0	54.000	
4	Bảng phụ giáo viên (nhựa)	Chiếc	10	112.500	1 125 000
	MÔN VẬT LÝ				
1	Bộ tranh Vật Lý lớp 6 (3tờ)	Bộ	1	42.000	42 000
2	Bộ tranh Vật Lý lớp 6 (28tr) - tranh nhựa	Bộ	2	1.092.600	2 185 200
3	DC TN dẫn nờ dài Lý 6 GV)	Bộ	2	425.700	851 400
4	DC TN dẫn nờ khối Lý 6 GV)	Bộ	2	236.500	473 000
5	Bộ TH Vật Lý Lớp 6 (HS)	Bộ	4	2.700.000	10 800 000
6	Cân Roberval 200g & hộp quả cân (D.chung)	Bộ	2	772.200	1 544 400
	MÔN SINH				
1	Bộ tranh Sinh học 6 (21tờ)	Bộ	1	294.000	294 000
2	Bộ tranh Sinh học 6 (28tr) - tranh nhựa	Bộ	1	1.350.000	1 350 000
3	Bộ DC thực hành Sinh 6 (GV)	Bộ	1	2.244.400	2 244 400
4	Bộ DC thực hành Sinh 6 (HS)	Bộ	4	704.800	2 819 200
5	Tiêu bản vi khuẩn và vi nấm	Hộp	1	1.800.000	1 800 000
6	Tiêu bản nguyên phân rễ hành	Hộp	1	1.912.500	1 912 500
7	Tiêu bản động vật vi sinh và kí sinh trùng	Hộp	1	1.856.000	1 856 000
8	Tiêu bản giảm phân hoa hẹ	Hộp	1	1.917.000	1 917 000
9	Hộp tiêu bản thực vật (10 mẫu)	Hộp	1	331.100	331 100
10	Kính hiển vi XSP-640 - TQ - Kính hiển vi 1 mắt XSP-640 dành cho học sinh (độ phóng đại 40 đến 640 lần). - Thị kính: 2 thị kính để lựa chọn 10X, 16X. - Vật kính: 3 vật kính 4X, 10X, 40X cho độ phóng đại từ 40 đến 640 lần. - Nguồn sáng: gương F50 - Đầu kính 1 mắt, góc tùy chỉnh độ nghiêng từ 0°- 60° - Bàn đặt tiêu bản dùng cơ – KT : 90mm x 90mm - Đĩa chắn sáng có nhiều lỗ, 6 đường kính khác nhau - Thân cong – khung, chân đế bằng sắt sơn tĩnh điện - Nguồn sáng: Gương húng sáng Ø40mm – 1 mặt lõm & phẳng Xuất xứ: Trung Quốc	Cái	2	3.619.700	7 239 400
11	Mô hình cấu tạo rễ cây	Cái	1	622.500	622 500

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
12	Mô hình cấu tạo thân cây (2 lá mầm)	Cái	1	668.300	668 300
13	Mô hình cấu tạo lá cây	Cái	1	849.200	849 200
14	Mô hình cấu tạo hoa Đào	Cái	1	337.500	337 500
	MÔN CÔNG NGHỆ				
1	Bộ tranh Công Nghệ lớp 6 (6tờ)	Bộ	2	84.000	168 000
2	Hộp mẫu các loại vải sợi th/nhiên, sợi h/h	Bộ	0	270.000	
3	Dụng cụ cắm hoa	Bộ	0	402.100	
4	Dụng cụ, vật liệu cắt, khâu, may	Bộ	0	283.800	
5	Dụng cụ tía hoa, trang trí món ăn	Bộ	0	280.000	
6	Đĩa làm đẹp ngôi nhà	Cái	0	75.000	
7	Đĩa hình vải & trang phục	Cái	0	75.000	
	MÔN NGỮ VĂN				
1	Bộ tranh Ngữ Văn L6 (24 tờ)	Bộ	1	336.000	336 000
2	Đĩa ngữ văn L6	Cái	1	75.000	75 000
	MÔN GDCD				
1	Bộ tranh GDCD lớp 6 (10 tờ)	Bộ	1	140.000	140 000
2	Đĩa an toàn giao thông	Cái	1	75.000	75 000
3	Đĩa quyền trẻ em	Cái	1	75.000	75 000
	MÔN LỊCH SỬ				
1	Bộ tranh dạy Lịch sử 6 (16 tờ)	Bộ	1	224.000	224 000
2	Bộ bản đồ Lịch sử 6	Bộ	1	168.000	168 000
	MÔN ĐỊA LÝ				
1	Bộ tranh Địa lý lớp 6 (17 tờ)	Bộ	1	238.000	238 000
2	Bộ bản đồ Địa Lý L6	Bộ	1	288.000	288 000
3	Giá treo tranh 15 móc	Chiếc	5	893.300	4 466 500
4	Vũ kế	Cái	4	117.700	470 800
5	Con quay gió	Cái	4	150.200	600 800
6	Nhiệt kế treo tường	Cái	4	61.700	246 800
7	Quả địa cầu tự nhiên	Quả	1	296.000	296 000
8	Quả cầu hành chính Thế giới D=16cm	Quả	1	296.000	296 000
9	Quả cầu hành chính Thế giới D=22cm	Quả	1	296.000	296 000
10	Quả cầu hành chính Thế giới D=30cm	Quả	1	296.000	296 000
11	Thước dây 1,5 mét	Cái	5	13.400	67 000
12	La bàn	Cái	5	36.000	180 000
13	MH trái đất, mặt trăng quay quanh mặt trời (có mô tơ chạy bằng điện)	Cái	1	1.912.500	1 912 500
14	MH trái đất, mặt trăng quay quanh mặt trời (quay tay bằng pin)	Cái	1	889.000	889 000
15	MH cấu tạo bên trong của trái trái đất	Cái	1	1.527.000	1 527 000
16	Mô hình cao nguyên v bình nguyên	Cái	1	745.000	745 000
17	Hệ thống sông & lưu vực sông	Cái	1	790.000	790 000
18	Hộp quặng và khoáng sản VN	Hộp	1	470.000	470 000
19	Đĩa hoạt động của núi lửa	Cái	1	75.000	75 000
20	Đĩa các cảnh quan của thế giới	Cái	1	75.000	75 000
	MÔN NGOẠI NGỮ				
1	Băng cassette Tiếng Anh L6	Cái	1	35.000	35 000
2	Đĩa CD Tiếng Anh L6	Cái	1	75.000	75 000
3	Bộ tranh Tiếng Anh (nhựa) L6 (90 tờ)	Bộ	1	1.237.500	1 237 500
	MÔN MỸ THUẬT				
1	Bộ tranh Mỹ Thuật 6 (60tờ)	Bộ	1	360.000	360 000
2	Giá vẽ chân Inox (1 mặt)	Cái	20	480.000	9 600 000

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
3	Màu vẽ các loại	Hộp	0	64.400	
4	Bút vẽ các loại	Bộ	0	64.400	
	MÔN ÂM NHẠC				
1	Bộ tranh âm nhạc 6(18 tờ)	Bộ	1	432.000	432 000
2	Audio CD- Hát Nhạc 6	Cái	1	75.000	75 000
	MÔN THỂ DỤC				
1	Bộ tranh Thể Dục lớp 6 (3tờ)	Bộ	1	42.000	42 000
2	Còi TDTT	Cái	5	8.000	40 000
3	Đồng hồ TDTT (1LAP)	Cái	0	394.100	
3	Đồng hồ TDTT (10 LAP)	Cái	5	670.000	3 350 000
4	Bóng ném	Quả	50	15.000	750 000
5	Dây nhảy ngắn	Sợi	50	16.000	800 000
6	Dây nhảy dài	Sợi	20	36.000	720 000
7	Thước cuộn 5 mét	Cái	3	25.000	75 000
8	Thước dây 30m	Cái	3	127.000	381 000
	LỚP 7				
	MÔN TOÁN LỚP 7				
1	Bảng thu thập số liệu thống kê (bộ/2tờ)	Bộ	1	21.000	21 000
2	Bộ thước đo đặc TH : Giác kế,cọc tiêu,thước	Bộ	2	2.207.900	4 415 800
3	Thước nhôm 1m	Cái	15	94.600	1 419 000
4	Thước nhôm 0,5m	Cái	15	48.000	720 000
5	Thước đo góc nhựa	Cái	15	37.500	562 500
6	Compa nhôm	Cái	15	56.800	852 000
7	Que chỉ ăng ten	Cái	15	79.000	1 185 000
8	Ê ke 45o nhựa	Cái	15	34.900	523 500
9	Ê ke 60o nhựa	Cái	15	34.900	523 500
	MÔN VẬT LÝ				
1	Bộ tranh Vật Ly lớp 7 (26tr) - tranh nhựa	Bộ	2	980.000	1 960 000
2	Bộ thí nghiệm Quang lớp 7 (HS)	Bộ	4	1.050.000	4 200 000
3	Bộ thí nghiệm Âm lớp 7 (HS)	Bộ	4	1.287.000	5 148 000
4	Bộ thí nghiệm điện lớp 7 (GV)	Bộ	2	1.863.600	3 727 200
5	Bộ thí nghiệm điện lớp 7 (HS)	Bộ	4	1.793.000	7 172 000
	MÔN SINH				
1	Bộ tranh Sinh học lớp 7 (21 tờ)	Bộ	1	308.000	308 000
2	Bộ tranh Sinh học 7 (43tr) - tranh nhựa	Bộ	1	2.080.000	2 080 000
3	Bộ dụng cụ TN Sinh 7 (GV)	Bộ	1	2.520.000	2 520 000
4	Bộ dụng cụ TN Sinh 7 (HS)	Bộ	4	974.400	3 897 600
5	Bộ DC Sinh 7 ngâm mẫu vật	Cái	1	6.680.000	6 680 000
6	Mô hình cá chép	Cái	1	1.081.100	1 081 100
7	Mô hình con tôm đồng	Cái	1	1.500.000	1 500 000
8	Mô hình con ếch	Cái	1	1.600.000	1 600 000
9	Mô hình con châu chấu	Cái	1	1.950.000	1 950 000
10	Mô hình con thằn lằn	Cái	1	1.876.100	1 876 100
11	Mô hình con thỏ nhà	Cái	1	1.451.100	1 451 100
12	Mô hình chim bồ câu	Cái	1	1.191.300	1 191 300

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
13	Kính hiển vi XSP-640 - TQ - Kính hiển vi 1 mắt XSP-640 dành cho học sinh (độ phóng đại 40 đến 640 lần). - Thị kính: 2 thị kính để lựa chọn 10X, 16X. - Vật kính: 3 vật kính 4X, 10X, 40X cho độ phóng đại từ 40 đến 640 lần. - Nguồn sáng: gương F50 - Đầu kính 1 mắt, góc tùy chỉnh độ nghiêng từ 0°-60° - Bàn đặt tiêu bản dùng cơ – KT : 90mm x 90mm - Đĩa chắn sáng có nhiều lỗ, 6 đường kính khác nhau - Thân cong – khung, chân đế bằng sắt sơn tĩnh điện - Nguồn sáng: Gương hứng sáng Ø40mm – 1 mặt lõm & phẳng Xuất xứ: Trung quốc	Cái	1	3.619.700	3 619 700
14	Bộ hóa chất Sinh L7(8 loại)	Bộ	1	2.258.500	2 258 500
	MÔN CÔNG NGHỆ				
1	Bộ tranh Công Nghệ lớp 7	Tờ	1	14.000	14 000
2	Mô hình con gà	Con	4	765.800	3 063 200
3	Mô hình con heo	Con	4	875.200	3 500 800
4	Dụng cụ TN Công Nghệ L7 (HS+GV+HC)	Bộ	4	3.680.000	14 720 000
	MÔN NGỮ VĂN				
1	Bộ tranh Ngữ Văn lớp 7 (9tờ)	Bộ	1	126.000	126 000
2	Một số loại hình dân ca Việt Nam - VCD	Bộ	1	75.000	75 000
	MÔN GD&ĐT				
1	Bộ tranh GD&ĐT lớp 7 (3 tờ)	Tờ	1	42.000	42 000
	MÔN LỊCH SỬ				
1	Tập tranh Lịch Sử lớp 7 (3tờ)	Bộ	1	42.000	42 000
2	Bộ bản đồ Lịch sử 7 (11 tờ)	Bộ	1	312.000	312 000
	MÔN ĐỊA LÝ				
1	Bộ bản đồ Địa Lý L7 (bộ/19 tờ)	Bộ	1	586.000	586 000
2	Bộ tranh Địa lý lớp 7 (11tờ)	Bộ	1	154.000	154 000
3	Tập bản đồ thế giới và các châu lục	Cuốn	1	27.000	27 000
	MÔN NGOẠI NGỮ				
1	Bộ tranh Tiếng Anh 7 (nhựa)	Bộ	1	2.925.000	2 925 000
	MÔN THỂ DỤC				
1	Bộ tranh thể dục lớp 7 (3tờ)	Bộ	1	42.000	42 000
2	Đồng hồ bấm giây điện tử	Cái	0	358.300	
3	Bộ cột đa năng	Bộ	5	1.467.400	7 337 000
4	Bộ cột nhảy cao	Bộ	4	1.500.000	6 000 000
5	Bóng ném	Quả	0	15.000	
5	Đệm thể dục Kích thước: (2,4 x 1,8 x 0,2)cm Sản xuất: Việt nam	Cái	2	7.800.000	15 600 000
	MÔN MỸ THUẬT				
1	Bộ tranh Mỹ Thuật 7 (60tờ)	Bộ	1	360.000	360 000
2	Giá vẽ (1800 x 700mm) + bảng bằng gỗ	Cái	4	978.300	3 913 200
6	Màu vẽ 12 màu	Hộp	0	64.400	
	MÔN ÂM NHẠC				

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Tranh âm nhạc lớp 7 (17 tờ)	Bộ	1	408.000	408 000
2	Đàn Guitar gỗ	Cái	0	0	
	LỚP 8				
	MÔN TOÁN				
1	Bộ tranh toán 8 (3 tờ)	Bộ	1	42.000	42 000
2	Bộ hình không gian	Bộ	1	620.000	620 000
3	Bộ triển khai các hình	Bộ	1	450.000	450 000
4	Bộ tứ giác các loại	Bộ	1	195.000	195 000
5	Bộ tứ giác động	Bộ	1	220.000	220 000
6	Thước vẽ truyền GV	Cái	1	470.000	470 000
7	Thước vẽ truyền HS (2cây/bộ)	Bộ	4	163.200	652 800
8	Bộ DC đo đặc K/C, chiều cao	Bộ	4	2.207.900	8 831 600
9	Máy tính Casio FX-500MS	Cái	2	493.400	986 800
	MÔN VẬT LÝ				
1	Bộ tranh Vật Ly 8 (28tr) - tranh nhựa	Bộ	1	1.143.000	1 143 000
2	Bộ dụng cụ Lý 8 (GV) (1bộ/2hộp)	Bộ	1	2.956.300	2 956 300
3	Bộ dụng cụ Lý 8 (HS) (1bộ/2hộp:nhựa+giấy)	Bộ	4	3.165.000	12 660 000
	MÔN HOÁ				
1	Bộ tranh Hóa 8 (5tờ/bộ)	Bộ	1	94.000	94 000
2	Bảng tính tan trong nước của cc axit-bazo-muối	Tờ	1	27.000	27 000
3	Bộ dụng cụ Hóa 8 (GV) (không cân điện tử)	Bộ	1	7.215.200	7 215 200
4	Bộ dụng cụ Hóa 8 (HS)	Bộ	4	760.000	3 040 000
5	Cân điện tử 250g	Cái	1	1.281.600	1 281 600
6	Bộ hóa chất Hóa 8 (bao gồm 22 chất)	Bộ	1	4.479.800	4 479 800
	MÔN SINH				
1	Bộ tranh Sinh 8 (15tờ/bộ)	Bộ	1	210.000	210 000
2	Bộ tranh Sinh 8 (29tr)- tranh nhựa	Bộ	1	1.395.000	1 395 000
3	Bộ dụng cụ Sinh 8 (GV)	Bộ	1	1.130.500	1 130 500
4	Bộ dụng cụ Sinh 8 (HS)	Bộ	4	2.041.000	8 164 000
5	Mô hình nửa cơ thể người	Cái	1	3.950.000	3 950 000
6	Mô hình bộ xương người	Cái	1	2.250.000	2 250 000
7	Mô hình cấu tạo mắt người	Cái	1	1.550.000	1 550 000
8	Mô hình cấu tạo tai người	Cái	1	863.000	863 000
9	Mô hình cấu tạo tủy sống	Cái	1	1.173.200	1 173 200
10	Mô hình cấu tạo bán cầu não	Cái	1	695.000	695 000
11	Mô hình cấu tạo tim người	Cái	1	1.443.200	1 443 200
12	Hộp tiêu bản nhân thể	Hộp	1	300.300	300 300
13	Kính hiển vi XSP-13A +đèn Sản xuất tại: Trung Quốc Thông số chính: - Phóng đại từ: 50 lần đến 1600 lần - Thị kính 3 chiếc: 5X, 10X, 16X - Vật kính 3 chiếc: 10X, 40X, 100X - Nguồn sáng: gương phản xạ Ø50mm. - Khoảng chỉnh thô: 50mm. - Khoảng chỉnh tinh: 1.8mm ~ 2.2mm - Bàn soi sa trượt: 120mm*120mm - Độ ngưng tụ chiếu sáng N.A = 1.25 Abbe	Cái	4	5.552.900	22 211 600
	MÔN CÔNG NGHỆ				
1	Bộ tranh Công Nghệ 8 (10tờ/bộ)	Bộ	1	240.000	240 000
2	Bộ DC Cơ khí (GV+HS) Cnghe 8	Bộ	0	6.853.300	

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
3	Bộ thiết bị điện công nghệ 8 (thùng 2 cơ số 1)	Bộ	0	591.100	
4	Bộ DC sửa chữa điện công nghệ 8 (thùng 3)	Bộ	0	1.092.500	
5	Mẫu vẽ kỹ thuật công nghệ 8	Bộ	0	644.000	
6	Mẫu vật liệu cơ khí công nghệ 8	Bộ	0	264.500	
7	Bộ truyền động công nghệ 8	Bộ	0	690.000	
8	MH Mạng điện trong nhà công nghệ 8	Bộ	0	1.840.000	
9	Đồng hồ đo điện DT9205	Cái	0	690.000	
	MÔN LỊCH SỬ				
1	Bộ tranh ảnh Lịch Sử 8 TG & VN (12tờ/bộ)	Bộ	1	168.000	168 000
2	Bộ bản đồ Lịch Sử L8 (bộ/15 tờ)	Bộ	1	387.000	387 000
	MÔN ĐỊA LÝ				
1	Hộp quặng & KS chính của VN	Hộp	1	565.500	565 500
2	Bộ tranh ảnh Địa Lý 8 TG & VN (bộ/20t)	Bộ	1	320.000	320 000
3	Bộ bản đồ Địa Lý L8 (bộ/22 tờ)	Bộ	1	734.000	734 000
	MÔN NGỮ VĂN				
1	Bộ tranh Ngữ Văn 8 (2tờ/bộ)	Bộ	1	28.000	28 000
	MÔN GD CÔNG DÂN				
1	Bộ tranh GD Công Dân 8 (5tờ/bộ)	Bộ	1	70.000	70 000
	MÔN MỸ THUẬT				
1	Bộ tranh Mỹ Thuật 8 (40tờ/bộ)	Bộ	1	240.000	240 000
2	Mô hình khối (5 khối/ bộ)	Bộ	4	550.000	2 200 000
	MÔN ÂM NHẠC				
1	Bộ tranh Âm Nhạc 8 (16 tờ/bộ)	Bộ	1	384.000	384 000
2	Đĩa CD các bài hát Âm nhạc 8	Đĩa	1	75.000	75 000
	MÔN NGOẠI NGỮ				
1	Bộ tranh Tiếng Anh 8 (20tờ/bộ)	Bộ	1	280.000	280 000
2	Đĩa CD Tiếng Anh 8	Bộ	1	75.000	75 000
3	Băng Cassette Tiếng anh 8 -Listening	Cuộn	1	35.000	35 000
4	Băng Cassette Tiếng anh 8 -Reading	Cuộn	1	35.000	35 000
5	Bộ tranh Tiếng Anh 8 (nhựa)	Bộ	1	970.000	970 000
	MÔN THỂ DỤC				
1	Bộ tranh Thể Dục 8 (2tờ/bộ)	Bộ	1	28.000	28 000
2	Bàn đạp xuất phát	Cặp	2	434.400	868 800
6	Ván giậm nhảy xa	Cái	4	890.000	3 560 000
7	Lưới cầu lông, đá cầu	Cái	2	96.500	193 000
9	Xà nhảy cao	Cái	4	544.400	2 177 600
10	Đồng hồ bấm giây	Cái	4	394.100	1 576 400
11	Đệm nhảy cao Kích thước:(2,4 x 1,6 x 0,4)m Sản xuất: Việt Nam	Cái	3	9.500.000	28 500 000
	LỚP 9				
	MÔN TOÁN				
1	Bộ MH về thể tích hình nón	Bộ	1	222.500	222 500
2	Bộ thước thực hành đo khoảng cách, đo chiều	Bộ	1	2.207.900	2 207 900
3	Máy tính Casio FX-500MS	Cái	1	493.400	493 400
	MÔN LÝ				
1	Bộ tranh Vật Ly 9 (38tr) - tranh nhựa	Bộ	1	1.850.000	1 850 000
2	Bộ tranh Vật Ly 9 (2tờ)	Bộ	1	28.000	28 000
3	Danh mục Lý 9 (điện)	Bộ	1	1.350.000	1 350 000
4	Danh mục Lý 9 (quang A)	Bộ	1	1.745.000	1 745 000
5	Danh mục Lý 9 (quang B)	Bộ	1	3.096.000	3 096 000

STT	TÊN THIẾT BỊ	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
6	Danh mục Lý 9 (điện từ)	Bộ	1	1.520.000	1 520 000
7	Danh mục Lý 9 (đóng lẻ)	Bộ	1	5.400.000	5 400 000
8	Danh mục Lý 9 (GV)	Bộ	1	3.760.000	3 760 000
	MÔN HÓA				
1	Bộ tranh Hoá 9 + bảng PLTH(bộ/4tờ)	Bộ	1	84.000	84 000
2	Bộ DC THTN Hóa 9 (GV+HS)	Bộ	4	17.560.000	70 240 000
3	Cân hiện số 240g	Cái	1	1.281.600	1 281 600
4	Bộ hóa chất Hóa 9 (44 chất)	Bộ	1	9.404.800	9 404 800
5	Mô hình phân tử dạng đặc	Bộ	1	388.800	388 800
6	Mô hình phân tử dạng rỗng	Bộ	1	276.200	276 200
7	Hộp mẫu các loại sản phẩm cao su	Hộp	1	286.900	286 900
8	Hộp mẫu phân bón hoá học	Hộp	1	463.900	463 900
9	Hộp mẫu các sản phẩm chế biến từ dầu mỏ	Hộp	1	450.000	450 000
10	Hộp mẫu chất dẻo	Hộp	1	370.000	370 000
	MÔN SINH				
1	Bộ tranh Sinh lớp 9 (bộ/12 tờ)	Bộ	1	168.000	168 000
2	Bộ tranh Sinh lớp 9 (38 tr)- tranh nhựa	Bộ	1	1.890.000	1 890 000
3	MH cấu trúc không gian ADN	Bộ	1	365.800	365 800
4	MH tổng hợp Prôtêin	Bộ	1	2.650.000	2 650 000
5	MH nhân đôi ADN	Bộ	1	870.000	870 000
6	MH tổng hợp ARN	Bộ	1	1.655.500	1 655 500
7	MH phân tử ARN	Bộ	1	473.000	473 000
8	Đồng kim loại tính xác suất (hộp/20cái)	Hộp	1	370.000	370 000
	MÔN CÔNG NGHỆ				
1	Bộ tranh Công Nghệ lớp 9 (bộ/4tờ)	Bộ	1	56.000	56 000
	<i>Phân môn điện nhà</i>		0		
6	Bảng điện thực hành (thùng 1)	Bộ	0	366.700	
7	Mạch điện chiếu sáng (thùng 2)	Bộ	0	714.700	
8	MĐ 2 công tắc, 2 cực (thùng 3)	Bộ	0	714.700	
9	MĐ đèn huỳnh quang (thùng 4)	Bộ	0	757.600	
10	MĐ 1 công tắc, 3 cực (thùng 5)	Bộ	0	714.700	
11	DC sửa điện-VLTH (thùng 6)	Bộ	0	4.986.000	
12	Thiết bị điện-VLTH (thùng7)	Bộ	0	2.450.000	
13	Bảng điện+bảng gỗ lắp MĐ (thùng8)	Bộ	0	1.246.800	
14	Đồng hồ vạn năng	Cái	0	690.000	
	MÔN NGỮ VĂN				
1	Bộ tranh Ngữ Văn lớp 9 (bộ/ 8 tờ)	Bộ	1	112.000	112 000
	MÔN LỊCH SỬ				
1	Bộ tranh Lịch sử 9 (bộ/10tờ)	Bộ	1	140.000	140 000
2	Bộ bản đồ Lịch sử 9 (bộ/14tờ)	Bộ	1	407.000	407 000
3	Đĩa VCD : Lịch Sử 9	Cái	1	75.000	75 000
	MÔN ĐỊA LÝ				
1	Bộ tranh ảnh Địa lý 9 (bộ/15tờ)	Bộ	1	210.000	210 000
2	Bộ bản đồ Địa lý 9 (bộ/10tờ)	Bộ	1	400.000	400 000
3	At lát địa lý Việt Nam	Cuộn	1	28.000	28 000
4	VCD Địa lý 9 : Đại gia đình các dân tộc VN	Cái	1	75.000	75 000
	MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN				
1	Tranh Giáo dục công dân 9 (5 tờ)	Bộ	1	70.000	70 000
	MÔN MỸ THUẬT				
1	Bộ tranh Mỹ Thuật 9 (20tờ/bộ)	Bộ	1	120.000	120 000
	MÔN ÂM NHẠC				

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bộ tranh Âm Nhạc 9(bộ/8tờ)	Bộ	1	160.000	160 000
2	Audio CD Âm nhạc 9	Bộ	1	75.000	75 000
	MÔN NGOẠI NGỮ				
1	Bộ tranh Tiếng Anh 9 (bộ/26tờ)	Bộ	1	364.000	364 000
2	Audio CD Tiếng Anh 9	Cái	1	75.000	75 000
3	Bộ tranh Tiếng Anh 9 (nhựa)	Bộ	1	1.650.000	1 650 000
	MÔN THỂ DỤC				
1	Bộ tranh Thẻ Dục 9 (2tờ/bộ)	Bộ	1	28.000	28 000
2	Bóng chuyền số 5	Quả	5	142.100	710 500
3	Bóng đá số 5	Quả	5	177.000	885 000
4	TRỤ NHẢY CAO 901900 Trụ nhảy cao M910 (901910) thiết kế chắc chắn, được làm bằng sắt vuông, sơn tĩnh điện chống han gỉ. Trụ nhảy cao được dùng cho tập luyện và thi đấu nhảy cao tại trường học, trong quân đội hoặc các giải thi đấu Thước trên thân trụ Vật liệu: Trụ thép hộp tráng kẽm 40 x 40 Sơn tĩnh điện màu xanh Đổi trọng (bê tông trong ống thép Φ90) 12 kg/trụ Di chuyển bằng 2 bánh xe Độ cao lớn nhất của xà là 2.2 m Kèm theo 1 xà nhôm bọc nhựa Φ27 - dài 4m	Bộ	2	4.056.200	8 112 400
5	Lưới cầu lông Hải Yến loại 1	Chiếc	2	250.000	500 000
6	Nệm Nhảy Cao Mã sản phẩm: NNC. - Xuất xứ: Việt Nam. - Nệm nhảy cao có lõi bên trong làm bằng mút chuyên dụng liền khối cho độ êm lớn khi sử dụng. - Vỏ bọc bên ngoài của đệm nhảy cao được làm bằng bạt chống thấm có quay cầm để di chuyển tiện lợi. Kích thước: 2000x1.800x30mm	Chiếc	4	6.292.000	25 168 000

Phụ lục IX:

DANH MỤC VÀ DỰ TOÁN ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của UBND quận Long Biên)

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	LỚP 6				
	MÔN TOÁN				
1	Bộ thước đo đặc TH (gkế,tcuộn,tthăng..ctiêu)	Bộ	1	2.207.900	2 207 900
2	Bộ 50 kí tự Toán 6	Bộ	1	165.600	165 600
3	Mh T.giác,H.tròn,các loại góc,đôi đỉnh,tiaPG	Bộ	1	433.600	433 600
4	Bảng phụ giáo viên (nhựa)	Chiếc	10	112.500	1 125 000
	MÔN VẬT LÝ				
1	Bộ tranh Vật Lý lớp 6 (3tờ)	Bộ	1	42.000	42 000
2	Bộ tranh Vật Lý lớp 6 (28tr) - tranh nhựa	Bộ	2	1.092.600	2 185 200
3	DC TN dẫn nở dài Lý 6 GV)	Bộ	2	425.700	851 400
4	DC TN dẫn nở khối Lý 6 GV)	Bộ	2	236.500	473 000
5	Bộ TH Vật Lý Lớp 6 (HS)	Bộ	4	2.700.000	10 800 000
6	Cân Roberval 200g & hộp quả cân (D.chung)	Bộ	2	772.200	1 544 400
	MÔN SINH				
1	Bộ tranh Sinh học 6 (21tờ)	Bộ	1	294.000	294 000
2	Bộ tranh Sinh học 6 (28tr) - tranh nhựa	Bộ	1	1.350.000	1 350 000
3	Bộ DC thực hành Sinh 6 (GV)	Bộ	1	2.244.400	2 244 400
4	Bộ DC thực hành Sinh 6 (HS)	Bộ	4	704.800	2 819 200
5	Tiêu bản vi khuẩn và vi nấm	Hộp	1	1.800.000	1 800 000
6	Tiêu bản nguyên phân rễ hành	Hộp	1	1.912.500	1 912 500
7	Tiêu bản động vật vi sinh và kí sinh trùng	Hộp	1	1.856.000	1 856 000
8	Tiêu bản giảm phân hoa hẹ	Hộp	1	1.917.000	1 917 000
9	Hộp tiêu bản thực vật (10 mẫu)	Hộp	1	331.100	331 100
10	Kính hiển vi XSP-640 - TQ - Kính hiển vi 1 mắt XSP-640 dành cho học sinh	Cái	2	3.619.700	7 239 400
11	Mô hình cấu tạo rễ cây	Cái	1	622.500	622 500
12	Mô hình cấu tạo thân cây (2 lá mầm)	Cái	1	668.300	668 300
13	Mô hình cấu tạo lá cây	Cái	1	849.200	849 200
14	Mô hình cấu tạo hoa Đào	Cái	1	337.500	337 500
	MÔN CÔNG NGHỆ				
1	Bộ tranh Công Nghệ lớp 6 (6tờ)	Bộ	2	84.000	168 000
	MÔN NGỮ VĂN				
1	Bộ tranh Ngữ Văn L6 (24 tờ)	Bộ	1	336.000	336 000
2	Đĩa ngữ văn L6	Cái	1	75.000	75 000
	MÔN GDCD				
1	Bộ tranh GDCD lớp 6 (10 tờ)	Bộ	1	140.000	140 000
2	Đĩa an toàn giao thông	Cái	1	75.000	75 000
3	Đĩa quyền trẻ em	Cái	1	75.000	75 000

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	MÔN LỊCH SỬ				
1	Bộ tranh dạy Lịch sử 6 (16 tờ)	Bộ	1	224.000	224 000
2	Bộ bản đồ Lịch sử 6	Bộ	1	168.000	168 000
	MÔN ĐỊA LÝ				
1	Bộ tranh Địa lý lớp 6 (17 tờ)	Bộ	1	238.000	238 000
2	Bộ bản đồ Địa Lý L6	Bộ	1	288.000	288 000
3	Giá treo tranh 15 móc	Chiếc	5	893.300	4 466 500
4	Vũ kế	Cái	4	117.700	470 800
5	Con quay gió	Cái	4	150.200	600 800
6	Nhiệt kế treo tường	Cái	4	61.700	246 800
7	Quả địa cầu tự nhiên	Quả	1	296.000	296 000
8	Quả cầu hành chính Thế giới D=16cm	Quả	1	296.000	296 000
9	Quả cầu hành chính Thế giới D=22cm	Quả	1	296.000	296 000
10	Quả cầu hành chính Thế giới D=30cm	Quả	1	296.000	296 000
11	Thước dây 1,5 mét	Cái	5	13.400	67 000
12	La bàn	Cái	5	36.000	180 000
13	MH trái đất, mặt trăng quay quanh mặt trời (có mô tơ chạy bằng điện)	Cái	1	1.912.500	1 912 500
14	MH trái đất, mặt trăng quay quanh mặt trời (quay tay bằng pin)	Cái	1	889.000	889 000
15	MH cấu tạo bên trong của trái đất	Cái	1	1.527.000	1 527 000
16	Mô hình cao nguyên v bình nguyên	Cái	1	745.000	745 000
17	Hệ thống sông & lưu vực sông	Cái	1	790.000	790 000
18	Hộp quặng và khoáng sản VN	Hộp	1	470.000	470 000
19	Đĩa hoạt động của núi lửa	Cái	1	75.000	75 000
20	Đĩa các cảnh quan của thế giới	Cái	1	75.000	75 000
	MÔN NGOẠI NGỮ				
1	Băng cassette Tiếng Anh L6	Cái	1	35.000	35 000
2	Đĩa CD Tiếng Anh L6	Cái	1	75.000	75 000
3	Bộ tranh Tiếng Anh (nhựa) L6 (90 tờ)	Bộ	1	1.237.500	1 237 500
	MÔN MỸ THUẬT				
1	Bộ tranh Mỹ Thuật 6 (60tờ)	Bộ	1	360.000	360 000
2	Giá vẽ chân Inox (1 mặt)	Cái	20	480.000	9 600 000
	MÔN ÂM NHẠC				
1	Bộ tranh âm nhạc 6(18 tờ)	Bộ	1	432.000	432 000
2	Audio CD- Hát Nhạc 6	Cái	1	75.000	75 000
	MÔN THỂ DỤC				
1	Bộ tranh Thể Dục lớp 6 (3tờ)	Bộ	1	42.000	42 000
2	Còi TDTT	Cái	5	8.000	40 000
3	Đồng hồ TDTT (10 LAP)	Cái	5	670.000	3 350 000
4	Bóng ném	Quả	50	15.000	750 000
5	Dây nhảy ngắn	Sợi	50	16.000	800 000
6	Dây nhảy dài	Sợi	20	36.000	720 000
7	Thước cuộn 5 mét	Cái	3	25.000	75 000
8	Thước dây 30m	Cái	3	127.000	381 000
	LỚP 7				

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	MÔN TOÁN LỚP 7				
1	Bảng thu thập số liệu thống kê (bộ/2tờ)	Bộ	1	21.000	21 000
2	Bộ thước đo đặc TH : Giác kế,cọc tiêu,thước	Bộ	2	2.207.900	4 415 800
3	Thước nhôm 1m	Cái	15	94.600	1 419 000
4	Thước nhôm 0,5m	Cái	15	48.000	720 000
5	Thước đo góc nhựa	Cái	15	37.500	562 500
6	Compa nhôm	Cái	15	56.800	852 000
7	Que chỉ ăng ten	Cái	15	79.000	1 185 000
8	Ê ke 45o nhựa	Cái	15	34.900	523 500
9	Ê ke 60o nhựa	Cái	15	34.900	523 500
	MÔN VẬT LÝ				
1	Bộ tranh Vật Ly lớp 7 (26tr) - tranh nhựa	Bộ	2	980.000	1 960 000
2	Bộ thí nghiệm Quang lớp 7 (HS)	Bộ	4	1.050.000	4 200 000
3	Bộ thí nghiệm Âm lớp 7 (HS)	Bộ	4	1.287.000	5 148 000
4	Bộ thí nghiệm điện lớp 7 (GV)	Bộ	2	1.863.600	3 727 200
5	Bộ thí nghiệm điện lớp 7 (HS)	Bộ	4	1.793.000	7 172 000
	MÔN SINH				
1	Bộ tranh Sinh học lớp 7 (21 tờ)	Bộ	1	308.000	308 000
2	Bộ tranh Sinh học 7 (43tr) - tranh nhựa	Bộ	1	2.080.000	2 080 000
3	Bộ dụng cụ TN Sinh 7 (GV)	Bộ	1	2.520.000	2 520 000
4	Bộ dụng cụ TN Sinh 7 (HS)	Bộ	4	974.400	3 897 600
5	Bộ DC Sinh 7 ngâm mẫu vật	Cái	1	6.680.000	6 680 000
6	Mô hình cá chép	Cái	1	1.081.100	1 081 100
7	Mô hình con tôm đồng	Cái	1	1.500.000	1 500 000
8	Mô hình con ếch	Cái	1	1.600.000	1 600 000
9	Mô hình con châu chấu	Cái	1	1.950.000	1 950 000
10	Mô hình con thằn lằn	Cái	1	1.876.100	1 876 100
11	Mô hình con thỏ nhà	Cái	1	1.451.100	1 451 100
12	Mô hình chim bồ câu	Cái	1	1.191.300	1 191 300
13	Kính hiển vi XSP-640 - TQ - Kính hiển vi 1 mắt XSP-640 dành cho học sinh	Cái	1	3.619.700	3 619 700
14	Bộ hóa chất Sinh L7(8 loại)	Bộ	1	2.258.500	2 258 500
	MÔN CÔNG NGHỆ				
1	Bộ tranh Công Nghệ lớp 7	Tờ	1	14.000	14 000
2	Mô hình con gà	Con	4	765.800	3 063 200
3	Mô hình con heo	Con	4	875.200	3 500 800
4	Dụng cụ TN Công Nghệ L7 (HS+GV+HC)	Bộ	4	3.680.000	14 720 000
	MÔN NGŨ VĂN				
1	Bộ tranh Ngữ Văn lớp 7 (9tờ)	Bộ	1	126.000	126 000
2	Một số loại hình dân ca Việt Nam - VCD	Bộ	1	75.000	75 000
	MÔN GDCD				
1	Bộ tranh GD CD lớp 7 (3 tờ)	Tờ	1	42.000	42 000
	MÔN LỊCH SỬ				
1	Tập tranh Lịch Sử lớp 7 (3tờ)	Bộ	1	42.000	42 000
2	Bộ bản đồ Lịch sử 7 (11 tờ)	Bộ	1	312.000	312 000
	MÔN ĐỊA LÝ				

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bộ bản đồ Địa Lý L7 (bộ/19 tờ)	Bộ	1	586.000	586 000
2	Bộ tranh Địa lý lớp 7 (11tờ)	Bộ	1	154.000	154 000
3	Tập bản đồ thế giới và các châu lục	Cuốn	1	27.000	27 000
	MÔN NGOẠI NGỮ				
1	Bộ tranh Tiếng Anh 7 (nhựa)	Bộ	1	2.925.000	2 925 000
	MÔN THỂ DỤC				
1	Bộ tranh thể dục lớp 7 (3tờ)	Bộ	1	42.000	42 000
2	Đồng hồ bấm giây điện tử	Cái	0	358.300	
3	Bộ cột đa năng	Bộ	5	1.467.400	7 337 000
4	Bộ cột nhảy cao	Bộ	4	1.500.000	6 000 000
5	Đệm thể dục Kích thước: (2,4 x 1,8 x 0,2)cm Sản xuất: Việt nam	Cái	2	7.800.000	15 600 000
	MÔN MỸ THUẬT				
1	Bộ tranh Mỹ Thuật 7 (60tờ)	Bộ	1	360.000	360 000
2	Giá vẽ (1800 x 700mm) + bảng bằng gỗ	Cái	4	978.300	3 913 200
	MÔN ÂM NHẠC				
1	Tranh âm nhạc lớp 7 (17 tờ)	Bộ	1	408.000	408 000
	LỚP 8				
	MÔN TOÁN				
1	Bộ tranh toán 8 (3 tờ)	Bộ	1	42.000	42 000
2	Bộ hình không gian	Bộ	1	620.000	620 000
3	Bộ triển khai các hình	Bộ	1	450.000	450 000
4	Bộ tứ giác các loại	Bộ	1	195.000	195 000
5	Bộ tứ giác động	Bộ	1	220.000	220 000
6	Thước vẽ truyền GV	Cái	1	470.000	470 000
7	Thước vẽ truyền HS (2cây/bộ)	Bộ	4	163.200	652 800
8	Bộ DC đo đặc K/C, chiều cao	Bộ	4	2.207.900	8 831 600
9	Máy tính Casio FX-500MS	Cái	2	493.400	986 800
	MÔN VẬT LÝ				
1	Bộ tranh Vật Ly 8 (28tr) - tranh nhựa	Bộ	1	1.143.000	1 143 000
2	Bộ dụng cụ Lý 8 (GV) (1bộ/2hộp)	Bộ	1	2.956.300	2 956 300
3	Bộ dụng cụ Lý 8 (HS) (1bộ/2hộp:nhựa+giấy)	Bộ	4	3.165.000	12 660 000
	MÔN HOÁ				
1	Bộ tranh Hóa 8 (5tờ/bộ)	Bộ	1	94.000	94 000
2	Bảng tính tan trong nước của cc axit-bazo-muối	Tờ	1	27.000	27 000
3	Bộ dụng cụ Hóa 8 (GV) (không cân điện tử)	Bộ	1	7.215.200	7 215 200
4	Bộ dụng cụ Hóa 8 (HS)	Bộ	4	760.000	3 040 000
5	Cân điện tử 250g	Cái	1	1.281.600	1 281 600
6	Bộ hóa chất Hóa 8 (bao gồm 22 chất)	Bộ	1	4.479.800	4 479 800
	MÔN SINH				
1	Bộ tranh Sinh 8 (15tờ/bộ)	Bộ	1	210.000	210 000
2	Bộ tranh Sinh 8 (29tr)- tranh nhựa	Bộ	1	1.395.000	1 395 000
3	Bộ dụng cụ Sinh 8 (GV)	Bộ	1	1.130.500	1 130 500
4	Bộ dụng cụ Sinh 8 (HS)	Bộ	4	2.041.000	8 164 000

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
5	Mô hình nửa cơ thể người	Cái	1	3.950.000	3 950 000
6	Mô hình bộ xương người	Cái	1	2.250.000	2 250 000
7	Mô hình cấu tạo mắt người	Cái	1	1.550.000	1 550 000
8	Mô hình cấu tạo tai người	Cái	1	863.000	863 000
9	Mô hình cấu tạo tuỷ sống	Cái	1	1.173.200	1 173 200
10	Mô hình cấu tạo bán cầu não	Cái	1	695.000	695 000
11	Mô hình cấu tạo tim người	Cái	1	1.443.200	1 443 200
12	Hộp tiêu bản nhân thể	Hộp	1	300.300	300 300
13	Kính hiển vi XSP-13A +đèn Sản xuất tại: Trung Quốc	Cái	4	5.552.900	22 211 600
	MÔN CÔNG NGHỆ				
1	Bộ tranh Công Nghệ 8 (10tờ/bộ)	Bộ	1	240.000	240 000
	MÔN LỊCH SỬ				
1	Bộ tranh ảnh Lịch Sử 8 TG & VN (12tờ/bộ)	Bộ	1	168.000	168 000
2	Bộ bản đồ Lịch Sử L8 (bộ/15 tờ)	Bộ	1	387.000	387 000
	MÔN ĐỊA LÝ				
1	Hộp quặng & KS chính của VN	Hộp	1	565.500	565 500
2	Bộ tranh ảnh Địa Lý 8 TG & VN (bộ/20t)	Bộ	1	320.000	320 000
3	Bộ bản đồ Địa Lý L8 (bộ/22 tờ)	Bộ	1	734.000	734 000
	MÔN NGỮ VĂN				
1	Bộ tranh Ngữ Văn 8 (2tờ/bộ)	Bộ	1	28.000	28 000
	MÔN GD CÔNG DÂN				
1	Bộ tranh GD Công Dân 8 (5tờ/bộ)	Bộ	1	70.000	70 000
	MÔN MỸ THUẬT				
1	Bộ tranh Mỹ Thuật 8 (40tờ/bộ)	Bộ	1	240.000	240 000
2	Mô hình khối (5 khối/ bộ)	Bộ	4	550.000	2 200 000
	MÔN ÂM NHẠC				
1	Bộ tranh Âm Nhạc 8 (16 tờ/bộ)	Bộ	1	384.000	384 000
2	Đĩa CD các bài hát Âm nhạc 8	Đĩa	1	75.000	75 000
	MÔN NGOẠI NGỮ				
1	Bộ tranh Tiếng Anh 8 (20tờ/bộ)	Bộ	1	280.000	280 000
2	Đĩa CD Tiếng Anh 8	Bộ	1	75.000	75 000
3	Băng Cassette Tiếng anh 8 -Listening	Cuộn	1	35.000	35 000
4	Băng Cassette Tiếng anh 8 -Reading	Cuộn	1	35.000	35 000
5	Bộ tranh Tiếng Anh 8 (nhựa)	Bộ	1	970.000	970 000
	MÔN THỂ DỤC				
1	Bộ tranh Thể Dục 8 (2tờ/bộ)	Bộ	1	28.000	28 000
2	Bàn đập xuất phát	Cặp	2	434.400	868 800
6	Ván giậm nhảy xa	Cái	4	890.000	3 560 000
7	Lưới cầu lông, đá cầu	Cái	2	96.500	193 000
9	Xà nhảy cao	Cái	4	544.400	2 177 600
10	Đồng hồ bấm giây	Cái	4	394.100	1 576 400
11	Đệm nhảy cao Kích thước:(2,4 x 1,6 x 0,4)m Sản xuất: Việt Nam	Cái	3	9.500.000	28 500 000
	LỚP 9				

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	MÔN TOÁN				
1	Bộ MH về thể tích hình nón	Bộ	1	222.500	222 500
2	Bộ thước thực hành đo khoảng cách, đo chiều	Bộ	1	2.207.900	2 207 900
3	Máy tính Casio FX-500MS	Cái	1	493.400	493 400
	MÔN LÝ				
1	Bộ tranh Vật Ly 9 (38tr) - tranh nhựa	Bộ	1	1.850.000	1 850 000
2	Bộ tranh Vật Ly 9 (2tờ)	Bộ	1	28.000	28 000
3	Danh mục Lý 9 (điện)	Bộ	1	1.350.000	1 350 000
4	Danh mục Lý 9 (quang A)	Bộ	1	1.745.000	1 745 000
5	Danh mục Lý 9 (quang B)	Bộ	1	3.096.000	3 096 000
6	Danh mục Lý 9 (điện từ)	Bộ	1	1.520.000	1 520 000
7	Danh mục Lý 9 (đóng lẻ)	Bộ	1	5.400.000	5 400 000
8	Danh mục Lý 9 (GV)	Bộ	1	3.760.000	3 760 000
	MÔN HÓA				
1	Bộ tranh Hoá 9 + bảng PLTH(bộ/4tờ)	Bộ	1	84.000	84 000
2	Bộ DC THTN Hóa 9 (GV+HS)	Bộ	4	17.560.000	70 240 000
3	Cân hiện số 240g	Cái	1	1.281.600	1 281 600
4	Bộ hóa chất Hóa 9 (44 chất)	Bộ	1	9.404.800	9 404 800
5	Mô hình phân tử dạng đặc	Bộ	1	388.800	388 800
6	Mô hình phân tử dạng rỗng	Bộ	1	276.200	276 200
7	Hộp mẫu các loại sản phẩm cao su	Hộp	1	286.900	286 900
8	Hộp mẫu phân bón hoá học	Hộp	1	463.900	463 900
9	Hộp mẫu các sản phẩm chế biến từ dầu mỏ	Hộp	1	450.000	450 000
10	Hộp mẫu chất dẻo	Hộp	1	370.000	370 000
	MÔN SINH				
1	Bộ tranh Sinh lớp 9 (bộ/12 tờ)	Bộ	1	168.000	168 000
2	Bộ tranh Sinh lớp 9 (38 tr)- tranh nhựa	Bộ	1	1.890.000	1 890 000
3	MH cấu trúc không gian ADN	Bộ	1	365.800	365 800
4	MH tổng hợp Prôtêin	Bộ	1	2.650.000	2 650 000
5	MH nhân đôi ADN	Bộ	1	870.000	870 000
6	MH tổng hợp ARN	Bộ	1	1.655.500	1 655 500
7	MH phân tử ARN	Bộ	1	473.000	473 000
8	Đồng kim loại tính xác suất (hộp/20cái)	Hộp	1	370.000	370 000
	MÔN CÔNG NGHỆ				
1	Bộ tranh Công Nghệ lớp 9 (bộ/4tờ)	Bộ	1	56.000	56 000
	MÔN NGỮ VĂN				
1	Bộ tranh Ngữ Văn lớp 9 (bộ/ 8 tờ)	Bộ	1	112.000	112 000
	MÔN LỊCH SỬ				
1	Bộ tranh Lịch sử 9 (bộ/10tờ)	Bộ	1	140.000	140 000
2	Bộ bản đồ Lịch sử 9 (bộ/14tờ)	Bộ	1	407.000	407 000
3	Đĩa VCD : Lịch Sử 9	Cái	1	75.000	75 000
	MÔN ĐỊA LÝ				
1	Bộ tranh ảnh Địa lý 9 (bộ/15tờ)	Bộ	1	210.000	210 000
2	Bộ bản đồ Địa lý 9 (bộ/10tờ)	Bộ	1	400.000	400 000
3	At lát địa lý Việt Nam	Cuộn	1	28.000	28 000
4	VCD Địa lý 9 : Đại gia đình các dân tộc VN	Cái	1	75.000	75 000

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN				
1	Tranh Giáo dục công dân 9 (5 tờ)	Bộ	1	70.000	70 000
	MÔN MỸ THUẬT				
1	Bộ tranh Mỹ Thuật 9 (20tờ/bộ)	Bộ	1	120.000	120 000
	MÔN ÂM NHẠC				
1	Bộ tranh Âm Nhạc 9(bộ/8tờ)	Bộ	1	160.000	160 000
2	Audio CD Âm nhạc 9	Bộ	1	75.000	75 000
	MÔN NGOẠI NGỮ				
1	Bộ tranh Tiếng Anh 9 (bộ/26tờ)	Bộ	1	364.000	364 000
2	Audio CD Tiếng Anh 9	Cái	1	75.000	75 000
3	Bộ tranh Tiếng Anh 9 (nhựa)	Bộ	1	1.650.000	1 650 000
	MÔN THỂ DỤC				
1	Bộ tranh Thể Dục 9 (2tờ/bộ)	Bộ	1	28.000	28 000
2	Bóng chuyền số 5	Quả	5	142.100	710 500
3	Bóng đá số 5	Quả	5	177.000	885 000
4	TRỤ NHẢY CAO 901900 Trụ nhảy cao M910 (901910) thiết kế chắc chắn,	Bộ	2	4.056.200	8 112 400
5	Lưới cầu lông Hải Yến loại 1	Chiếc	2	250.000	500 000
6	Nệm Nhảy Cao Mã sản phẩm: NNC.	Chiếc	4	6.292.000	25 168 000
7	Trụ Bóng Chuyền Di Động Sodex Sport S30052V	Bộ	2	12.443.750	24 887 500
8	Xà nhảy cao	Cái	2	544.400	1 088 800
	Tổng				514.387.900

Phụ lục X:**DANH MỤC VÀ DỰ TOÁN ĐỒ DÙNG DẠY HỌC****Trường THCS Chu Văn An***(Ban hành kèm theo Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của UBND quận Long Biên)*

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	LỚP 6				
	MÔN TOÁN				
1	Bộ thước đo đặc TH (gkế,tcuộn,ttăng..ctiêu)	Bộ	1	2.207.900	2 207 900
2	Bộ 50 kí tự Toán 6	Bộ	1	165.600	165 600
3	Mh T.giác,H.tròn,các loại góc,đôi đỉnh,tiaPG	Bộ	1	433.600	433 600
4	Bảng phụ giáo viên (nhựa)	Chiếc	10	112.500	1 125 000
	MÔN VẬT LÝ				
1	Bộ tranh Vật Lý lớp 6 (3tờ)	Bộ	1	42.000	42 000
2	Bộ tranh Vật Lý lớp 6 (28tr) - tranh nhựa	Bộ	2	1.092.600	2 185 200
3	DC TN dẫn nở dài Lý 6 GV)	Bộ	2	425.700	851 400
4	DC TN dẫn nở khối Lý 6 GV)	Bộ	2	236.500	473 000
5	Bộ TH Vật Lý Lớp 6 (HS)	Bộ	4	2.700.000	10 800 000
6	Cân Roberval 200g & hộp quả cân (D.chung)	Bộ	2	772.200	1 544 400
	MÔN SINH				
1	Bộ tranh Sinh học 6 (21tờ)	Bộ	1	294.000	294 000
2	Bộ tranh Sinh học 6 (28tr) - tranh nhựa	Bộ	1	1.350.000	1 350 000
3	Bộ DC thực hành Sinh 6 (GV)	Bộ	1	2.244.400	2 244 400
4	Bộ DC thực hành Sinh 6 (HS)	Bộ	4	704.800	2 819 200
5	Tiêu bản vi khuẩn và vi nấm	Hộp	1	1.800.000	1 800 000
6	Tiêu bản nguyên phân rễ hành	Hộp	1	1.912.500	1 912 500
7	Tiêu bản động vật vi sinh và kí sinh trùng	Hộp	1	1.856.000	1 856 000
8	Tiêu bản giảm phân hoa hẹ	Hộp	1	1.917.000	1 917 000
9	Hộp tiêu bản thực vật (10 mẫu)	Hộp	1	331.100	331 100
10	Kính hiển vi XSP-640 - TQ - Kính hiển vi 1 mắt XSP-640 dành cho học sinh (độ	Cái	2	3.619.700	7 239 400
11	Mô hình cấu tạo rễ cây	Cái	1	622.500	622 500
12	Mô hình cấu tạo thân cây (2 lá mầm)	Cái	1	668.300	668 300
13	Mô hình cấu tạo lá cây	Cái	1	849.200	849 200
14	Mô hình cấu tạo hoa Đào	Cái	1	337.500	337 500
	MÔN CÔNG NGHỆ				
1	Bộ tranh Công Nghệ lớp 6 (6tờ)	Bộ	2	84.000	168 000
	MÔN NGỮ VĂN				
1	Bộ tranh Ngữ Văn L6 (24 tờ)	Bộ	1	336.000	336 000
2	Đĩa ngữ văn L6	Cái	1	75.000	75 000
	MÔN GDCD				
1	Bộ tranh GDCD lớp 6 (10 tờ)	Bộ	1	140.000	140 000
2	Đĩa an toàn giao thông	Cái	1	75.000	75 000
3	Đĩa quyền trẻ em	Cái	1	75.000	75 000
	MÔN LỊCH SỬ				
1	Bộ tranh dạy Lịch sử 6 (16 tờ)	Bộ	1	224.000	224 000
2	Bộ bản đồ Lịch sử 6	Bộ	1	168.000	168 000

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	MÔN ĐỊA LÝ				
1	Bộ tranh Địa lý lớp 6 (17 tờ)	Bộ	1	238.000	238 000
2	Bộ bản đồ Địa Lý L6	Bộ	1	288.000	288 000
3	Giá treo tranh 15 móc	Chiếc	5	893.300	4 466 500
4	Vũ kế	Cái	4	117.700	470 800
5	Con quay gió	Cái	4	150.200	600 800
6	Nhiệt kế treo tường	Cái	4	61.700	246 800
7	Quả địa cầu tự nhiên	Quả	1	296.000	296 000
8	Quả cầu hành chính Thế giới D=16cm	Quả	1	296.000	296 000
9	Quả cầu hành chính Thế giới D=22cm	Quả	1	296.000	296 000
10	Quả cầu hành chính Thế giới D=30cm	Quả	1	296.000	296 000
11	Thước dây 1,5 mét	Cái	5	13.400	67 000
12	La bàn	Cái	5	36.000	180 000
13	MH trái đất, mặt trăng quay quanh mặt trời (có mô tơ chạy bằng điện)	Cái	1	1.912.500	1 912 500
14	MH trái đất, mặt trăng quay quanh mặt trời (quay tay bằng pin)	Cái	1	889.000	889 000
15	MH cầu tạo bên trong của trái trái đất	Cái	1	1.527.000	1 527 000
16	Mô hình cao nguyên v bình nguyên	Cái	1	745.000	745 000
17	Hệ thống sông & lưu vực sông	Cái	1	790.000	790 000
18	Hộp quặng và khoáng sản VN	Hộp	1	470.000	470 000
19	Đĩa hoạt động của núi lửa	Cái	1	75.000	75 000
20	Đĩa các cảnh quan của thế giới	Cái	1	75.000	75 000
	MÔN NGOẠI NGỮ				
1	Băng cassette Tiếng Anh L6	Cái	1	35.000	35 000
2	Đĩa CD Tiếng Anh L6	Cái	1	75.000	75 000
3	Bộ tranh Tiếng Anh (nhựa) L6 (90 tờ)	Bộ	1	1.237.500	1 237 500
	MÔN MỸ THUẬT				
1	Bộ tranh Mỹ Thuật 6 (60tờ)	Bộ	1	360.000	360 000
2	Giá vẽ chân Inox (1 mặt)	Cái	20	480.000	9 600 000
	MÔN ÂM NHẠC				
1	Bộ tranh âm nhạc 6(18 tờ)	Bộ	1	432.000	432 000
2	Audio CD- Hát Nhạc 6	Cái	1	75.000	75 000
	MÔN THỂ DỤC				
1	Bộ tranh Thể Dục lớp 6 (3tờ)	Bộ	1	42.000	42 000
2	Còi TDTT	Cái	5	8.000	40 000
3	Đồng hồ TDTT (10 LAP)	Cái	5	670.000	3 350 000
4	Bóng ném	Quả	50	15.000	750 000
5	Dây nhảy ngắn	Sợi	50	16.000	800 000
6	Dây nhảy dài	Sợi	20	36.000	720 000
7	Thước cuộn 5 mét	Cái	3	25.000	75 000
8	Thước dây 30m	Cái	3	127.000	381 000
	LỚP 7				
	MÔN TOÁN LỚP 7				
1	Bảng thu thập số liệu thống kê (bộ/2tờ)	Bộ	1	21.000	21 000
2	Bộ thước đo đặc TH : Giác kế,cọc tiêu,thước	Bộ	2	2.207.900	4 415 800
3	Thước nhôm 1m	Cái	15	94.600	1 419 000
4	Thước nhôm 0,5m	Cái	15	48.000	720 000

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
5	Thước đo góc nhựa	Cái	15	37.500	562 500
6	Compa nhôm	Cái	15	56.800	852 000
7	Que chỉ ăng ten	Cái	15	79.000	1 185 000
8	Ê ke 45o nhựa	Cái	15	34.900	523 500
9	Ê ke 60o nhựa	Cái	15	34.900	523 500
	MÔN VẬT LÝ				
1	Bộ tranh Vật Ly lớp 7 (26tr) - tranh nhựa	Bộ	2	980.000	1 960 000
2	Bộ thí nghiệm Quang lớp 7 (HS)	Bộ	4	1.050.000	4 200 000
3	Bộ thí nghiệm Âm lớp 7 (HS)	Bộ	4	1.287.000	5 148 000
4	Bộ thí nghiệm điện lớp 7 (GV)	Bộ	2	1.863.600	3 727 200
5	Bộ thí nghiệm điện lớp 7 (HS)	Bộ	4	1.793.000	7 172 000
	MÔN SINH				
1	Bộ tranh Sinh học lớp 7 (21 tờ)	Bộ	1	308.000	308 000
2	Bộ tranh Sinh học 7 (43tr) - tranh nhựa	Bộ	1	2.080.000	2 080 000
3	Bộ dụng cụ TN Sinh 7 (GV)	Bộ	1	2.520.000	2 520 000
4	Bộ dụng cụ TN Sinh 7 (HS)	Bộ	4	974.400	3 897 600
5	Bộ DC Sinh 7 ngâm mẫu vật	Cái	1	6.680.000	6 680 000
6	Mô hình cá chép	Cái	1	1.081.100	1 081 100
7	Mô hình con tôm đồng	Cái	1	1.500.000	1 500 000
8	Mô hình con ếch	Cái	1	1.600.000	1 600 000
9	Mô hình con châu chấu	Cái	1	1.950.000	1 950 000
10	Mô hình con thằn lằn	Cái	1	1.876.100	1 876 100
11	Mô hình con thỏ nhà	Cái	1	1.451.100	1 451 100
12	Mô hình chim bồ câu	Cái	1	1.191.300	1 191 300
13	Kính hiển vi XSP-640 - TQ - Kính hiển vi 1 mắt XSP-640 dành cho học sinh (độ	Cái	1	3.619.700	3 619 700
14	Bộ hóa chất Sinh L7(8 loại)	Bộ	1	2.258.500	2 258 500
	MÔN CÔNG NGHỆ				
1	Bộ tranh Công Nghệ lớp 7	Tờ	1	14.000	14 000
2	Mô hình con gà	Con	4	765.800	3 063 200
3	Mô hình con heo	Con	4	875.200	3 500 800
4	Dụng cụ TN Công Nghệ L7 (HS+GV+HC)	Bộ	4	3.680.000	14 720 000
	MÔN NGỮ VĂN				
1	Bộ tranh Ngữ Văn lớp 7 (9tờ)	Bộ	1	126.000	126 000
2	Một số loại hình dân ca Việt Nam - VCD	Bộ	1	75.000	75 000
	MÔN GDCD				
1	Bộ tranh GDCD lớp 7 (3 tờ)	Tờ	1	42.000	42 000
	MÔN LỊCH SỬ				
1	Tập tranh Lịch Sử lớp 7 (3tờ)	Bộ	1	42.000	42 000
2	Bộ bản đồ Lịch sử 7 (11 tờ)	Bộ	1	312.000	312 000
	MÔN ĐỊA LÝ				
1	Bộ bản đồ Địa Lý L7 (bộ/19 tờ)	Bộ	1	586.000	586 000
2	Bộ tranh Địa lý lớp 7 (11tờ)	Bộ	1	154.000	154 000
3	Tập bản đồ thế giới và các châu lục	Cuốn	1	27.000	27 000
	MÔN NGOẠI NGỮ				
1	Bộ tranh Tiếng Anh 7 (nhựa)	Bộ	1	2.925.000	2 925 000
	MÔN THỂ DỤC				
1	Bộ tranh thể dục lớp 7 (3tờ)	Bộ	1	42.000	42 000

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2	Đồng hồ bấm giây điện tử	Cái	0	358.300	
3	Bộ cột đa năng	Bộ	5	1.467.400	7 337 000
4	Bộ cột nhảy cao	Bộ	4	1.500.000	6 000 000
5	Đệm thể dục Kích thước: (2,4 x 1,8 x 0,2)cm Sản xuất: Việt nam	Cái	2	7.800.000	15 600 000
MÔN MỸ THUẬT					
1	Bộ tranh Mỹ Thuật 7 (60tờ)	Bộ	1	360.000	360 000
2	Giá vẽ (1800 x 700mm) + bảng bằng gỗ	Cái	4	978.300	3 913 200
MÔN ÂM NHẠC					
1	Tranh âm nhạc lớp 7 (17 tờ)	Bộ	1	408.000	408 000
LỚP 8					
MÔN TOÁN					
1	Bộ tranh toán 8 (3 tờ)	Bộ	1	42.000	42 000
2	Bộ hình không gian	Bộ	1	620.000	620 000
3	Bộ triển khai các hình	Bộ	1	450.000	450 000
4	Bộ tứ giác các loại	Bộ	1	195.000	195 000
5	Bộ tứ giác động	Bộ	1	220.000	220 000
6	Thước vẽ truyền GV	Cái	1	470.000	470 000
7	Thước vẽ truyền HS (2cây/bộ)	Bộ	4	163.200	652 800
8	Bộ DC đo đặc K/C, chiều cao	Bộ	4	2.207.900	8 831 600
9	Máy tính Casio FX-500MS	Cái	2	493.400	986 800
MÔN VẬT LÝ					
1	Bộ tranh Vật Ly 8 (28tr) - tranh nhựa	Bộ	1	1.143.000	1 143 000
2	Bộ dụng cụ Lý 8 (GV) (1bộ/2hộp)	Bộ	1	2.956.300	2 956 300
3	Bộ dụng cụ Lý 8 (HS) (1bộ/2hộp:nhựa+giấy)	Bộ	4	3.165.000	12 660 000
MÔN HOÁ					
1	Bộ tranh Hóa 8 (5tờ/bộ)	Bộ	1	94.000	94 000
2	Bảng tính tan trong nước của cc axit-bazơ-muối	Tờ	1	27.000	27 000
3	Bộ dụng cụ Hóa 8 (GV) (không cân điện tử)	Bộ	1	7.215.200	7 215 200
4	Bộ dụng cụ Hóa 8 (HS)	Bộ	4	760.000	3 040 000
5	Cân điện tử 250g	Cái	1	1.281.600	1 281 600
6	Bộ hóa chất Hóa 8 (bao gồm 22 chất)	Bộ	1	4.479.800	4 479 800
MÔN SINH					
1	Bộ tranh Sinh 8 (15tờ/bộ)	Bộ	1	210.000	210 000
2	Bộ tranh Sinh 8 (29tr)- tranh nhựa	Bộ	1	1.395.000	1 395 000
3	Bộ dụng cụ Sinh 8 (GV)	Bộ	1	1.130.500	1 130 500
4	Bộ dụng cụ Sinh 8 (HS)	Bộ	4	2.041.000	8 164 000
5	Mô hình nửa cơ thể người	Cái	1	3.950.000	3 950 000
6	Mô hình bộ xương người	Cái	1	2.250.000	2 250 000
7	Mô hình cấu tạo mắt người	Cái	1	1.550.000	1 550 000
8	Mô hình cấu tạo tai người	Cái	1	863.000	863 000
9	Mô hình cấu tạo tủy sống	Cái	1	1.173.200	1 173 200
10	Mô hình cấu tạo bán cầu não	Cái	1	695.000	695 000
11	Mô hình cấu tạo tim người	Cái	1	1.443.200	1 443 200
12	Hộp tiêu bản nhân thể	Hộp	1	300.300	300 300

STT	TÊN THIẾT BỊ	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
13	Kính hiển vi XSP-13A +đèn Sản xuất tại: Trung Quốc	Cái	4	5.552.900	22 211 600
	MÔN CÔNG NGHỆ				
1	Bộ tranh Công Nghệ 8 (10tờ/bộ)	Bộ	1	240.000	240 000
	MÔN LỊCH SỬ				
1	Bộ tranh ảnh Lịch Sử 8 TG & VN (12tờ/bộ)	Bộ	1	168.000	168 000
2	Bộ bản đồ Lịch Sử L8 (bộ/15 tờ)	Bộ	1	387.000	387 000
	MÔN ĐỊA LÝ				
1	Hộp quặng & KS chính của VN	Hộp	1	565.500	565 500
2	Bộ tranh ảnh Địa Lý 8 TG & VN (bộ/20t)	Bộ	1	320.000	320 000
3	Bộ bản đồ Địa Lý L8 (bộ/22 tờ)	Bộ	1	734.000	734 000
	MÔN NGỮ VĂN				
1	Bộ tranh Ngữ Văn 8 (2tờ/bộ)	Bộ	1	28.000	28 000
	MÔN GD CÔNG DÂN				
1	Bộ tranh GD Công Dân 8 (5tờ/bộ)	Bộ	1	70.000	70 000
	MÔN MỸ THUẬT				
1	Bộ tranh Mỹ Thuật 8 (40tờ/bộ)	Bộ	1	240.000	240 000
2	Mô hình khối (5 khối/ bộ)	Bộ	4	550.000	2 200 000
	MÔN ÂM NHẠC				
1	Bộ tranh Âm Nhạc 8 (16 tờ/bộ)	Bộ	1	384.000	384 000
2	Đĩa CD các bài hát Âm nhạc 8	Đĩa	1	75.000	75 000
	MÔN NGOẠI NGỮ				
1	Bộ tranh Tiếng Anh 8 (20tờ/bộ)	Bộ	1	280.000	280 000
2	Đĩa CD Tiếng Anh 8	Bộ	1	75.000	75 000
3	Băng Cassette Tiếng anh 8 -Listening	Cuộn	1	35.000	35 000
4	Băng Cassette Tiếng anh 8 -Reading	Cuộn	1	35.000	35 000
5	Bộ tranh Tiếng Anh 8 (nhựa)	Bộ	1	970.000	970 000
	MÔN THỂ DỤC				
1	Bộ tranh Thể Dục 8 (2tờ/bộ)	Bộ	1	28.000	28 000
2	Bàn đập xuất phát	Cặp	2	434.400	868 800
6	Ván giậm nhảy xa	Cái	4	890.000	3 560 000
7	Lưới cầu lông, đá cầu	Cái	2	96.500	193 000
9	Xà nhảy cao	Cái	4	544.400	2 177 600
10	Đồng hồ bấm giây	Cái	4	394.100	1 576 400
11	Đệm nhảy cao Kích thước:(2,4 x 1,6 x 0,4)m Sản xuất: Việt Nam	Cái	3	9.500.000	28 500 000
	LỚP 9				
	MÔN TOÁN				
1	Bộ MH về thể tích hình nón	Bộ	1	222.500	222 500
2	Bộ thước thực hành đo khoảng cách, đo chiều	Bộ	1	2.207.900	2 207 900
3	Máy tính Casio FX-500MS	Cái	1	493.400	493 400
	MÔN LÝ				
1	Bộ tranh Vật Ly 9 (38tr) - tranh nhựa	Bộ	1	1.850.000	1 850 000
2	Bộ tranh Vật Ly 9 (2tờ)	Bộ	1	28.000	28 000
3	Danh mục Lý 9 (điện)	Bộ	1	1.350.000	1 350 000
4	Danh mục Lý 9 (quang A)	Bộ	1	1.745.000	1 745 000
5	Danh mục Lý 9 (quang B)	Bộ	1	3.096.000	3 096 000

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
6	Danh mục Lý 9 (điện từ)	Bộ	1	1.520.000	1 520 000
7	Danh mục Lý 9 (đóng lẻ)	Bộ	1	5.400.000	5 400 000
8	Danh mục Lý 9 (GV)	Bộ	1	3.760.000	3 760 000
	MÔN HÓA				
1	Bộ tranh Hoá 9 + bảng PLTH(bộ/4tờ)	Bộ	1	84.000	84 000
2	Bộ DC THPT Hóa 9 (GV+HS)	Bộ	4	17.560.000	70 240 000
3	Cân hiện số 240g	Cái	1	1.281.600	1 281 600
4	Bộ hóa chất Hóa 9 (44 chất)	Bộ	1	9.404.800	9 404 800
5	Mô hình phân tử dạng đặc	Bộ	1	388.800	388 800
6	Mô hình phân tử dạng rỗng	Bộ	1	276.200	276 200
7	Hộp mẫu các loại sản phẩm cao su	Hộp	1	286.900	286 900
8	Hộp mẫu phân bón hoá học	Hộp	1	463.900	463 900
9	Hộp mẫu các sản phẩm chế biến từ dầu mỏ	Hộp	1	450.000	450 000
10	Hộp mẫu chất dẻo	Hộp	1	370.000	370 000
	MÔN SINH				
1	Bộ tranh Sinh lớp 9 (bộ/12 tờ)	Bộ	1	168.000	168 000
2	Bộ tranh Sinh lớp 9 (38 tr)- tranh nhựa	Bộ	1	1.890.000	1 890 000
3	MH cấu trúc không gian ADN	Bộ	1	365.800	365 800
4	MH tổng hợp Prôtêin	Bộ	1	2.650.000	2 650 000
5	MH nhân đôi ADN	Bộ	1	870.000	870 000
6	MH tổng hợp ARN	Bộ	1	1.655.500	1 655 500
7	MH phân tử ARN	Bộ	1	473.000	473 000
8	Đồng kim loại tính xác suất (hộp/20cái)	Hộp	1	370.000	370 000
	MÔN CÔNG NGHỆ				
1	Bộ tranh Công Nghệ lớp 9 (bộ/4tờ)	Bộ	1	56.000	56 000
	MÔN NGŨ VĂN				
1	Bộ tranh Ngữ Văn lớp 9 (bộ/ 8 tờ)	Bộ	1	112.000	112 000
	MÔN LỊCH SỬ				
1	Bộ tranh Lịch sử 9 (bộ/10tờ)	Bộ	1	140.000	140 000
2	Bộ bản đồ Lịch sử 9 (bộ/14tờ)	Bộ	1	407.000	407 000
3	Đĩa VCD : Lịch Sử 9	Cái	1	75.000	75 000
	MÔN ĐỊA LÝ				
1	Bộ tranh ảnh Địa lý 9 (bộ/15tờ)	Bộ	1	210.000	210 000
2	Bộ bản đồ Địa lý 9 (bộ/10tờ)	Bộ	1	400.000	400 000
3	At lát địa lý Việt Nam	Cuộn	1	28.000	28 000
4	VCD Địa lý 9 : Đại gia đình các dân tộc VN	Cái	1	75.000	75 000
	MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN				
1	Tranh Giáo dục công dân 9 (5 tờ)	Bộ	1	70.000	70 000
	MÔN MỸ THUẬT				
1	Bộ tranh Mỹ Thuật 9 (20tờ/bộ)	Bộ	1	120.000	120 000
	MÔN ÂM NHẠC				
1	Bộ tranh Âm Nhạc 9(bộ/8tờ)	Bộ	1	160.000	160 000
2	Audio CD Âm nhạc 9	Bộ	1	75.000	75 000
	MÔN NGOẠI NGỮ				
1	Bộ tranh Tiếng Anh 9 (bộ/26tờ)	Bộ	1	364.000	364 000
2	Audio CD Tiếng Anh 9	Cái	1	75.000	75 000
3	Bộ tranh Tiếng Anh 9 (nhựa)	Bộ	1	1.650.000	1 650 000
	MÔN THỂ DỤC				

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bộ tranh Thể Dục 9 (2tờ/bộ)	Bộ	1	28.000	28 000
2	Bóng chuyền số 5	Quả	5	142.100	710 500
3	Bóng đá số 5	Quả	5	177.000	885 000
4	TRỤ NHẢY CAO 901900 Trụ nhảy cao M910 (901910) thiết kế chắc chắn,	Bộ	2	4.056.200	8 112 400
5	Lưới cầu lông Hải Yến loại 1	Chiếc	2	250.000	500 000
6	Nệm Nhảy Cao Mã sản phẩm: NNC.	Chiếc	4	6.292.000	25 168 000
7	Trụ Bóng Chuyền Di Động Sorex Sport S30052V	Bộ	2	12.443.750	24 887 500
8	Xà nhảy cao	Cái	2	544.400	1 088 800
Tổng					514.387.900

TỔNG HỢP DANH MỤC VÀ DỰ TOÁN NHU CẦU MUA SẴM BỔ SUNG ĐỒ DÙNG DẠY HỌC LỚP 1 NĂM 2020 DÙNG CHO GIÁO VIÊN, LỚP, DÙNG CHUNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của UBND quận Long Biên)

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Tổng số	Đơn giá (VNĐ) (Đã bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ) (Đã bao gồm VAT)	Ngô Gia Tự	Ngọc Lâm	Ngọc Thụy	Phúc Đồng	Phúc Lợi	Sài Đồng	Thanh Am	Thạch Bàn A	Thạch Bàn B	Thượng Thanh	Việt Hưng	Vũ Xuân Thiều	PTCS Hy vọng	Ái Mộ A	Ái Mộ B	Bồ Đề	Cự Khối	Đoàn Kết	Đức Giang	Đô thị Sài Đồng	Đô thị Việt Hưng	Gia Quất	Gia Thụy	Gia Thượng	Giang Biên	Long Biên	Lý Thường Kiệt
I	MÔN TOÁN - TIẾNG VIỆT - TNXH																															
1	MÔN TOÁN																															
1.1	Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số	Bộ	151	66.000	9.966.000	7	8	9	6	10	7	6	6	6	4	6	7		5	6	4	6	2	1	7	8	-	9	2	6	9	4
1.2	Bộ thiết bị dạy phép tính	Bộ	159	78.000	12.402.000	7	8	9	7	10	7	6	6	6	4	8	7		5	6	4	6	2	1	7	8	5	9	2	6	9	4
1.3	Hình phẳng và hình khối	Bộ	182	90.000	16.380.000	7	8	9	7	10	7	6	6	6	7	8	7		5	6	8	6	8	7	7	8	5	9	6	6	9	4
1.4	Mô hình đồng hồ giáo viên	Bộ	139	150.000	20.850.000	7	8	9	7	10	7	6	6	6	4	5	7		-	6	2	6	2	1	7	8	-	9	2	6	3	5
2	MÔN TIẾNG VIỆT																															
2.1	Tranh: Bộ mẫu chữ viết	Bộ	156	216.000	33.696.000	7	8	9	7	10	7	1	6	6	7	8	7		5	-	8	6	8	1	7	8	5	9	2	6	3	5
2.2	Tranh: Bộ chữ dạy tập viết	Bộ	145	180.000	26.100.000	7	8	9	7	10	7	1	6	6	7	8	7		-	-	8	6	2	1	7	8	5	9	2	6	3	5
2.3	Bộ thẻ chữ học văn thực hành	Bộ	152	110.400	16.780.800	7	8	9	7	10	7	-	6	6	7	8	-		5	6	-	6	2	7	7	8	5	9	2	6	9	5
2.4	Bộ chữ học văn biểu diễn	Bộ	156	900.000	140.400.000	7	8	9	7	10	7	6	6	6	7	8	7		5	2	-	6	2	7	7	8	5	9	2	6	4	5
3	MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI																															
3.1	Cộng đồng địa phương																															
3.1.1	Bộ sa bàn giáo dục giao thông	Bộ	172	1.440.000	247.680.000	7	8	9	7	10	7	6	6	6	7	8	1		5	-	8	6	8	7	7	8	5	9	6	6	9	6
3.2	Con người và sức khỏe		12											6																		6
3.2.1	Bộ tranh: Cơ thể người và các giác quan	Bộ	130	42.000	5.460.000	7	-	9	7	10	-	-	6	6	7	8	7		5	-	8	6	8	-	1	-	5	9	6	6	3	6
3.2.2	Bộ tranh: Những việc nên và không nên làm để phòng tránh tật cận thị học đường	Bộ	130	42.000	5.460.000	7	-	9	7	10	-	-	6	6	7	8	7		5	-	8	6	8	-	1	-	5	9	6	6	3	6
3.2.3	Bộ tranh: Các việc cần làm để giữ vệ sinh cá nhân	Bộ	130	46.800	6.084.000	7	-	9	7	10	-	-	6	6	7	8	7		5	-	8	6	8	-	1	-	5	9	6	6	3	6
3.2.4	Bộ tranh về phòng tránh bị xâm hại	Bộ	130	34.800	4.524.000	7	-	9	7	10	-	-	6	6	7	8	7		5	-	8	6	8	-	1	-	5	9	6	6	3	6
II	MÔN ÂM NHẠC - MỸ THUẬT																															
1	MÔN ÂM NHẠC																															
1.1	Thanh phách	Cặp	556	32.400	18.014.400	35	40		1	6	40	-	40	40	-	35	40		6	40	-	40	40	-		20	40	3	-	40	30	20
1.2	Song loan	Cái	617	50.400	31.096.800	35	30		1	18	40	-	40	40	40	40	0		20	40	40	40	40	-		35	40	3	-	40	-	35
1.3	Trống nhỏ	Cái	218	228.000	49.704.000	10	5		1	-	10	10	10	10	10	10	10		2	40	10	10	10	-		10	10	10	-	10	10	10
1.4	Triangle (tam giác chuông)	Cái	261	216.000	56.376.000	10	10	10	1	10	10	10	10	10	10	10	10		10	40	10	10	10	-	10	10	10	10	10	10	10	-
1.5	Tambourine (trống lục lạc)	Cái	251	474.000	118.974.000	10	10	10	1	10	10	10	10	10	10	10	10		10	40	10	10	10	-		10	10	10	10	10	10	-
2	MÔN MỸ THUẬT																															
2.1	Bảng vẽ cá nhân	Cái	588	90.000	52.920.000	-	-		1	-	40	35	40	40	40	40	-		40	40	28	40	-	-		40	40	3	41	40	40	-
2.2	Giá vẽ 3 chân chữ A	Cái	273	540.000	147.420.000	10	-		1	-	10	4	10	10	10	-	40	-	30	40	10	40	-	-		40	-	3	-	-	15	10
2.3	Bảng vẽ học nhóm	Cái	121	144.000	17.424.000	10	-		3	-	6	6	6	6	6	6	6		6	6	6	6	6	-		6	-	6	6	6	6	6
2.4	Bục đặt mẫu	Cái	66	576.000	38.016.000	1	-		3	4	2	-	4	2	1	4	2		4	4	3	4	3	-	4	4	1	4	4	4	4	-
2.5	Các hình khối cơ bản	Bộ	27	4.560.000	123.120.000	1	1	1	1	1	1	-	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1
III	MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT																															
1	Bộ tranh hoặc video về đội hình đội ngũ (ĐHĐN)	Bộ	77	96.000	7.392.000	2	-	6	2	5	2	2	2	2	6	3	1		6	-	6	6	3	-	2	2	1	6	2	6	3	1
2	Bộ tranh hoặc video về các tư thế vận động cơ bản (VĐCB)	Bộ	77	60.000	4.620.000	2	-	6	2	5	2	2	2	2	6	3	1		6	-	6	6	3	-	2	2	1	6	2	6	3	1
3	Bộ tranh hoặc video về bài tập thể dục (BTĐD)	Bộ	65	408.000	26.520.000	2	-	2	2	5	2	2	2	2	1	3	1		5	-	6	6	3	-	2	2	1	6	-	6	3	1
4	Đồng hồ bấm giây	Cái	74	384.000	28.416.000	2	5	3	2	5	-	1	2	3	2	3	-		6	5	6	6	3	-	3	4	1	6	-	3	2	1
5	Còi	Cái	84	12.000	1.008.000	6	4	3	2	4	3	-	2	3	4	3	-		6	6	5	6	5	-	5	4	2	6	-	3	-	2
6	Cờ đuôi nheo	Cái	264	18.000	4.752.000	12	12	12	-	12	12	12	12	12	-	12	12		12	12	12	12	12	-	12	12	12	12	-	12	12	12
7	Thước dây	Cái	80	180.000	14.400.000	2	6	1	-	5	6	2	2	4	2	3	-		6	6	5	6	3	-		4	-	6	-	6	4	1
8	Nhạc tập bài tập thể dục	Đĩa	45	60.000	2.700.000	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	3	1		2	2	2	2	2	2	1	2	1	2	-	2	2	-
DỤNG CỤ THỂ THAO TỰ CHỌN (Chỉ trang bị những dụng cụ tương ứng với môn thể thao được nhà trường lựa chọn)																																
10	Bóng đá	Quả	98	336.000	32.928.000	-	-	6	2	-	-	-	6	6	-	6	2		6	6	6	6	-	-		6	6	6	10	6	6	6
11	Khung thành bóng đá 5 người Đức Long	Chiếc	6	10.620.000	63.720.000	-	-	2	-	-	-	-	2	-	-	1	-		-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Tổng số	Đơn giá (VNĐ) (Đã bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ) (Đã bao gồm VAT)	Ngô Gia Tự	Ngọc Lâm	Ngọc Thụy	Phúc Đồng	Phúc Lợi	Sài Đồng	Thanh h Am	Thạch Bàn A	Thạch Bàn B	Thượng Thanh	Việt Hưng	Vũ Xuân Thiều	PTCS Hy vọng	Ái Mộ A	Ái Mộ B	Bồ Đề	Cự Khố	Đoàn Kết	Đức Gian g	Đô thị Sài Đồng	Đô thị Việt Hưng	Gia Quất	Gia Thụy	Gia Thượng	Giang Biên	Long Biên	Lý Thường Kiệt	
12	Bóng rổ	Quả	84	276.000	23.184.000	6	-	6	-	-	6	6	6	6	-	6	-		6	6	-	6	-	-		6	-	6	-	6	6	-	
13	Trụ bóng rổ trường học BS27	Chiếc	16	11.310.000	180.960.000	1	-		-	2	2	1	2	1	-	2	-		-	-	1	-	-		2	-	1	-	-	1	-	-	
14	Dây nhảy tập thể	Chiếc	119	60.000	7.140.000	6	6	2	2	4	6	6	6	6	-	6	6		6	6	6	6	6	-	3	4	6	6	-	6	6	2	
15	Dây nhảy cá nhân	Chiếc	240	36.000	8.640.000	20	20		-	-	-	-		20	-	-	-		20	20	20	20	20	-		20	20	-	-	20	20	-	
16	Quả cầu đá	Quả	730	21.600	15.768.000	-	-		-	40	-	-	40	40	-	5			20	120	-	115	-	-		150	-	-	100	40	40	20	
17	TRU CẦU LÔNG, đá cầu BA 520 + Lưới	Chiếc	23	5.629.000	129.467.000	1	-		1	1	-	-	2	1	-	2	-		-	2	1	2	-	-	2	2	1	2	-	2	1	-	
18	Bóng ném	Quả	48	36.000	1.728.000	-	-		-	-	-	6	6	6	-	6	-		-	-	-	6	-	-		6	-	6	-	6	-	-	
19	Bóng chuyền hơi	Quả	60	216.000	12.960.000	-	-	6	-	6	-	-	6	6	-	6	-		6	6	-	6	-	-		6	-	-	6	-	-	-	
20	Trụ Bóng Chuyền Di Động Sodex Sport	Chiếc	16	12.433.000	198.928.000	-	-		-	2	-	-	2	2	-	2	-		-	2	-	2	-	-		2	-	2	-	-	-	-	-
21	Các bài nhạc dân vũ	Đĩa	37	60.000	2.220.000	-	2	2	1	2	1	1	2	2	1	3	1		2	2	2	2	-	-		2	1	2	2	2	2	2	-
IV	MÔN ĐẠO ĐỨC - HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM				-																												
1	MÔN ĐẠO ĐỨC				-																												
1,1	Bộ tranh: nghiêm trang khi chào cờ (Yêu nước)	Bộ	125	66.000	8.250.000	7	-	9	7	10	-	-	6	6	7	8	7		5	-	8	6	3	-	1	-	5	9	6	6	3	6	
1,2	Bộ tranh: Yêu gia đình (Nhân ái)	Bộ	125	34.800	4.350.000	7	-	9	7	10	-	-	6	6	7	8	7		5	-	8	6	3	-	1	-	5	9	6	6	3	6	
1,3	Bộ tranh: Thất thá (Trung thực)	Bộ	125	34.800	4.350.000	7	-	9	7	10	-	-	6	6	7	8	7		5	-	8	6	3	-	1	-	5	9	6	6	3	6	
1,4	Bộ tranh: Tự giác làm việc của mình (Chăm chỉ)	Bộ	125	42.000	5.250.000	7	-	9	7	10	-	-	6	6	7	8	7		5	-	8	6	3	-	1	-	5	9	6	6	3	6	
1,5	Bộ tranh: Sinh hoạt nề nếp	Bộ	125	36.000	4.500.000	7	-	9	7	10	-	-	6	6	7	8	7		5	-	8	6	3	-	1	-	5	9	6	6	3	6	
9	Đệm nhảy	Bộ	29	420.000	12.180.000	-	-	1	1	-	4	-	2	-	-	-	-		-	-	2	6	4	-		-	-	2	0	6	-	1	
1,6	Bộ tranh: Thực hiện nội quy trường, lớp	Bộ	125	36.000	4.500.000	7	-	9	7	10	-	-	6	6	7	8	7		5	-	8	6	3	-	1	-	5	9	6	6	3	6	
1,7	Bộ tranh: Tự chăm sóc bản thân	Bộ	125	38.400	4.800.000	7	-	9	7	10	-	-	6	6	7	8	7		5	-	8	6	3	-	1	-	5	9	6	6	3	6	
1,8	Bộ tranh: Phòng tránh tai nạn thương tích	Bộ	125	36.000	4.500.000	7	-	9	7	10	-	-	6	6	7	8	7		5	-	8	6	3	-	1	-	5	9	6	6	3	6	
2	MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM				-																												
2,1	Bộ Thẻ Các gương Mặt Cảm Xúc Cơ Bản:	Bộ	312	156.000	48.672.000	7	8	9	14	5	7	42	6	6	14	8	7		5	40	58	12	8	0	2	8	5	9	12		9	11	
V	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG				-																												
1	Bảng nhóm	Chiếc	131	96.000	12.576.000	-	-		-	-	-	-	-	-	-	8	-		-	40	-	40	-	-	-	-	-	-	25	6	6	6	
2	Tủ nhỏ sơ đồ phòng TGDĐ và phòng chống cháy	Chiếc	30	5.760.000	172.800.000	-	-	4	-	-	-	-	-	2	-	8	-		7	-	-	6	-	-	-	-	-	-	-	-	2	1	
3	Bảng phụ	Chiếc	42	300.000	12.600.000	-	-		-	10	-	-	-	6	-	-	-		-	6	-	6	-	-	-	-	-	8	-	-	6	-	
4	Khả năng kết nối Bluetooth đơn giản với máy cassette Sony ZS-K300D1	Chiếc	14	3.735.000	52.290.000	-	-		-	-	-	-	-	1	-	2	-		-	2	2	2	-	-	-	1	-	2	-	-	2	-	
5	Âm thanh di động LAV A-1812 Công suất tối đa : 400W	Chiếc	9	12.885.000	115.965.000	-	-		-	1	-	-	-	-	-	1	-		-	1	1	1	-	-	-	1	-	1	-	1	-	-	
6	Nam châm	Chiếc	1.186	18.000	21.348.000	-	-		-	-	140	60	-	60	-	-	-		100	120	-	120	160	-	-	136	-	80	-	120	90	-	
7	Nẹp treo tranh	Chiếc	80	144.000	11.520.000	-	-		-	-	-	-	-	20	-	-	-		-	-	-	20	-	-	-	-	20	-	20	-	-	-	
8	Giá treo tranh	Chiếc	8	2.220.000	17.760.000	-	-		-	-	-	-	-	2	-	-	-		-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	
9	Smart Tivi Samsung 4K 55 inch UA55TU7000 Mới 2020	Chiếc	6	16.900.000	101.400.000	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	2	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	
10	Phụ kiện lắp đặt Tivi Giá treo cổ định tivi : Kích thước (1000 x 430 x 30)mm	Bộ	6	1.830.000	10.980.000															2		2									2		
11	Đầu Vitek VK350HDMI oại đầu đĩa: DVD Kết nối: USB, HDMI, Component,	Chiếc	2	2.487.500	4.975.000	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Tổng cộng				2.601.865.000																												

TỔNG HỢP DANH MỤC VÀ DỰ TOÁN NHU CẦU MUA SẴM BỔ SUNG ĐỒ DÙNG DẠY HỌC LỚP 1 NĂM 2020 DÙNG CHO HỌC SINH VÀ NHÓM HỌC SINH.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của UBND quận Long Biên)

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Tổng số	Đơn giá (VNĐ) (Đã bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ) (Đã bao gồm VAT)	Ngô Gia Tự	Ngọc Lâm	Ngọc Thụy	Phúc Đồng	Phúc Lợi	Sài Đồng	Thanh Am	Thạch Bàn A	Thạch Bàn B	Thượng Thanh	Việt Hưng	Vũ Xuân Thiều	PTCS Hy vọng	Ái Mộ A	Ái Mộ B	Bồ Đề	Cự Khối	Đoàn Kết	Đức Giang g	Đô thị Sài Đồng	Đô thị Việt Hưng	Gia Quất	Gia Thụy	Gia Thượng	Giang Biên	Long Biên	Lý Thường Kiệt
I	MÔN TOÁN - TIẾNG VIỆT - TNXH																															
1	MÔN TOÁN																															
1.1	Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số	Bộ	4.607	66.000	304.062.000		245	326		350	142	210	225		300			195	234	277		323	260	170	280	200	292		40	340	198	
1.2	Bộ thiết bị dạy phép tính	Bộ	4.607	78.000	359.346.000		245	326		350	142	210	225		300			195	234	277		323	260	170	280	200	292		40	340	198	
1.3	Hình phẳng và hình khối	Bộ	4.607	90.000	414.630.000		245	326		350	142	210	225		300			195	234	277		323	260	170	280	200	292		40	340	198	
1.4	Mô hình đồng hồ giáo viên	Bộ	278	150.000	41.700.000																277		1									0
2	MÔN TIẾNG VIỆT				-																											
2.1	Tranh: Bộ mẫu chữ viết	Bộ	278	216.000	60.048.000																277		1									0
2.2	Tranh: Bộ chữ dạy tập viết	Bộ	278	180.000	50.040.000																277		1									0
2.3	Bộ thẻ chữ học vần thực hành	Bộ	4.113	110.400	454.075.200		245	326		350	142	210	225		300			195	277		323		170	280	200	292		40	340	198		
2.4	Bộ chữ học vần biểu diễn	Bộ	603	900.000	542.700.000			326													277											0
3	MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI				-																											
3.1	Cộng đồng địa phương				-																											
3.1.1	Bộ sa bàn giáo dục giao thông	Bộ	279	1.440.000	401.760.000	6	42	6		58	10	-	12	-	6	-		35	-	8	-	-	7		12	7	24	-	40	6		
3.2	Con người và sức khỏe				-																											
3.2.1	Bộ tranh: Cơ thể người và các giác quan	Bộ	205	42.000	8.610.000			6	24	-	-	-	-	6	6	-	7		35	-	8	-	12	-		12	7	24	-	40	18	
3.2.2	Bộ tranh: Những việc nên và không nên làm để phòng tránh tai nạn thị học đường	Bộ	205	42.000	8.610.000			6	24	-	-	-	-	6	6	-	7		35	-	8	-	12	-		12	7	24	-	40	18	
3.2.3	Bộ tranh: Các việc cần làm để giữ vệ sinh cá nhân	Bộ	205	46.800	9.594.000			6	24	-	-	-	-	6	6	-	7		35	-	8	-	12	-		12	7	24	-	40	18	
3.2.4	Bộ tranh về phòng tránh bị xâm hại	Bộ	205	34.800	7.134.000			6	24	-	-	-	-	6	6	-	7		35	-	8	-	12	-		12	7	24	-	40	18	
II	MÔN ÂM NHẠC - MỸ THUẬT				-																											
1	MÔN ÂM NHẠC				-																											
1.1	Thanh phách	Cặp	35	32.400	1.134.000				35	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1.2	Song loan	Cái	7	50.400	352.800				7	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1.3	Trống nhỏ	Cái	10	228.000	2.280.000				10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1.4	Triangle (tam giác chuông)	Cái	10	216.000	2.160.000				10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	MÔN MỸ THUẬT				-																											
2.1	Bảng vẽ cá nhân	Cái	60	90.000	5.400.000				25	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	35	-	-	-	
2.2	Giá vẽ 3 chân chữ A	Cái	38	540.000	20.520.000				3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	35	-	-	-	
2.3	Bảng vẽ học nhóm	Cái	3	144.000	432.000				3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
III	MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT				-																											
1	Nhạc tập bài tập thể dục	Đĩa	2	60.000	120.000					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2		-	-	-	-	-	-	-	
DỤNG CỤ THỂ THAO TỰ CHỌN (Chỉ trang bị những dụng cụ tương ứng với môn thể thao được nhà trường lựa																																
1	Dây nhảy tập thể	Chiếc	2	60.000	120.000				2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Dây nhảy cá nhân	Chiếc	20	36.000	720.000			20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Quả cầu đá	Quả	265	21.600	5.724.000		125	60	-	40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	40	
4	Các bài nhạc dân vũ	Đĩa	2	60.000	120.000					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2		-	-	-	-	-	-	-	
IV	MÔN ĐẠO ĐỨC - HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM				-																											
1	MÔN ĐẠO ĐỨC				-																											
1.1	Bộ tranh: nghiêm trang khi chào cờ (Yêu nước)	Bộ	172	66.000	11.352.000			6	24	-	-	-	6	6	6	-	7		35	-	8	-	12	-	1	12	7	24	-	-	18	
1.2	Bộ tranh: Yêu gia đình (Nhân ái)	Bộ	212	34.800	7.377.600			6	24	-	-	-	6	6	6	-	7		35	-	8	-	12	-	1	12	7	24	-	40	18	
1.3	Bộ tranh: Thật thà (Trung thực)	Bộ	212	34.800	7.377.600			6	24	-	-	-	6	6	6	-	7		35	-	8	-	12	-	1	12	7	24	-	40	18	
1.4	Bộ tranh: Tự giác làm việc của mình (Chăm chỉ)	Bộ	212	42.000	8.904.000			6	24	-	-	-	6	6	6	-	7		35	-	8	-	12	-	1	12	7	24	-	40	18	
1.5	Bộ tranh: Sinh hoạt nề nếp	Bộ	212	36.000	7.632.000			6	24	-	-	-	6	6	6	-	7		35	-	8	-	12	-	1	12	7	24	-	40	18	

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Tổng số	Đơn giá (VNĐ) (Đã bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ) (Đã bao gồm VAT)	Ngô Gia Tự	Ngọc Lâm	Ngọc Thụy	Phúc Đồng	Phúc Lợi	Sài Đồng	Thanh Am	Thạch Bàn A	Thạch Bàn B	Thượng Thanh	Việt Hưng	Vũ Xuân Thiều	PTCS Hy vọng	Ái Mộ A	Ái Mộ B	Bồ Đề	Cự Khố	Đoàn Kết	Đức Gian g	Đô thị Sài Đồng	Đô thị Việt Hưng	Gia Quát	Gia Thụy	Gia Thuận	Gia Xuân	Long Biên	Lý Thường Kiệt
1,6	Bộ tranh: Thực hiện nội quy trường, lớp	Bộ	212	36.000	7.632.000			6	24	-	-	-	6	6	6	-	7		35	-	8	-	12	-	1	12	7	24	-	40	18	
1,7	Bộ tranh: Tự chăm sóc bản thân	Bộ	212	38.400	8.140.800			6	24	-	-	-	6	6	6	-	7		35	-	8	-	12	-	1	12	7	24	-	40	18	
1,8	Bộ tranh: Phòng tránh tai nạn thương tích	Bộ	212	36.000	7.632.000			6	24	-	-	-	6	6	6	-	7		35	-	8	-	12	-	1	12	7	24	-	40	18	
2	MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM				-																											
2,1	Bộ Thẻ Các Gương Mặt Cảm Xúc Cơ Bản: Giúp học sinh nhận diện các trạng thái cảm xúc cơ bản	Bộ	693	120.000	83.160.000	6	42	40	48	58	-	-	12	6	6	-	21		35	-	8	-	48	260	2	12	7	24		40	18	
V	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG				-																	-							-			
1	Bảng nhóm	Chiếc	35	96.000	3.360.000	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-		35	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
	Tổng cộng				2.853.960.000																											

